

Việt Sử Hùng Ca



**Phạm Khắc Trung
2012**

GIỚI THIỆU

Lúc có kết quả đậu Tú Tài 2 xong lại cô đơn đâm buồn, bởi cô bỏ và đám bạn thân của tôi rớt khóa 1, phải lo gạo bài để thi khóa 2, một mình lang thang không biết đi đâu mới mò vô tiệm sách tìm mua sách đọc qua ngày. Không biết ma đưa lối, quỷ dẫn đường thế nào mà tôi ôm về quyển Kinh Dịch của Ngô Tất Tố và quyển Thiền Luận của Suzuki do Tuệ Sỹ dịch. Quyển Thiền Luận tôi rần đọc được ít trang, khi học năm thứ 2 còn có dịp tung ra lòe thiên hạ được, chứ quyển Kinh Dịch thì phát kinh hồn vía.

Năm 1980 đi định cư ở Canada, mấy tháng sau bắt gặp danh mục sách do Đại Nam tái bản, tôi mừng quá mua vội quyển Kinh Dịch của Ngô Tất Tố về giấu trong học tủ để dành, sợ sau này không có, chứ lúc đó có rần đọc cũng không đủ sức lật nổi qua trang sau.

Đến năm 1992, khi đó thằng con trai tôi 6 tuổi, thông thường mỗi tối tôi ngồi đọc truyện cổ tích Việt Nam cho con nghe. Tối đó tôi đọc truyện An Dương Vương với Cổ Loa Thành, thằng con hứng thế nào lại đem hình Trống Đồng tôi treo ra hỏi. Thế là tôi hăng tiết vịt, ra kệ sách lấy quyển Sử Địa Trống Đồng của Kim Định tìm hình chỉ và giải thích cho con nghe. Đầu đó xong xuôi, thằng con lên giường ngủ ngon lành, không biết có “mơ làm người hùng Quang Trung” không thì không rõ, nhưng thằng cha thì trần trọc không sao ngủ được. Tôi bị ám ảnh bởi hình cái Trống Đồng, sao nhìn như cái giếng? Rồi tôi liên tưởng đến lời thầy Nguyễn Bát Tuấn dạy Hình Học lớp 11 khi xưa là, “Kỵ mã phối cạnh! Vừa phi ngựa vừa vẽ hình!” Đó là lý do khiến tôi nghĩ rằng những hoa văn khắc trên Trống Đồng là “ám ký” nên quyết tâm tìm hiểu.

Khổ nỗi, sách tiếng Việt nói về Trống Đồng không nhiều, tìm mỗi mắt cũng không thấy trên danh mục sách, mà hồi đó đâu đã có internet để tra tìm? Trong khi thành phố nơi tôi ở ít dân, sách trong thư viện không nhiều, và điều quan trọng là khả năng ngoại ngữ của tôi lại quá khiêm tốn, nên gặp nhiều khốn đốn, mà bản tính ương ngạnh lại không cho phép tôi bỏ cuộc dờ chừng... Lúc đó tôi nghĩ tới biện pháp học chữ Hán để đọc sách Tàu, nhưng nhớ lại bài học lịch sử, mỗi khi qua đô hộ nước mình, bao giờ người Tàu cũng lo thu vét sách của nước Nam ta, vậy tài liệu chúng ghi đã chắc gì là sự thật?

Tôi xin mở ngoặc nói thêm chỗ này, nếu tôi chưa từng sống dưới chế độ cộng sản, chắc tôi không nghi ngờ chuyện cạo, xóa, bịa đặt lịch sử... Kinh nghiệm luôn có cái giá của nó, đắt rẻ thế nào tùy thuộc vào sự thâm lường của từng người. Ông trời sinh ra tôi có bộ não trên trung bình, thích tò mò tìm hiểu mà lại làm biếng học và đọc sách, nhưng được cái đã đọc rồi thì nhớ, đã học rồi là khắc ghi lời thầy giảng. Bởi thế nên tôi càng hoang mang với nghĩa bóng của câu trả lời trong bài ca theo lối hát phong tình là “Nước Tàu dệt gấm thêu hoa!” Ôi! Cái đất nước chỉ biết đặt điều, thêu dệt vẽ vờ, và có biệt tài làm đồ nhái, đồ giả... Tôi biết đi đâu để tìm ra sự thật? Tìm đâu ra tài liệu chưa có hiệu đính của người Tàu?

Ngẫu nhiên tôi nhớ tới bài giảng về ý nghĩa những câu vè trong trò chơi “Ù Ập” của Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích trong giờ “Văn Minh Việt Nam” năm thứ 2 rằng:

*“Châu chi rành rành,
Cái đỉnh nổ lửa
Con ngựa đứt cương
Ba Vương nhất Đế
Cấp ké đi tìm
Ú tim ù ập!”*

Nhờ có sử sách ghi chép song hành, phần thì sự việc mới xảy ra gần đây (cuối thế kỷ 19), nên chúng ta còn hiểu được rằng câu đồng dao trên thuộc loại “Việt sử khẩu truyền” mang ý nghĩa là: “Bá cáo cùng chúng dân: Người Pháp đã chính thức mở màn cho công cuộc xâm lăng nước ta bằng những cuộc bắn phá dữ tợn bằng súng thần công vào cửa bể Đà Nẵng trong những năm 1856 và 1858. Trong khi đó, triều đình Huế bắt lặc, phải nhường 3 tỉnh miền Đông Nam Việt cho Pháp năm 1862, đến năm 1874 thì nhường nốt 3 tỉnh miền Tây Nam Việt, rồi đến mất chủ quyền ở Bắc Việt (thành Hà Nội 2 lần thất thủ) năm 1883. Sau khi vua Tự Đức băng hà (ngày 16 tháng 06 năm Quý Mùi, 1883), với dã tâm thiết lập nên một chính phủ bù nhìn để dễ dàng thao túng, chỉ trong vòng 1 năm, người Pháp đã liên tục truất phế 3 vua, lập hoàng tử thứ 26, con vua Thiệu Trị là Ưng Lịch, lúc đó mới 13 tuổi lên ngôi (1884), hiệu là Hàm Nghi. Trái với lòng mong đợi của người Pháp, dù còn nhỏ tuổi, vua Hàm Nghi vẫn nêu cao ý chí đấu tranh bất khuất của cha ông, đưa đến cuộc chính biến ngày 23 tháng 05 năm Ất Dậu (1885), kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm Nghi xuất bôn, xuống chiếu Cần Vương, kêu gọi toàn dân trường kỳ kháng chiến, quyết tâm đánh đuổi giặc Pháp, giành lại độc lập chủ quyền cho quê hương. Bằng nhiều thủ đoạn, từ võ lực cho tới dụ dỗ, mua chuộc..., người Pháp vẫn chưa làm gì được. Cho đến đêm 01-11-1888, tên đội trưởng Trương Quang Ngọc toa rập với tên đội hạ giá là Nguyễn Đình Tĩnh làm phản, bắt vua Hàm Nghi đem nộp cho Pháp để lãnh thưởng, phong trào Cần Vương tan vỡ”.

Với vốn vện 24 chữ mà tóm lược cả một giai đoạn lịch sử dài 32 năm, lại còn dựng thành một trò chơi cho trẻ nhỏ nô đùa để phổ biến. Với thời gian phôi phai, nếu không được giải thích tường tận, làm sao hiểu được những sự kiện lịch sử được chuyên chở trong 6 câu đồng dao đó? Tại sao cha ông mình phải vận tâm khổ sở đến thế?

Tôi trộm nghĩ rằng: Đã bao lần nước ta mất vào tay kẻ khác, nhà tan cửa nát, thân làm nô lệ! Lần nào đổ hộ nước ta, quân Tàu cũng đều tìm cách tịch thu sách, cưỡng hại học trò, mong hủy diệt những trang sử oai hùng của dân tộc Việt, để những đứa con Việt lớn lên bơ vơ không có hồn nước mà dựa, sống thất tha thất thểu như kẻ vô hồn, tha hồ cho chúng tiêu diệt và đồng hóa... Nhưng tổ tiên ta không bao giờ chịu khuất phục, bằng mọi cách cố nuôi dưỡng cái hồn nước, dựng tâm dựng nên những câu đồng dao, những câu chuyện thuộc loại hoang đường để

chuyên chờ ý nghĩa lịch sử hầu qua mặt quân Tàu mà duy trì ngọn lửa thiêng của dân tộc, không để cho nó bị tắt lụi, chờ cơ hội bùng lên, thu giang sơn về một mối!

Một chút ánh sáng lóe lên trong đường hầm tăm tối. Tôi tìm được sự đồng tình của Vũ Quỳnh, khi ông cho rằng những truyện chép trong Lĩnh Nam Trích Quái là “Sử ở trong truyện”. Xin trích bài tựa Lĩnh Nam Trích Quái liệt truyện của Vũ Quỳnh ra đây:

"Quế Hải tuy ở cõi Lĩnh Nam, nhưng núi non kỳ lạ, đất đai linh thiêng, nhân dân anh hào, truyền tích thần kỳ, thường thường vẫn có.

Trước thời Xuân Thu, Chiến Quốc, cách thời thái cổ không xa, phong tục nước Nam còn giản dị, chưa có quốc sử để ghi chép cho nên nhiều truyện bị mất mát đi. May còn truyện nào không bị thất lạc thì riêng được dân gian truyền miệng. Về sau, qua các đời Lương Hán, Tam Quốc, Đông Tây Tấn đến Đường, Tống, Nguyên, Minh mới có sử ghi chép các truyện như Lĩnh Nam chí, Giao Châu quảng ký, Giao Chỉ lược chí v.v... rành rành có thể tham khảo được. Nhưng nước Việt ta tự cổ vẫn là đất hoang dã cho nên việc ghi chép còn sơ lược.

Nước ta văn minh bắt đầu nổi lên từ đời Hùng Vương, tràn trề trong các đời Triệu, Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần đến nay đã lan khắp nơi, cho nên việc ghi chép quốc sử được tường tận hơn. Những truyện chép ở đây là sử ở trong truyện chăng? Bắt đầu có từ thời nào? Tên họ người hoàn thành là gì đều không thấy ghi rõ. Viết ra đầu tiên là những bậc tài cao học rộng ở đời Lý, Trần. Còn những người nhuận sắc là các bậc quân tử bác nhã hiếu cổ ngày nay.

Kẻ ngu này xin nghiên cứu gốc ngọn, trần thuật lại mà suy xét cho sáng tỏ ý người viết truyện. Xem truyện họ Hồng Bàng thì hiểu rõ được lai do việc khai sáng ra nước Hoàng Việt. Truyện Dạ Thoa lược thuật về điểm mạnh của nước Chiêm Thành. Có truyện Bạch Trĩ chép sự tích họ Việt Thường. Có truyện Rùa Vàng chép sử vua An Dương Vương. Đồ sinh lễ quý nhất nước Nam không gì bằng trầu cau cũng lấy đó mà biểu dương nghĩa vợ chồng, tình huynh đệ. Nước Nam Việt về mùa hạ không gì quý bằng quả dưa hấu cũng dùng nó mà kể truyện tự cây vật báu của mình, quên cả ơn chúa. Truyện Bánh Chưng khen lòng hiếu dưỡng, truyện Hà Ô Lôi răn thói dâm ô. Đồng Thiên Vương phá giặc Ân, Lý Ông Trọng diệt hung nô, đủ biết nước Nam ta có người tài giỏi. Chử Đồng Tử gá nghĩa cùng Tiên Dung, Thôi Vĩ tao phùng với tiên khách, cho nên, ơn đức có thể thấy vậy. Những truyện Đạo Hạnh, Không Lộ khen việc báo được thù cha, các vị thần tăng ấy há có thể mai một sao? Những truyện Ngư Tinh, Hồ Tinh nêu rõ sức trừ yêu quái mà ơn đức Long Quân không thể quên được vậy! Hai Bà Trưng trung nghĩa khi chết thành thần minh, treo cờ mà biểu dương, ai dám nói không được? Thần Tản Viên linh thiêng trừ loài thủy tộc, nêu lên cho hiển hách, ai lại bảo không phải? Than ôi! Nam Chiếu là con cháu Triệu Vũ Đế, nước mất lại biết phục thù; Man Nương là mẹ Mộc Phật, năm hạn làm được mưa rào; Tô Lịch là thần đất Long Đỗ, Xương Cuồng là thân cây Chiên Đàn, một đảng thì lập đàn tế lễ, dân được hưởng phúc, một đảng thì dùng trò vui mà trị, dân được thoát họa, việc tuy kỳ dị mà

không quáai đản, vẫn tuy thần bí mà không nhảm nhí, tuy có phần hoang đường mà tông tích vẫn có phần bằng cứ, há chẳng phải chỉ cốt khuyên điều thiện, răn điều ác, bỏ giả theo thật để khuyến khích phong tục mà thôi ư? So với sách "Sưu thần tự" của đời Tấn và sách "U quái lục" của đời Đường thì cũng nhất trí vậy.

Than ôi! Lĩnh Nam liệt truyện há có phải chỉ riêng khắc vào đá viết vào tre mới là quý hơn ở bia miệng đâu? Từ đứa bé học sữa đến cụ già bạc tóc đều truyền tụng để tỏ lòng yêu dấu, để tỏ ý chê trách thì tất là có quan hệ đến cương thường, phong hóa, sẽ bỏ ích há lại nhỏ bé ư?

Tháng hai năm Nhâm Tý, niên hiệu Hồng Đức, kẻ ngu này mới bắt đầu chép được truyện cũ, ôm lấy mà đọc, không tránh khỏi chữ nọ xọ chữ kia. Thế là quên mình đốt nát, đem ra hiệu chính, xếp thành hai quyển, đặt tên là "Lĩnh Nam trích quái liệt truyện", cất ở trong nhà để tiện quan lãm. Còn như việc khảo chính, nhuận sắc, làm sáng truyện, gọt văn, chấp lời, rửa ý thì chưa vị quân tử hiếu cổ sau đây há không có ai hay sao? Cho nên viết bài tựa này.

*Tiết Trung Hòa,
mùa xuân năm Hồng Đức thứ 23.
Vũ Quỳnh" (Ngưng trích)*

Chúng ta luôn tự hào về cái lịch sử vẻ vang với hơn 4000 năm văn hiến của dân tộc. Mà về vang thật! Với cái sức mạnh đồng hóa ghê gớm đến thế của giặc Bắc phương, tất cả các nước lớn bé khác của Việt tộc đều bị tiêu diệt và đồng hóa, duy có giống dân nhỏ bé Lạc Việt là còn đứng vững và trường tồn được đến ngày nay, tức là cái hồn Lạc Việt phải cứng bền như khối kim cương, cái ngọn lửa thiêng Lạc Việt phải âm ỉ cháy mãi không ngừng. Vậy thì những trang sử trong truyện đã từng hun đúc cái hồn nước ấy, đã từng nuôi dưỡng cái ngọn lửa thiêng ấy, phải có một ý nghĩa ngậm trọng đại nào đó, phải cao cả và khoa học lắm thì mới đủ sức xuyên thấu nỗi cái sức mạnh đồng hóa đó mà trường tồn, chứ không thể tầm thường theo cái nghĩa đen hoang đường thiếu khoa học của cái truyện trăm trứng nở trăm con được. Tôi nghĩ, truyện Việt, cho dù có viết bằng chữ Hán đi nữa, thì chữ cũng chỉ là phần hình, tức là cái xác truyện; trong khi cái ý mới là phần khí, tức là cái hồn của truyện. Người Tàu dù có chiếm đoạt được tài liệu và sách vở của Việt Nam ta đi nữa, thì cũng không hiểu, chẳng khác nào chỉ chiếm được cái xác không, chứ hồn thì vẫn lưu luyến mà quần quít ở phương Nam, như truyện Lý Ông Trọng nói vậy.

Vững tin là một chuyện, làm cách nào giải mã để tìm hiểu ý nghĩa lịch sử được gói ghém trong những câu truyện ấy mới là vấn đề?

Tôi lại nhớ tới câu chuyện Trạng Lợn thể này (trích): "... Khi triều đình mở khoa thi, sĩ tử khắp nơi lũ lượt lều chõng, kéo nhau về kinh dự thí, dĩ nhiên là trong đó có thầy khóa Chung. Trên đường đi dự thí, một hôm đi đến một đầu làng nọ, thấy tấm bia đề hai chữ "hạ mã" để nhắc nhở

những người dùng ngựa phải xuống ngựa mà dắt bộ để tỏ lòng thành kính với vị thành hoàng trong làng. Hai chữ "hạ mã" khắc trên tấm bia đã có từ lâu, và mọi người đều chấp chỉ tuân hành theo cái "lệ làng" muôn thuở, chẳng dờ hơi mà bận tâm thắc mắc. Thế nhưng đối với khóa Chung lại khác, không dễ dàng chấp nhận sự việc một cách tiêu cực theo cái lối học từ chương, khóa ta dùng ngay Hán tự mà chiết giải. "Hạ mã" tức là phải xuống ngựa, không được ngồi trên yên ngựa, nghĩa là "bất yên", mà chữ "bất yên" này lại đồng thanh với chữ "bất an" có nghĩa là không yên ổn, thế là thầy khóa quyết định không vào làng, mà rủ các bạn đồng hành đánh vòng qua phía ngoài làng. Dù bấm bụng cười thầm anh bạn dốt đặc cán mai, nhưng họ cũng chịu ý mà làm một vòng du lịch quanh làng. Vừa đi được một quãng thì nghe tiếng hoan náo ầm ỹ, người trong làng kêu la cứu hỏa, một đám cháy xảy ra thiếu rụi gần nửa làng. Thế là các bạn đồng hành qua một phen hú vía, tự hổ thẹn vì đã coi thường khóa Chung..." (Ngưng trích)

Phải chăng chuyện Trạng Lợn nhằm lưu ý sự khác biệt giữa thanh âm và ý nghĩa của truyện Việt trong chữ Hán, tức cái hồn Việt mà ẩn trong xác Tàu? Đây, tôi xin dẫn giải lời giải thích của Lê Quý Đôn: *"Trung quốc viết chữ, nghĩa lý ở chữ, không ở âm; nước ngoài chép âm, nghĩa lý ở âm, không ở chữ. Văn tự Trung Quốc từ chỗ trông thấy chữ mà sinh ra tưởng ngộ (nghĩ ra rồi hiểu), nếu tìm ở âm thì sai. Học thanh âm nước ngoài, thì từ chỗ nghe mà biết được nghĩa, nếu tìm ở chữ viết thì bế tắc"* (Vân Đài Loại Ngữ, Lê Quý Đôn, Đại Nam tái bản ở hải ngoại, trang 279, mục 17).

Đi được tới đây tôi đã thấy vui trong dạ, nghĩ biết đâu nhờ mình dốt, không biết nghĩa lý ở "chữ" (Hán), mà loay hoay tìm hiểu ý nghĩa ở "âm", không chừng lại đúng nhíp? Cũng như câu chuyện Hiệp Khách Hành của Kim Dung: Thạch Phá Thiên giả (tên thật là Cẩu Tạp Chủng), bởi không biết đọc, nên chỉ căn cứ theo nét viết mà quơ kiếm lần theo, rốt cuộc lại luyện thành bí kíp võ công, trong khi những cao thủ tiền bối khác đã ở lâu trong thạch động nghiên cứu ý nghĩa lời viết miết mấy chục năm mà không đạt được...

Ai cũng biết ở quê Khổng Tử có ấp Trâu Sơn trong nước Lỗ. Còn đạo của Khổng Tử là gì thì ông tuyên bố rõ đó là đạo cổ, ông không sáng lập ra đạo mà chỉ truyền lại đạo cổ của người xưa mà thôi (ngô thuật nhi bất tác). Nếu hỏi đạo cổ ấy ở đâu thì ông hướng về phương Nam xá, như ông trả lời Tử Lộ hỏi về đức cường: "Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo / Nam phương chi cường dã, quân tử cư chi". Làm tôi liên tưởng đến truyện Man Nương (xin dài dòng trích ra đây):

"Thời Hiến Đế nhà Hán, quan Thái thú tên là Sĩ Nhiếp đắp thành ở phía Nam sông Bình Giang (nay là thành phía Nam sông Thiên Đức). Ở Phương Nam có một ngôi chùa gọi là chùa Phúc Nham, có một nhà sư từ phương Tây đến, hiệu là Già La Đồ Lê, trụ trì ở chùa ấy, hay làm phép đứng một chân; trai gái, già trẻ tín mộ, kính phụng tôn hiệu làm Tôn Sư, ai nấy đều cầu học đạo Phật."

Lúc bấy giờ có một người con gái tên là Man Nương, cha mẹ đều đã mất, nhà nghèo khổ nhưng cũng dốc lòng cầu đạo, chỉ vì nói ngọng, khó tụng kinh chung với mọi người nên thường ở sau bếp giã gạo nhặt rau, lo việc nấu thổi để cung dưỡng các sư trong chùa và học giả bốn phương đến học đạo.

Khoảng trời tháng năm, đêm lại ngắn ngủi, Man Nương vội vã lo thổi nấu cho xong. Nàng nấu đã xong xuôi, nhưng các sư còn tụng kinh chưa nghỉ để ăn cháo; Man Nương ngồi chờ, ngủ gật ở ngạch cửa không ngờ quên lỉnh nằm ngủ say. Đến khi tảng đồ tụng niệm xong, ai về phòng nấy thì Man Nương còn nằm ở cửa; nhà sư Đồ Lê bước ngang trên mình nàng, Man Nương hồn nhiên tâm động, từ đó thụ thai. Trong khoảng được ba bốn tháng, Man Nương lấy làm xấu hổ bỏ đi, nhà sư Đồ Lê cũng tránh đi đến chùa ngã ba đầu sông mà ở.

Mãn nguyệt, Man Nương sinh được một đứa con gái và tìm nhà sư để giao lại. Đêm khuya, nhà sư Đồ Lê đến dưới cây đa ở ngã ba đầu sông mà đặt đứa con gái và nói:

– Ta gửi Phật tử này cho mày, mày giữ lấy, sau được thành Phật đạo.

Sư Đồ Lê và Man Nương từ biệt nhau mà đi. Đồ Lê cho nàng một chiếc gậy và bảo rằng:

– Ta cho em cái gậy này đem về, hễ gặp năm nào trời đại hạn thì lấy gậy vẩy vẩy dưới đất tự nhiên có nước chảy ra để cứu người ta.

Man Nương cầm gậy trở về, lại ở chùa như trước; gặp năm trời hạn, nàng lấy gậy vẩy trên đất, tự nhiên có nước suối chảy ra ào ào, dân chúng được nhờ vả rất nhiều.

Khi Man Nương đã hơn tám mươi tuổi thì bất đồ cây đa bị lật đổ trôi đến trước bến chùa, quanh quần ở đó không trôi đi; người ở đó đua nhau bổ củi thì búa rìu đều bị gãy mẻ hết; làng xóm rủ nhau ba trăm người đến kéo cũng không chuyển động.

Gặp Man Nương xuống bến rửa tay, nàng khẽ lấy tay kéo thử, cây lập tức chuyển động trôi vào, ai nấy kinh dị, vội bảo Man Nương kéo thẳng lên bờ, khiến thợ mộc trở làm bốn pho tượng Phật; kịp lúc đổ đến giữa cây, chỗ giấu người con gái thì chỗ ấy đã hóa thành một phiến đá rất cứng; người thợ đổ đúng vào chỗ đó thì rìu búa mẻ hết, mới lấy phiến đá ném xuống giữa sông; phiến đá phóng xuất hào quang, giờ lâu mới chìm xuống nước; các người thợ đều chết hết. Mọi người đều xin nhờ Man Nương van vái mượn kẻ chài lặn xuống nước vớt lên, rước vào điện Phật, lấy vàng tô lên mà phụng thờ.

Sư Đồ Lê mới đặt tên cho bốn pho tượng Phật là: Pháp Văn, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện. Già trẻ trai gái bốn phương thường nhóm họp ở chùa này chơi đùa ca múa, gọi là hội tám Phật, đến nay đang còn vậy” (Ngưng trích)

Bản tính của Khổng Tử ưa trọng những điều lễ nghĩa, ngay từ thuở nhỏ khi chơi với trẻ cũng hay bày đồ cúng tế. Năm Ngài 19 tuổi thì thành gia thất, rồi ra nhận chức Ủy Lại, coi sự gặt thóc ở kho, sau lại làm Tư Chức Lại coi việc nuôi bò dê để dùng về việc cúng tế. Ngài rất chú ý về lễ nghi và những phép tắc của các đế vương đời trước, phàm ở đâu có việc gì quan hệ đến việc tế lễ là Ngài cũng đi xem xét rất tận tường, lý nào Ngài chẳng chú tâm quan sát tỷ mỉ những hình khắc nơi Trống Đồng, một cổ vật được dùng trong những khi tế lễ?

Nhà sư Già La Đà Lê đến từ phương tây, ý chỉ sự đã thành đạt. Nhà sư lại “hay làm phép đứng một chân; trai gái, già trẻ tín mộ, kính phụng tôn hiệu làm Tôn sư”, ngằm chỉ kiêu đánh trống được chạm trên trống đồng, là để cái trống trên cọc cắm thông xuống đất, để trống được thông hội với đất với nước.

Thời Xuân Thu loạn lạc, đạo đế vương đời trước mờ tối, người đời say đắm đường công lợi, không ai thiết tưởng đến nhân đến nghĩa... Nhưng cũng vì thế cực biến loạn, dân tình điêu linh khốn khổ, kẻ sĩ mới lo tìm cách sửa đổi để cứu vớt thiên hạ, vậy nên nhiều học thuyết mới hưng thịnh lên.

Trong số những kẻ sĩ ấy có Khổng Tử, Ngài dốc lòng nghiên cứu và lĩnh hội được đạo lý cao thâm thâm chứa nơi Trống Đồng, rồi đem cái đạo cổ của thánh nhân ra mà truyền bá, lấy nhân lễ nghĩa trí mà dạy người, lấy cương thường mà hạn chế nhân dục để giữ trật tự trong xã hội được vững bền. Nhưng cũng chính vì đã lĩnh hội được đầy đủ ý nghĩa của Trống Đồng, thấu hiểu những hoài vọng và dụng tâm bao la của ông cha, cùng những mục đích và tôn chỉ của người xưa, mà Ngài không thể đường hoàng giải thích đạo cổ một cách tận tường rành rẽ, mà phải vận dụng tâm não để bóng bẩy truyền đạt ý của người xưa một cách kín đáo mà giữ gìn bí mật, tránh gây nguy hại cho cơ đồ của Tổ Tiên, nên mới nói rằng “vì nói ngọng, khó tụng kinh chung với mọi người...”

“Thức đêm mới thấy đêm dài!” Nhưng do lòng Ngài đang trĩu nặng ưu tư, tâm sự ngổn ngang canh cánh đáy lòng, chỉ sợ đêm chóng tàn, ngày sắp tới mà mình vẫn chưa làm được gì để chuẩn bị cho buổi sáng mai, nên thấy thời gian trôi qua vùn vụt. Ngài đã vội vã, cố bước những bước dài, mong sao cho đến được chót đoạn đường, Ngài nói: “Ngã phi sinh nhi tri chi giả dã, hiểu cổ, mẫn dĩ cầu chi giả dã: Ta không phải là người sinh ra đã biết, chỉ là người thích đạo của thánh hiền đời trước, cố sức mà cầu lấy được” (Thuật nhi, VII). Cũng vì cố sức cầu lấy được, nên phàm ở đâu có việc gì liên quan, là Ngài quyết đi xem xét cho tận tường. Ngài đến hỏi nhạc Trịnh Hoàng, hỏi lễ Lão Tử. Lão Tử đáp rằng: “Người quân tử gặp thời thì đi xe, không gặp thời thì đội nón lá và đi chân. Ta nghe: người buôn bán giỏi, khéo chứa của, coi như người không có gì; người quân tử có đức tốt, coi diện mạo như người ngu dại. Ông nên bỏ cái khí kiêu căng, cái lòng ham muốn, cùng cái sắc dục và dâm chí đi; những cái ấy đều vô ích cho ông”. Khổng Tử về bảo các đệ tử rằng: “Chim thì ta biết nó bay được, cá thì ta biết nó lội được,

giống thú thì ta biết nó chạy được. Chạy, bay, lội, ta có thể chăng lưới mà bắt được, đến như con rồng thì ta không biết nó cỡi gió, cưỡi mây bay lên trời lúc nào. Hôm nay ta thấy Lão Tử như con rồng vậy (Ngô long nhật kiến Lão Tử, kỳ do long dã)". Rồng là con vật trong tưởng tượng không có thật, người ta chỉ nghe nói thôi chứ chưa hề trông thấy tận mắt hình thù của con rồng ra sao cả. Khổng Tử ví Lão Tử như con rồng, là ý chê trách Lão Tử chỉ có danh chứ không thật. Tình trạng xã hội lúc bấy giờ rất rối loạn, thế sự điên đảo quá nổi, lòng người ngao ngán, nên có người thì đề xướng cái chủ nghĩa yếm thế, bỏ việc đời phó mặc trời xanh, có người lại đi theo cái chủ nghĩa phá hoại, không thiết gì đến cương thường đạo lý nữa...

Lần sau cùng Ngài trở về nước Lỗ thì đã 68 tuổi, Ngài không cầu ra làm quan nữa mà ở nhà dạy học trò, để chuẩn bị cho các thế hệ sau, tiếp tục nối chí Ngài mà hoàn thành cái hoài bão cao cả của tiên nhân. Ngoài ra, Ngài còn san định lại các sách vở đời trước và làm sách Xuân Thu. Bốn pho tượng Phật: Pháp Văn = Kinh Thi, Pháp Vũ = Kinh Lễ, Pháp Lôi = Kinh Nhạc, Pháp Điện = Kinh Xuân Thu. Trong khi Kinh Dịch chính là phiên đá phóng xuất hào quang, quan trọng nhất nên phải nguy trang làm sách bói toán (*lấy vàng tô lên mà phụng thờ*), để được kẻ thù bảo giữ, và tồn tại cho đến ngày nay: "Nhà Tần cách đời cổ chưa xa, nên sách Chu Dịch nhờ về bói toán mà không bị đốt" (Kinh Dịch, Ngô Tất Tố, trang 57). Tần Thủy Hoàng ra lệnh đốt hết các sách về triết học, văn học, sử học..., chỉ cho giữ những sách dạy nghề, mà môn bói thời đó là một nghề được trọng.

Hệ từ nói "Dịch để thông trí thiên hạ, để định nghiệp thiên hạ, để đoán sự nghi ngờ của thiên hạ" (Kinh Dịch, Ngô Tất Tố, trang 56). Đó là lý do tôi đã chọn quyển tài liệu cổ xưa nhất là Kinh Dịch để tham khảo, bộ sách do Ngô Tất Tố biên soạn được coi là dịch sát nghĩa, ít diễn giải nhất, ông nói rõ, chỗ nào tối nghĩa ông để y nguyên để đời sau tiếp tục nghiên cứu chứ ông không dám tự tiện. Dĩ nhiên, tôi tìm hiểu ý nghĩa ở "âm", và chỉ căn cứ vào chú giải đầu tiên là Thập Dục (Mười Cánh), cũng gọi là Thập Truyện của Khổng Tử là: Thoán truyện, Tụng truyện, Văn ngôn, Hệ từ nhị truyện, Thuyết quái truyện, Tụng quái và Tụng quái.

Tôi phân tích dựa trên tinh thần phá chấp, mạo hiểm "chấp nhận ra khơi trong điều kiện không có hải bàn". Tôi sẽ không câu nệ bất cứ nguyên tắc nào khi giải thích, nghĩa là tôi hòa mình vào với "vô chiêu thức", sẽ phản ứng tự nhiên tùy vào từng hoàn cảnh, theo đúng tinh thần mà Hệ từ dặn: "Ngửa xem, cúi xét, nghiệm gần, nghiệm xa" (Kinh Dịch, Ngô Tất Tố, trang 26).

Lại nữa, Thuyết quái nói: "Dịch tức là cách tính ngược" (Kinh Dịch, Ngô Tất Tố, trang 27), trùng hợp với những hình ảnh sinh hoạt ngược chiều kim đồng hồ trên mặt Trống Đồng, khiến tôi tình nghịch, đọc Dịch theo nguyên tắc ngược: (1) đọc Hào từ trên xuống dưới, (2) đọc Quẻ từ 64 xuống 1, tức là đọc ngược từ ngọn xuống gốc.

Bài này viết bởi đứa học trò có tính khôi hài và tinh nghịch, được đào tạo từ nền giáo dục Nhân Bản dưới thời Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa. Nếu không được coi là một khám phá mới mẻ, ít ra cũng là câu chuyện giàu tưởng tượng, tôi xin ghi ơn quý thầy cô đã dạy dỗ trong đời.

Chỉ vì một chút cơ duyên với sách đèn mà tôi đường đột làm một chuyện “động trời”, nên trong lòng rất sợ hãi. Vì sự hiểu biết non cạn, những điều tôi phân tích chỉ là thiên kiến cá nhân, có nhiều thiếu sót, kính mong quý bậc trưởng thượng rộng lòng chỉ bảo giúp cho.

Xin trân trọng biết ơn,

Phạm Khắc Trung

64. Quẻ Vị Tế

LY TRÊN – KHẨM DƯỚI

Đại Tượng: Hòa tại thủy thượng, Vị tế, quân tử dĩ thận biện vật, cư phương.

Dịch nghĩa: Lửa ở trên nước, là quẻ Vị tế, đáng quân tử coi đó mà cẩn thận phân biệt các vật, ở phương.

Nhìn hình quẻ Vị Tế, chúng tôi hình dung ra cảnh đồng quê thơ mộng, trên trời là áng mây tròn hờ hững rong chơi, soi mình xuống cánh đồng nước bao la yên ắng!

Nước là thần vật Trời ban, là nhu cầu cơ bản cho sự sống của muôn loài. Nước là vật khởi nguyên, là chức năng của đạo Trời, thế nên nước là Càn, là cha. “Khổng Tử nói: Nước là quân tử ví như đức vậy. Cho khắp cả mà không tư, giống như đức; đến đâu thì đó sống, không đến đâu thì đó chết, giống như nhân; trôi chảy xuống chỗ thấp, chảy thẳng, chảy quanh, đều theo lý, giống như nghĩa; ở trên cao trăm trượng chảy xuống khe mà không ngần ngại, giống như dũng; chỗ cạn thì lưu hành, chỗ sâu thì không lường được, giống như trí; yếu ớt, mờ nhỏ, mà đâu cũng thấm đến được, giống như sát (soi xét tinh tường); chịu các cái xấu, không từ chối cái nào, giống như bao khỏa thật (bao dung cả mọi việc); cái gì không sạch mà vào nước, thì không mấy cái ra mà không tinh khiết, giống như thiện hóa; động thì bằng phẳng, giống như chính; đầy thì không phải gát, giống như có độ; đi chiết khúc bao giờ cũng chảy về đằng đông, giống như có ý” (Lễ ký, Khuyển học, Nho Giáo, Trần Trọng Kim, trang 81-82).

Nước vừa ở thể lỏng, vừa ở thể khí. Lúc ở thể lỏng, nước là phần hình, mắt thường có thể trông thấy, tay thường có thể sờ được. Lúc này nước nặng nên đọng chỗ chũng, dưới vực sâu, trên đồng ruộng... Nước gặp nhiệt bốc hơi, hơi nước là phần khí nên không trông thấy, khí nhẹ nên bay lên cao, ngưng tụ thành mây trôi dạt trên trời. Khi áp suất thay đổi, mây động thành nước, từ thể khí chuyển thành thể lỏng, phần hình, nước rơi xuống đất gọi là mưa.

Từ thể khí chuyển qua thể lỏng, rồi từ thể lỏng biến thành thể khí. Nước hóa mây, mây hóa nước, cứ thế tiếp diễn, chẳng ai thắc mắc nước có trước hay mây có trước, chỉ biết, chúng tạo thành một vòng tròn, theo định luật biến đổi tự nhiên của vạn vật:

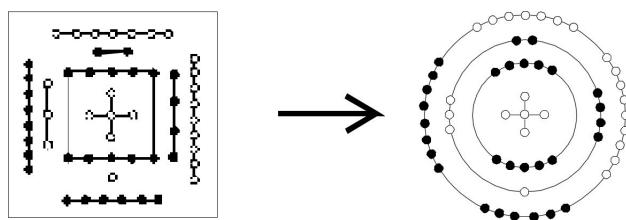
Gạch liền (—), dương, ở thể khí, nhẹ nên có khuynh hướng bay lên. Lên đến tột cùng thì biến thành âm, rơi xuống.

Gạch đứt (— —), âm, là phần hình, nặng nên luôn lắng xuống. Lắng xuống tận cùng thì biến thành dương, bay lên.

Xét quẻ Khảm ☵☵: Hào trên âm nặng nên lắng xuống, nhường chỗ cho hào giữa dương nhẹ bốc lên. Hào dưới âm đã xuống tới cùng, cùng cực nên biến đổi thành dương. Quẻ Khảm biến sang quẻ Hỏa: ☵☵ → ☲☲. Nước bốc hơi hóa khí bay lên kết tụ thành mây (sẽ bàn chi tiết về phép biến đổi này ở phần sau).

Xét quẻ Hỏa ☲☲: Hào trên đã lên đến tận cùng, cùng cực nên biến đổi, dương biến thành âm. Hào giữa âm nặng nên lắng xuống, nhường chỗ cho hào dưới dương nhẹ bốc lên. Quẻ Hỏa biến sang quẻ Khảm: ☲☲ → ☵☵. Mây gặp áp suất hóa nước rơi xuống là mưa.

Dưới đây là hình vòng tròn, biểu tượng cho chu kỳ biến đổi của nước-mây, mà trong Kinh Dịch gọi là Hà Đồ (Hình 1):



Những dấu chấm: trắng-dương-lẻ, đen-âm-chẵn, đối xứng nhau tạo thành chuỗi những vòng tròn theo hình xoáy tròn ốc.

Trong thế gian, không có con vật nào khả dĩ có thể biểu tượng cho vòng tròn này: vừa ở thể khí, vừa ở thể hình, vừa sống dưới vực sâu, dưới sông, dưới hồ, dưới ruộng..., uống nước như sáng hút (cơn lốc); lại vừa sống trên bờ (chứa trong các chậu, chum, vại...); lại có thể bay lượn trên trời (mây), hung dữ (giông tố), cuồng nộ (sấm), miệng phun ra lửa (sét) đốt cháy núi rừng? Thế nên Tổ Tiên ta mới tưởng tượng ra con Rồng mà tha hồ vẽ cho Rồng những nét văn vẻ, sáng sủa, để Rồng đại biểu cho nền văn hóa nông nghiệp. Hơn nữa, vì Rồng không có thật nên không sợ Rồng làm điều sai quấy, gây tai tiếng cho danh dự người Cha. Rồng từ đây hiện hữu như một vòng tròn ở thể khí, biểu tượng bằng chiếc bánh dày làm bằng nếp tán nhuyễn nặn tròn của công tử Lang Liêu (truyện Bánh Dày Bánh Chưng).

-oOo-

Tiểu Tượng: Âm tửu nhu thủ, diệc bất tri tiệc dã.

Dịch nghĩa: Uống rượu ướt đầu, cũng chẳng tiết độ vậy.

“Uống rượu ướt đầu”, câu này làm tôi nhớ đến bài thơ “Tôn Thất Trung Nghĩa” của Tạ Ký:

“Tùng đêm chợ Đũi đắm sâu,

*Ly la-ve đổ gọi đầu tóc xanh.
Người sơn dã lạc kinh thành,
Ngả nghiêng đáy cốc độc hành trong đêm”.*

Chẳng biết người xưa khi “ngả nghiêng đáy cốc” có “đổ rượu gọi đầu tóc xanh” không, hay khi say lại ngả nghiêng té xuống ruộng ướt đầu? Dù gì đi nữa thì câu “uống rượu ướt đầu” đã nói lên rằng, nền nông nghiệp đã hoàn chỉnh, thịnh phát rồi, nên người ta mới có dư thừa lúa gạo mà cất thành rượu để uống cho say.

Trong khi nền nông nghiệp của Việt tộc chuyên về lúa nước, và theo truyền thuyết, Thần Nông sống cách đây khoảng 5,000 năm, là người đã chế ra cày bừa và dạy dân nghề làm ruộng. Thần Nông cũng là người đầu tiên làm lễ Thượng Điền (lễ tổ chức sau khi gặt hái, thu hoạch mùa màng), và Hạ Điền (lễ tổ chức trước khi gieo trồng), thế nên truyện Hồng Bàng viết: “Cháu ba đời Viêm Đế họ Thần Nông tên là Đế Minh...”

“Uống rượu ướt đầu” ý chỉ sự quá chén. Khi say, cái đầu nghiêng bên này, ngả bên nọ, một biến thành hai, và có khuynh hướng chúi xuống: Hào dương đầu của quả trên, gạch liền, đã lên đến cùng cực, biến thành âm, hai nét, có khuynh hướng lắng xuống.

Góc tượng trưng cho quy củ, tiết độ. “Chẳng tiết độ” nghĩa là không góc, là vòng tròn. “Cháu ba đời” ở đây không có nghĩa là quan hệ huyết thống, mà nhằm nói lên con số 3, ý chỉ vòng tròn.

Tiểu Tượng: Quân tử chi quang, kỳ huy cát dã.

Dịch nghĩa: Sự sáng của đáng quân tử, thừa tia sáng tốt vậy.

Hào giữa của quả trên âm, là chủ quả Hỏa, nên mới nói rằng “Sự sáng của đáng quân tử”. Hào âm nặng nên có khuynh hướng lắng xuống. Bởi ở giữa nên chưa cùng cực, còn xuống được, mới nói là “thừa tia sáng tốt vậy”.

Vì hào đầu (trên) dương, đã cùng cực để biến thành âm. Hào này lại là hào âm đầu tiên, tưởng như từ hào trên sinh ra nên truyện Hồng Bàng viết: “... sinh ra Đế Nghi...”

Tiểu Tượng: Trinh cát, hối vong, chí hành dã.

Dịch nghĩa: Chính bền tốt, ăn năn mất, chí được thi hành vậy.

Hào dưới của quẻ trên dương nên nói là “chính bền tốt”. Hào dương có khuynh hướng bốc lên, không còn phải ở dưới, nên “ăn năn mất”. Hào dương sẽ vào trung cung, trở nên chủ quẻ ở giữa, “chỉ được thi hành vậy”, và truyện Hồng Bàng viết: “... rồi đi nam tuần đến Ngũ Lĩnh...”

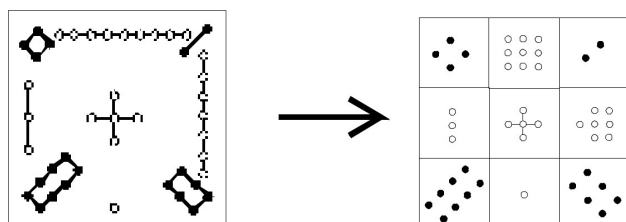
Tiểu Tượng: Vị Tế chinh hung, vị bất đáng đã.

Dịch nghĩa: Vị Tế đi hung, ngôi chẳng đáng vậy.

Trời tròn ở trên, đất vuông phía dưới. Hào trên của quẻ dưới âm. Âm đáng ra phải ở dưới, đằng này âm ở trên, nên nói “ngôi chẳng đáng vậy”.

Vị Tế có nghĩa là “chưa sang”. Âm mà chưa sang tức còn nguyên thể đất. Truyện Hồng Bàng viết: “... gặp được nàng con gái là Vụ Tiên đem lòng yêu mến...”

Đại Tượng: Thể đất là quẻ Khôn ☷ ☷. Hình quẻ Khôn là hình vuông do 9 hình vuông nhỏ (4 đen 5 trắng) tạo thành, mà trong Kinh Dịch gọi là Lạc Thư (Hình 2):



4 khung ở 4 góc có những chấm đen mang số 2, 4, 6, 8 chẵn, là số âm nên thành 3 gạch nhỏ ở 4 góc trên hình quẻ Khôn, vì âm là phần hình nên mắt thường thấy được. Trong khi khoảng trắng trên hình quẻ Khôn biểu thị cho những khung dương mang 1, 3, 5, 7, 9 chấm trắng, không thấy được bằng mắt thường.

Xin lưu ý, hình vuông này là Magic Square trong toán học, nghĩa là cộng những con số của 3 ô theo hàng dọc, hàng ngang, hay hàng chéo, đều được con số 15. Có lẽ vì sự đặc biệt này, truyện Hồng Bàng mới nói, “Hùng Vương chia trong nước thành 15 bộ?”

Tiểu Tượng: Cửu nhị trình cát, trung dĩ hành chính đã.

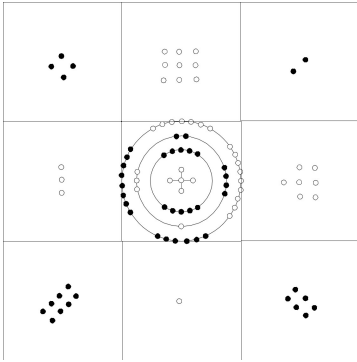
Dịch nghĩa: Chín hai chính bền tốt, giữa để làm chính vậy.

Nhập vòng tròn và hình vuông lại (chín hai chính bền tốt: chín có nghĩa là nhập, là ghép) thành đồ hình tổng hợp, đấy chính là hình ảnh chiếc bánh chưng vuông trong truyện “Bánh Dày Bánh

Chưng”: Lang Liêu vẫn giữ nguyên hạt gạo mà lấy lá xanh gói thành để biểu tượng cho phần hình (Đất, hình dạng quả Khôn), rồi bỏ nhân ngon vào giữa hàm ý chỉ sự cưu dưỡng cái nhân! Cái nhân ở đây là sự sống, là nước. Nước được đất bao phủ và cưu dưỡng. Chưa ở đâu “đất nước” được hài hòa, biểu tượng cho nghĩa tình “quê hương” như ở Việt tộc?

Truyện Hồng Bàng viết: “... mới cưới về, sinh ra Lộc Tục, dung mạo đoan chính, thông minh túc thành...”

“Giữa để làm chính”: Cái vùng nước tròn mà đất cưu mang mới là lẽ chính. Cái vùng nước tròn giữa ấy (nhìn từ trên xuống) chính là Lộc Tục, là “giếng nước” vậy (Hình 3):



Vòng tròn mang số 3, hình vuông mang số 4. Quan sát vòng tròn (bán kính R) nội tiếp hình vuông (cạnh C) ở trung cung:

Chu vi hình vuông = $4C = 4 \Rightarrow C = 1$ và $R = 0.5$.

Chu vi vòng tròn = $2\pi R = 3 \Rightarrow \pi = 3$ (ông Tổ mình đã biết tới số π rất sớm chẳng?)

Theo thiên kiến, vòng tròn mang số 3, hình vuông mang số 4, bắt nguồn từ lối tính chu vi của vòng tròn nội tiếp hình vuông có cạnh bằng đơn vị 1 này.

Đồ hình Tròn	GIAO	Đồ hình Vuông	=	5 chấm trắng đôi (Thập Dực)
Đồ hình Tròn	HỘI	Đồ hình Vuông	=	100 chấm (50 trắng + 50 đen)

Tiểu Tượng: Nhu kỳ vĩ, diệp bất tri cực dã.

Dịch nghĩa: Ướt thừa đuôi, cũng chẳng biết cực vậy.

Đuôi động vật ví như cái ngọn ở loài thực vật. “Ướt thừa đuôi” cũng như “trên cây có nước” (Đại Tượng), là chỉ quả Tỉnh, tức giếng nước.

Cây mọc trên đất, rễ cây cắm trong lòng đất, rút nước dưới đất, tạo thành một dung dịch mới, thấm nhuần đi lên, thẳng đến ngọn cây mà nuôi cây, nuôi cành, nuôi lá, để rồi đơm hoa kết trái. Đối với con người, muốn dùng nước giếng cũng phải thả thùng xuống dưới mà kéo ngược nước lên. Giếng ví như tim trong cơ thể con người, mà mạch máu là các mạch nước, máu chảy về tim, rồi từ tim mới đi lên, phân phối ra khắp nơi mà nuôi sống con người, thế mới nói là “cũng chẳng biết cực vậy”.

Nước ở mọi nơi khác như nước sông, nước hồ, thậm chí cho tới nước mắt, nước mũi... thủy đều chảy xuống. Trong khi nước ở giếng lại đi từ dưới đi lên, từ gốc lên ngọn. Đây là một đặc tính quan trọng của nước giếng, được biểu hiện bằng cảnh sinh hoạt ngược chiều kim đồng hồ trên mặt Trống Đồng, nên truyện Hồng Bàng viết: “... Đế Minh lấy làm lạ...”

63. Quẻ Ký Tế

KHẪM TRÊN – LY DƯỚI

Đại Tượng: Thủy tại hỏa thượng, Ký tế, quân tử dĩ tư hoạn nhi dự phòng chi.

Dịch nghĩa: Nước ở trên lửa, là quẻ Ký tế, đáng quân tử coi đó để nghĩ sự lo mà ngừa sẵn đấy.

Biết nước là nhu cầu cơ bản cho sự sống của muôn loài, hề thiếu nước là hết sống, cho nên người ta mới nghĩ sự lo mà đào lỗ sâu để lo chứa nước dự phòng (Hình tượng quẻ Ký Tế: Đào hố để chứa nước dự phòng).

Lúc mới đào, người ta gặp lớp đất đen hay cát pha đất dày khoảng 1 tới 2 mét sộp mềm ở trên mặt. Đào qua lớp này sẽ gặp lớp khác có màu ngà pha đá ong đỏ cứng hơn, và tiếp tục đào đến khoảng 4 mét sẽ gặp lớp cát vàng và mạch nước ở độ sâu này ngưng tụ thành vũng nước. Vũng nước này vừa để trữ nước dự phòng, vừa để thả cá, gọi là ao. Nước trong ao mức mãi vẫn còn, lâu dần người ta phát hiện ra rằng, không cần phải đào chi cho lớn, chỉ cần đào những lỗ nhỏ xuống sâu để lấy nước, và đặt tên cho những lỗ có nước này là giếng nước.

-oOo-

Tiểu Tượng: Nhu kỳ thủ, lệ, hà khả cửu dã?

Dịch Nghĩa: Ướt thừa đầu, nguy, sao khá dài vậy?

Đuôi là ngon, đầu là gốc. “Ướt thừa đầu”, ngầm ám chỉ mạch nước dưới lòng đất.

Nước là một nhu cầu cơ bản, tối cần cho sự sống của muôn loài, thiếu nước là hết sống. Vậy mà đã mấy ai biết đến cái công đức to lớn của nước, “nguy” thế đấy? Thế nhưng nước vẫn không buồn, không giận, mà cho dù người đời có nhận biết cái công đức to lớn ấy để ca ngợi, tung hô đi nữa, thì nước cũng không lấy thế làm vui. Mặc thiên hạ ngợi khen hay chê trách, nước vẫn lặng lẽ, đứng đưng nhưng vững chắc trôi dạt khắp mọi nơi, len lỏi đến khắp chốn, đem cái ơn ích của mình vẩy rải, cứu giúp đời. Đây là đặc tính thứ hai của giếng nước, mạch nước ở khắp muôn nơi, và truyện Hồng Bàng viết: “... cho nổi ngôi vua...”. “Sao khá dài vậy?”

Tiểu Tượng: Đông lân sát ngưư bất như tây lân chí thì dã; thật thụ kỳ phúc, cát đại lai dã.

Dịch Nghĩa: Láng giếng bên đông giết trâu, chẳng bằng láng giếng bên tây phải thì vậy; thật chịu thừa phúc, tốt cả lại vậy.

Một đặc tính khác của giếng: Khi mức nước, việc thả cái thùng xuống một cách mạnh bạo, ầm ĩ như thể việc “láng giếng bên đồng giết trâu”, nhưng mục đích là để lấy nước, tức hành động lúc sau là từ từ chậm rãi kéo thùng nước lên mới là chính, cho nên mới “chẳng bằng láng giếng bên tây phải thì vậy”. Hành động khoan nhu thanh nhả kéo nước lên, là nền tảng của Đạo Nhu, và việc thả thùng mạnh bạo và kéo nước lên từ từ, còn là hình ảnh của Đạo Tùy, quả là “chịu thừa phúc, tốt cả lại vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... Lộc Tục cố nhường cho anh...”

Tiểu Tượng: Chung nhật giới, hữu sở nghi dã.

Dịch Nghĩa: Trộn ngày rắn, có thừa ngờ vậy.

“Vừa bằng cái nong, ba làng đông không hết”. Chính vì giếng không đầy, nghĩa là không đi tới chỗ cùng cực, nên không biến đổi, và giếng không hề cạn. Với lượng nước không cùng, mức mãi cũng không hết của giếng, nên hết người này tới kẻ khác, liên tục suốt ngày mức nước không thôi. Sự làm việc của giếng quần quật suốt ngày, “trộn ngày rắn”, bèn bĩ khiến không ai “có thừa ngờ” đến cái tiềm năng vô hạn của giếng, là đặc tính thứ tư.

Truyện Hồng Bàng viết: “... Đế Minh lập Đế Nghi làm tự quân cai trị phương Bắc”.

Tiểu Tượng: Tam niên khắc chi, bại dã.

Dịch Nghĩa: Ba năm được đó, mệt vậy.

“Ba năm được đó”. Ba là số chỉ trời. Trời là của chung mọi người chứ không của riêng ai. Vì lượng nước không cùng, mức mãi cũng không cạn của giếng, giếng trở thành của chung cho mọi người, ai đến cũng đều dùng được, thế mới “mệt vậy”.

Bởi đặc tính chung của giếng mà truyện Hồng Bàng viết: “... phong Lộc Tục làm Kinh Dương Vương...”

Tiểu Tượng: Thất nhật đắc, dĩ trung đạo dã.

Dịch Nghĩa: Bảy ngày được, vì đạo giữa vậy.

Trời (3) (HỘI) Đất (4) = 7.

“Người là đức của Trời Đất: Nhân giả kỳ thiên địa chi đức”. Trời (GIAO) Đất = 5. Trời khởi đầu, Đất sinh ra, nhưng nếu không có Người làm sự tương thông, nối liền Trời Đất, thì Trời và Đất cũng chỉ là những mạch nước ngầm dưới đất, chỉ luân lưu đó thôi chứ không hiện hữu mà cứu giúp cho đời. Nhờ có Người ở giữa làm sợi dây liên kết nối Đất với Trời, cho Trời Đất thông giao. Trời Đất có tương thông thì muôn vật mới được thái hòa, lúc đó, Trời sẽ che, Đất sẽ chở cho Người đạt được Nhân hòa (truyện Trầu Cau).

Trở lại giếng, nhờ bàn tay con người đào nên mới có giếng, để rồi giếng trở lại phục vụ con người. Cho nên, con người phải là một chủ nhân ông, không những chỉ làm chủ những vật dụng, mà trước hết, và trên hết, phải là một chủ nhân của chính mình, có quyền quyết định vận mạng của chính bản thân mình. Bởi vậy, mọi cơ sở để làm hay làm đẹp cho đời, đều phải được xây dựng trên nền tảng của con người, cho con người, vì con người.

Để xác định cái chức năng cao cả của con người, một đặc tính khác của giếng, truyện Hồng Bàng viết: “...cai trị phương Nam...”

Tiểu Tượng: Duệ kỳ luân, nghĩa vô cữu dã.

Dịch Nghĩa: Kéo thừa bánh xe, nghĩa không lỗi vạy.

“Kéo thừa bánh xe” nghĩa là tiếp tục đi tới, ám chỉ thời gian, nên “nghĩa không lỗi vạy”.

Đất thường do bồi đắp lâu ngày mà thành, nên có nhiều lớp do từng thời đại chồng chất lên nhau. Thường thì lớp đất đen hay cát pha đất dày khoảng 1 – 2 mét bên trên, đào qua lớp này sẽ gặp lớp cứng khác có màu ngà pha đá ong đỏ, và tiếp tục đào đến khoảng 4 mét sẽ gặp lớp cát vàng và mạch nước. Nước ở mức này trong và rất ít chất hữu cơ, đặc biệt là không nhiễm chất sắt.

Ở quê tôi, giếng dùng ở nhà thường nhỏ với đường kính khoảng 1 mét, nhưng giếng dưới miệt vườn thường lớn gấp đôi, gấp ba. Người ta luôn đắp bờ xung quanh miệng giếng cao chừng 20 cm để ngăn không cho nước mưa hay nước thải tràn xuống giếng. Giếng thường được đào ở góc sân, cách xa những nơi nhiễm bẩn như chuồng xí, chuồng gia súc.

Truyện Hồng Bàng viết: “... đặt quốc hiệu là Xích Quỷ Quốc...”

Theo Giáo Sư Kim Định (Việt Lý Tổ Nguyên, trang 355): Xích là phần tinh hoa nhất, cự phách nhất (Tự điển Thiều Chửu). Quỷ được hiểu là lớn lao và thường đi với chữ chủ để chỉ người có quyền thế lớn lao ở miền Nam. Xích Quỷ là làm chủ chốt cái tinh hoa ở miền Nam, có thể nói là miền xích đạo, miền nông nghiệp lúa Mễ. Chữ Xích Quỷ từ ở cái tích “Ba năm đánh nước Quỷ Phương”.

62. Quẻ Tiểu Quá

CHẤN TRÊN – CẤN DƯỚI

Đại Tượng: Sơn thượng hữu lôi, Tiểu quá, quân tử dĩ hạnh quá hồ cung, tang quá hồ ai, dụng quá hồ kiệm.

Dịch nghĩa: Trên núi có sấm, là quẻ Tiểu quá, đáng quân tử coi đó mà nét quá chừng kính, tang quá chừng thương, dùng quá chừng kiệm.

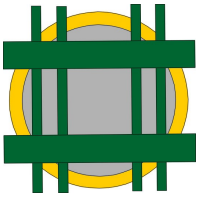
Thứ nhất là **Kính** → cúi đầu

Thứ hai là **Thương** → ôm vào lòng

Thứ ba là **Kiệm** → dành dùm dùm dần

3 dữ kiện trên diễn tả hành động mức nước giếng.

Nhìn hình quẻ Tiểu Quá, chúng tôi mừng tượng ra những miếng cây bắt ngang miệng giếng, làm thành cái giá để đứng mức nước giếng (Hình 4):



Xin giới thiệu bài thơ tả “Giếng nước” rất gợi hình của Nữ sĩ Hồ Xuân Hương, giúp hình dung ra toàn cảnh cái giếng nước, có bờ cao đắp quanh miệng giếng để ngăn nước thải, có dựng cầu phao ván ghép làm chỗ đứng mức nước... như sau:

*Ngõ sâu thăm thẳm tới nhà ông,
Giếng ấy thanh tân, giếng lạ lùng.
Cầu trắng phau phau đôi ván ghép,
Nước trong leo lẻo một dòng thông!
Cỏ gà lún phún leo quanh mép,
Cá giếc le te lách giữa dòng.
Giếng ấy thanh tân ai đã biết?
Đố ai dám thả nạ rỗng rỗng*

-oOo-

Tiểu Tượng: Phát ngộ quá chi, dĩ kháng dã.

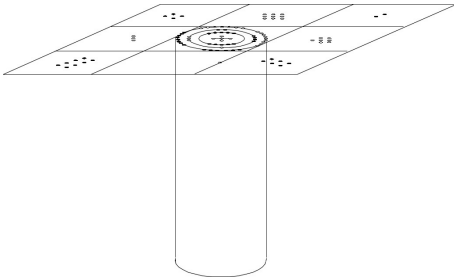
Dịch Nghĩa: Chẳng gặp quá đầy, đã quá cực vậy.

Một nét thẳng và một nét ngang trên đầu, phải chăng đó là hình tượng câu chuyện “Nữ Thần Mộc dạy anh em Lỗ Bàn, Lỗ Bộc làm nhà chữ Đinh (丁)”? Hay cách làm phép đứng một chân của nhà sư Già La Đồ Lê trong truyện “Man Nương”? Hay cách thức đánh trống được khắc trên Trống Đồng bằng cách để trống trên một cọc cắm sâu xuống đất cho trống thông hội với đất với nước? Hay hình chim Bạch Trĩ đứng một chân được khắc trong nhiều cổ vật được tìm thấy? Chúng tôi trộm nghĩ, kiến trúc “Chùa Một Cột” cũng không ngoài mục đích biểu dương này?

Truyện Hồng Bàng viết: “... Kinh Dương Vương...”

Truyện Mộc Tinh viết: “Thuộc địa giới Phong Châu, về đời thượng cổ có một cây Chiên Đàn, thân cao nghìn tầng, cành lá xum xê không biết mấy nghìn dặm, có chim thước làm ổ trên cây nên chỗ đất ấy đặt tên là Bạch Hạc...”

Truyện Mộc Tinh mô tả cái giếng nước thành cây Chiên Đàn, chúng tôi xin phép được phát họa ra đây. Hiển nhiên, thân giếng chính là thân cây cao nghìn tầng. Đồ hình tổng hợp ở trên chính là cành lá xum xuê không biết mấy nghìn dặm. Nhân tròn ở trung cung trông như ổ chim thước, có những chấm đen, chấm trắng, trông như trứng chim (Hình 5):



Tiểu Tượng: Mặt vân bát vũ, dĩ thượng dã.

Dịch Nghĩa: Mây dày chẳng mưa, đã lên vậy.

Nước bốc hơi bay lên tích tụ lại thành mây, khi áp suất thay đổi, hơi nước ngưng đọng thành nước, rơi xuống gọi là mưa.

Nước ở đây thành một cụm dày như mây, nhưng không mưa, “mây dày chẳng mưa”. Đó là nước trong thùng, do người ta kéo từ dưới giếng, “đã lên vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... xuống Thủy Phủ...”, và truyện Mộc Tinh viết: “... Cây Chiên Đàn trải qua không biết mấy nghìn năm đến khi khô hủ thì hóa làm yêu tinh, biến hiện dững mãnh, thường sát nhân dân...” Dĩ nhiên, nước cũng gây thiệt mạng cho người vậy.

Tiểu Tượng: Phất quá, ngộ chi, vị bất đáng dã; vãng lệ, tất giới, chung bất khả trường dã.

Dịch Nghĩa: Chẳng quá, gặp đấy, ngôi chẳng đáng vậy; đi nguy, ắt răn, trọn chẳng khá lớn vậy.

Kích thước của mấy miếng cây “chẳng quá” dài, cũng “chẳng quá” ngắn. Sắp xếp sao cho 2 miếng ván vắt ngang, “gặp đấy”. Vì là chỗ cho người ta xéo chân lên, nên “ngôi chẳng đáng vậy”. Việc sắp đặt những miếng cây này mang mục đích khác, đó không phải là cây cầu vắt ngang cái vực cho mọi người băng qua, “đi nguy”, chỉ dừng chân đứng lại một chút thôi, nhưng vẫn nên cẩn thận, “ắt răn”, vì nó “trọn chẳng khá lớn vậy”.

Nhìn hình tượng quẻ Tiểu Quá, chúng tôi tưởng tượng ra 4 miếng cây vắt ngang miệng giếng dưới quê, và 2 miếng ván chồng ngang trên bốn miếng cây này để làm chỗ đứng mức nước. Truyện Hồng Bàng gọi cái giá đứng mức nước này là Long Nữ, và viết: “... cưới con gái vua Động Đình là Long Nữ...”, trong khi truyền thuyết nói rằng, “Nữ Oa đội đá vá trời”, cũng hàm ý những miếng cây này chất ngang dọc, như muốn vá cái lỗ tròn là trời vậy.

Truyện Mộc Tinh viết: “... Kinh Dương Vương dùng thần thuật thắng được yêu tinh...”

Tiểu Tượng: Tòng hoặc tường chi, hung như hà dã.

Dịch Nghĩa: Theo hoặc hại đấy, hung đường sao vậy.

Từ đồ hình tổng hợp (Hình 3), người ta loại bỏ đi 4 khung âm ở bốn góc, chỉ giữ lại những khung dương biểu thị cho suy tưởng, rồi kết hợp thành một hệ thống:

- 1) . 3 khung dọc và 3 khung ngang băng qua giếng, mỗi khung đại biểu cho một đặc tính của giếng. 6 khung 5 ô này tạo thành hình chữ thập gọi là cơ cấu Ngũ Hành, bao gồm 2 nét dọc và ngang, gọi là 2 Nghi. Mỗi Nghi có 3 Ngôi đại biểu cho 3 vị thế Tam Tài là Đất – Người – Trời.
- 2) . Nước giếng là vật khởi nguyên, tức đạo Trời nên hành Thủy mang số 1 (lẻ = dương). Ngay khi giếng được đào, lập tức giá giếng được xây dựng để mức nước. Tức là, ngay khi Trời khởi nguyên ra Thủy, Đất lập tức sinh ra Mộc, nên Mộc mang số 2 (âm = chẵn).
- 3) . Khung 1 (hành Thủy) dương nên bốc lên, cùng cực thì biến đổi thành âm, nghịch với Thủy là Hỏa ở trên mang số 4 (âm chẵn). Tương tự, khung 2 (hành Mộc) âm, tiến qua bên phải, cùng cực thì biến thành dương, nên hành Kim bên phải mang số 3 (dương lẻ).

4) . Nước (mạch) ở dưới lòng Đất, nên hành Thủy có màu đen. Mặt Trời trên cao chiếu sáng Đất, nên hành Hỏa mang màu đỏ. Cây mọc dưới Đất thẳng lên trên không, nên hành Mộc có màu xanh. Kim sắc trắng ẩn trong lòng Đất, nên hành Kim mang màu trắng.

Hình thập tự này gọi là cơ cấu Ngũ Hành, và truyện Hồng Bàng viết: "... sinh ra Sùng Lãm..."

Truyện Mộc Tinh viết: "... nhưng yêu tinh quý quyết, nay ở chỗ này, mai ở chỗ khác..."

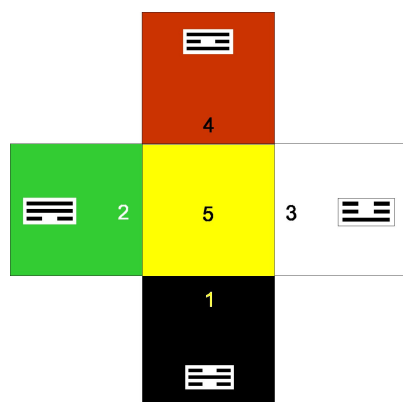
Tiểu Tượng: Bất cập kỳ quân, thần bất khả quá dã.

Dịch Nghĩa: Chẳng kịp thừa vua, bề tôi không thể quá.

Trên không cao (chẳng kịp thừa vua), dưới không thấp (bề tôi không thể quá), chỉ lưng lửng ở giữa. Nghi dọc GIAO Nghi ngang = 5. Phần giao này chính là chỗ "Trời Đất hội tụ, âm dương chi giao, quỷ thần chi hội, cái khí tinh tú của ngũ hành", là khung Người sống trên trái đất, nên gọi là hành Thổ, mang sắc Vàng. Đây chính là xuất xứ để Nho Giáo định nghĩa con người: "Nhân giả kỳ thiên địa chi đức, âm dương chi giao, quỷ thần chi hội, ngũ hành chi tú khí dã" (Lễ ký, Lễ vận, IX).

Như thế, con người đã tự xếp đặt vũ trụ để tạo cho mình một chỗ đứng quan trọng và giữ một vai trò then chốt nơi trung cung hành Thổ: Hành Thủy ví như hai chân, hành Hỏa ví như cái đầu, hành Mộc như tay trái, hành Kim như tay mặt, thì hành Thổ là mình, giữa có trái Tim mang số 5. Chân để khởi nguyên sự sống, đầu để chỉ đạo sự sống, hai tay để nuôi dưỡng sự sống, thì tim để điều hòa tất cả mọi bộ phận mà duy trì sự sống. Bởi thế mới nói rằng con người là trái tim của vũ trụ (vũ trụ chi tâm), vì con người ở giữa Trời và Đất để điều hòa mà duy trì thế quân bình năng động cho vũ trụ, nên truyện Hồng Bàng viết: "... Quân...", trong khi truyện Mộc Tinh viết: "...biến hóa bất trắc..."

(Hình 6) Cơ cấu Ngũ Hành:



Lưu ý những con số:

Hàng dọc: $1 + 5 + 4 = 10$

Hàng ngang: $2 + 5 + 3 = 10$

Xung quanh: $1 + 2 + 4 + 3 = 10$

Làm liên tưởng tới ngày Giỗ Tổ Hùng Vương Mừng 10 tháng 3??

Ngoài ra, câu “Mừng 5, 1 – 4, 2 – 3: đi chơi còn lỗ hướng là đi buồn” cũng để khắc ghi những con số này??

Tiểu Tượng: Phi điều dĩ hung, bất khả như hà dã.

Dịch Nghĩa: Chim bay lấy hung, chẳng khá đường sao vậy.

Nhìn hình Ngũ Hành ở trên (Hình 6), Tổ Tiên ta tưởng tượng đến hình con chim đang xoè 2 cánh bay (Quan sát 6 và 8 chim cổ ngắn đuôi ngắn, bay xen kẽ với 10 nai trên tổ thứ ba trên mặt trống đồng Ngọc Lũ, rất giống hình 6, cơ cấu Ngũ Hành, xem Hình 10 bên dưới).

Thấy chim là động vật cao quý, là loài không rẽ bạn, không lẻ bầy. Chim làm tổ trên cây, chim bay lượn trên không nhưng vẫn đậu dưới đất. Tổ Tiên ta bèn chọn chim làm Mẹ, biểu tượng cho Tiên.

Sở dĩ chim bay được là nhờ ở bộ lông của nó, đằng này lại chơi oái oăm mà lấy hết lông của chim đi, làm sao chim còn bay cho được? Làm như thế là hung cho nó rồi (chim bay lấy hung), “chẳng khá” chút nào hết. Biết “chẳng khá” nhưng vẫn cứ làm, “đường sao vậy?”

Cây cối sống được nhờ gốc rễ cắm sâu xuống đất hút nước đưa lên nuôi cây, nuôi cành, nuôi lá... Động vật sống được cũng nhờ có nước, hết nước là hết sống, cho nên nước là vật khởi nguyên cho sự sống, nước là cha, nước là Ròng.

Thế nhưng cái sống của con người khác với cây cối, súc vật ở chỗ biết suy tư. Và để sống cho xứng đáng với cương vị một con người thật sự, nghĩa là có đầy đủ tứ đức là Nhân – Lễ – Nghĩa – Trí mà sánh cùng Trời Đất, thì việc ghi nhớ ơn sâu của cơ cấu Ngũ Hành là Chim, là Mẹ, là điều không thể lãng quên, “uống nước nhớ nguồn” là vậy!

Để tỏ lòng biết ơn sự cứu dưỡng của Mẹ Chim, đồng thời cũng nói lên ý nghĩa xum vầy, gần gũi mẹ, luôn được mẹ bên cạnh mà che chở cho con, dân Việt ta mới có tục đeo lông chim vào mình mà nhảy múa trong những dịp lễ, hội hè, đình đám... Truyện Hồng Bàng viết là: “... Lạc...”

Truyện Mộc Tinh viết: “...thường ăn người sống, dân phải lập đền thờ mà cầu đảo. Mỗi năm đến ngày ba mươi tháng chạp, dùng một người sống làm tế lễ, thì con tinh ấy mới chịu thôi, mà nhân dân cũng được yên ổn, tương truyền với nhau là Thần Xương Cuồng”. Đeo lông chim khắp mình nên nói rằng “thường ăn người sống”, dĩ nhiên người đeo lông chim vẫn còn sống nhăn!

61. Quẻ Trung Phu

TÓN TRÊN – ĐOÀI DƯỚI

Đại Tượng: Trạch thượng hữu phong, Trung phu, quân tử dĩ nghị ngục hoãn tử.

Dịch nghĩa: Trên chằm có gió, là quẻ Trung phu, đáng quân tử coi đó mà bàn việc ngục, hoãn tội chết.

Tón còn nghĩa là Mộc, về hình tượng thì lấy cây phủ lên chằm là giữ sự vật ở trong chằm.

Bàn việc ngục hoãn tội chết → nhốt. Nhìn hình quẻ Trung Phu, hình cơ cấu Ngũ Hành màu trắng (5 ô dương nên không trông thấy) bị giam giữa những chấn song. Ý nghĩa quẻ Trung Phu là phát huy những ưu việt từ cơ cấu Ngũ Hành.

-oOo-

Tiểu Tượng: Hãn âm đăng vu thiên, hà khả trường dã?

Dịch Nghĩa: Tiếng cánh lên chưng trời, sao khá dài vậy?

“Tiếng cánh bay lên chưng trời”, là tượng con chim bay quá cao và quá nhanh, khiến chỉ nghe tiếng mà không trông thấy. Con vật thật dài, “sao khá dài vậy?” mà người ta nghe nói đến nhưng chưa bao giờ trông thấy là con Rồng, và truyện Hồng Bàng viết là: “... Long...”

Điệu múa đầu tiên của Việt Tộc là điệu múa Rồng. Đây là điệu múa xưa nhất còn tìm thấy ở tổ thứ hai trên mặt trống đồng Ngọc Lũ: Người ta nối đuôi nhau đi quanh đồng lửa, trên mình thì đeo lông chim, tay thì cầm nào dao, nào giáo, nào nỏ, nào kèn..., người thì co chân, kẻ thì duỗi căng, người thì dơ tay nghiêng qua bên này, kẻ lại duỗi tay mà nghiêng qua bên kia, diễn tả nếp sinh hoạt hàng ngày của mình. Kẻ cày, người cấy, hay săn bắn..., trông như con rồng đang uốn khúc, lượn mình. Điệu múa này còn thấy nơi người Da Đỏ ở Bắc Mỹ. Xem (Hình 10, 4 tổ trên mặt Trống Đồng bên dưới).

Truyện Ngư Tinh viết: “Trong biển Đông Hải có loài Ngư Tinh, mình dài hơn năm mươi trượng, có nhiều chân giống như chân rết, biến hóa vô cùng, linh dị khó dò được; mỗi khi đi đâu thì nổi cơn mưa gió, hay ăn thịt người, ai cũng đều sợ hãi”.

Vì đeo lông chim mà nhảy múa điệu rồng, nên đoàn người đã biến dạng, và trở thành Ngư Tinh. Đoàn người đeo lông chim, nối đuôi nhau nhảy múa quanh đồng lửa, với nhiều động tác khác nhau, để tạo nên dáng điệu uyển chuyển của rồng uốn khúc, nên mới nói là, “mình dài hơn năm mươi trượng, có nhiều chân giống như chân rết, biến hóa vô cùng, linh dị khó dò được”. Đã đeo lông chim nên không còn là mình, mới nói là “hay ăn thịt người”. Còn “ai cũng

đều sợ hãi”, là nói đến sự kính trọng và lòng biết ơn đối với Cha Rồng Mẹ Tiên. Mưa là tượng nước đọng trong đầm, “nổi cơn mưa gió” có nghĩa là gió ở trên đầm: Tồn trên Đoài dưới là quẻ Trung Phu.

Tiểu Tượng: Hữu phu loan như, vị chính đáng đã.

Dịch Nghĩa: Có tin đường co quắp, ngôi chính đáng vậy.

Cái tin mà khiến người ta đau khổ tột cùng, đau đớn đến nỗi co quắp thân người, “có tin đường co quắp”, là cái tin bậc sinh thành đã lìa đời!

Trong phạm vi gia đình, cha mẹ là bậc sinh thành dưỡng dục. Có ông bà mới có cha mẹ, có cha mẹ mới có chúng ta. Cho nên, phận làm con là phải biết đến công ơn sinh thành dưỡng dục của tiền nhân đã tạo dựng ra mình, từ đó mà hình thành đạo Hiếu. Đạo Hiếu có nghĩa là lấy Lễ mà thờ ông bà cha mẹ, tức là kính phụng lúc người còn, và thờ cúng để tưởng nhớ khi người đã khuất, và tục thờ cúng ông bà gọi là Lễ Gia Tiên. Như thế, đạo Hiếu chẳng qua cũng là Ái và Kính, mà Ái và Kính là gốc của đạo Nhân, cho nên “ngôi chính đáng vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... Lạc Long Quân thay cha để trị nước”.

Truyện Ngư Tinh viết: “... Thờ thượng cổ có loài cá mặt giống như mặt người, thường đi chơi bên bờ Đông Hải, hóa thành hình người, ngôn ngữ thông hoạt dần dần sinh lớn ra người trai gái, lấy cá tôm, hến ốc làm vật ăn; lại có giống người mới sinh ở hải đảo lấy sự bắt người làm sinh nhai, cũng thành ra người, cùng với đàn ông đổi chác các phẩm vật như muối gạo, áo quần, dao búa, thường qua lại ở biển Đông Hải...”

“...ngôn ngữ thông hoạt dần dần sinh lớn ra người trai gái...” là nói đến thói tục.

“Lại có giống người mới sinh ở hải đảo lấy sự bắt người làm sinh nhai”, ý chỉ tục Lễ Gia Tiên mới sinh ra ở trên.

“Cùng với đàn ông đổi chác các phẩm vật”, là chỉ sự thừa tự, để lo sự tư tế, cúng giỗ ông bà...

Tiểu Tượng: Mã xất vong, tuyệt loại thượng dã.

Dịch Nghĩa: Đôi ngựa mất, dứt loài lên vậy.

Thuyết quái truyện, chương 11 nói: “Càn là trời, là hình tròn, là ông vua, là người cha, là ngọc, là vàng, là băng, là sắc đỏ thắm, là con ngựa tốt, là con ngựa gầy, là con ngựa vằn, là trái cây” (Kinh Dịch, Nguyễn Hiến Lê, trang 72). Như vậy, câu “đôi ngựa mắt, dứt loài lên vậy”, hàm ý không bàn về hành trung cung.

Đoạn này giới thiệu một điệu múa cổ khác, mang nhiều tên gọi khác nhau như Động Đình Hồ, Hàm Trí, Vũ Nghi, Nghê Thường... gồm 6 người múa lượn làm thành nhiều hình thái, để rồi 4 người đứng về 4 phía, còn 2 người thì ở giữa. Sáu khung ở 5 vị trí, bốn khung bốn hướng, 2 khung chung chính giữa trung cung: Đó là lược đồ cơ cấu Ngũ Hành, do 2 Nghi giao nhau tạo nên, mỗi Nghi gồm 3 vị thế (Đất – Người – Trời).

Hành Thủy là gốc của các việc, được phát hiện nơi hướng Bắc, nơi đánh dấu sự thành công của sự việc với thực lý đầy đặn, đầu đó đều đủ, mang sắc đen, tượng của mùa Đông, ở Người là Trí.

Hành Hỏa tượng trưng cho sự thông đạt của các sự việc, sự việc đã tới đó, thấy đều tốt đẹp, mang sắc đỏ, tượng của Đất là mùa Hạ, phương của Trời là hướng Nam, đức của Người là Lễ, là nơi tụ hội những điều hay.

Đạo Đất khởi đầu ở hướng Đông, tức bên trái. Người ở giữa mà lấy bên trái làm căn cơ. Mùa Xuân là mùa của sự gieo, không có cái gì trước nó, tượng của mùa Xuân là Mộc, mang màu xanh, và ở Người là Nhân, tức trùm trướng của các điều thiện.

Bên phải là hướng Tây, nơi được sự hòa hợp của từng phần, tượng của Kim, ở Người là Nghĩa nên mang màu trắng, ở mùa là mùa Thu, mùa của sự gặt, sự thỏa thuê của các vật, vật nào thì được cái sở nghi của vật ấy.

(Hình 7) Cơ Cấu Ngũ Hành A:



Truyện Hồng Bàng viết: “... còn Kinh Dương Vương thì không biết đi đâu...” Là bởi thiên hạ chỉ nhắc nhở đến 4 hành xung quanh, không nói năng gì đến hành giữa!

Truyện Ngự Tinh viết: “... Trong núi có Ngự Tinh, miệng răng nhô ra ngoài bờ biển, ở dưới núi có một chiếc hang lớn, đó là nơi cư trú của Ngự Tinh; thuyền nhân dân qua lại phần nhiều bị hại; phong ba hiểm yếu, họ không có đường nào mà tránh; muốn mở một lối đi ngã khác thì họ lại gặp cát đá không thể nào đào được”. “Núi” chỉ Hành Hỏa, “miệng răng nhô ra ngoài bờ biển” chỉ hành Mộc, hành Kim và hành Thủy, “hang lớn” chỉ hành Thổ. Mỗi hành đều có vị trí và đặc tính khác nhau, không lẫn lộn.

Tiểu Tượng: Hoặc cỏ hoặc bãi, vị bất đáng dã.

Dịch Nghĩa: Hoặc khua trống hoặc thổi, ngôi chảnh đáng vậy.

Trống Quân là một điệu múa quan trọng, thể hiện cái vũ trụ quan sinh động của con người, làm sợi dây liên lạc mà nối Đất với Trời, trực tiếp tiếp tay với Trời Đất để thực hiện cái chức năng cao cả là khởi sinh ra vạn vật.

Theo Giáo Sư Kim Định: Trống Quân được tổ chức vào 2 mùa Xuân Thu, địa điểm tổ chức là dưới chân núi nơi có suối nước, còn nếu không có núi có sông thì thay bằng hai cửa Đông Nam, hoặc cùng lắm thì là cửa Nam. Nơi tổ chức phải đào một cái lỗ để làm cái trống Trời, trên có giăng dây làm cái trống Đất. Tư tế thì gồm 2 bề nam nữ mặc áo đẹp ngày lễ để đấu ca, đấu lý, đấu tình... Cuối cùng, những đôi trai gái nào “bị bắt” sẽ sang qua sông, trao hoa cho nhau và hợp thân như nghi lễ giao thoa, đó là sự hội cưới hoàn toàn tự do giữa 2 người, không cần môi giới, hoàn toàn không có sự cưỡng ép hay bó buộc nào giữa đôi trai gái, thể hiện tuyệt đối quyền quyết định của chính bản thân mình đối với vận mạng của mình, thể hiện chức năng cao cả của con người là ngang hàng cùng Trời Đất, để cùng Trời Đất khởi nguyên và sinh ra vạn vật, trong đó có con người, tạo cảnh Thái Hòa cho vũ trụ.

Cách thức tổ chức Trống Quân là thể hiện của nét dọc, với 3 khung trong vị thế Tam Tài là 1 – 5 – 4: Đào lỗ để biểu tượng cho giếng mà làm cái trống Trời. Giăng dây để thay cho giá giếng mà làm cái trống Đất.

Thời gian tổ chức Trống Quân là thể hiện của nét ngang, với 3 khung trong vị thế Tam Tài là 2 – 5 – 3: Mùa Xuân là mùa của sự gieo, mùa Thu là mùa của sự gặt, sự thỏa thuê của các vật. Núi để tưởng công cha, sông để khắc ghi nghĩa mẹ.

Hai bè nam nữ đấu ca, đấu lý, đấu tình... để tạo nên trống Ngươi. Nam chứa sự khởi nguyên như mạch nước, nữ mang sự rỗng của giếng. Nam gây ra phần khí, nữ tạo nên phần hình, khí ẩn bên trong không trông thấy, hình lộ ra ngoài lớn dần dần, rõ ràng nhận diện. Bởi Ngươi có đủ cái đạo của Trời Đất, cho nên “Không những chỉ cùng làm chuẩn đích với Trời Đất, mà còn có khả năng chỉnh đốn và sửa sang đạo của Trời Đất được: Dịch dữ thiên địa chuẩn, cố năng di luân thiên địa chi đạo” (Hệ từ thượng truyện, chương IV), để từ đó mà tiếp tay với Trời Đất, hóa sinh ra vạn vật, tạo cảnh Thái Hòa cho vũ trụ, “Thiên địa nhân huân, vạn vật hóa thuần, nam nữ cấu tinh, vạn vật hóa sinh: Khí trời hình đất, nhờ ở sự khởi nguyên và sinh ra, mà vật nào thì có cái sở nghi của vật nấy, rồi giống đực và giống cái giao cấu nhau, rồi vạn vật cứ thế mà sinh ra mãi” (Hệ từ hạ truyện).

Truyện Hồng Bàng viết: “... hoặc có lúc đi về Thủy Phủ...”

Truyện Ngự Tinh viết: “... Một đêm kia, có tiên xuống moi đá làm kênh cho sự thông hành của loài người được tiện lợi; kênh sắp được đào xong thì Ngự Tinh hóa ra một con gà trắng gáy ở trên núi; quần tiên nghe thấy ngỡ là trời gần sáng nên đều tự nhiên bay đi hết, nay gọi là đường Phát...” Sự thông hành của loài người do tự tay loài người khai phá, tiên làm sao moi đá làm kênh được?

Tiểu Tượng: Kỳ tử họa chi, trung tâm nguyện dã.

Dịch Nghĩa: Con nó họa đó, trong lòng muốn vậy.

Rồi Tổ Tiên ta lại dựa trên cơ sở Ngũ Hành mà làm thành Lịch, “Con nó họa đó, trong lòng muốn vậy”: Mỗi khung đều có đại biểu của Đất – Ngươi – Trời. Đất có 4 mùa là Xuân Hạ Thu Đông, Ngươi có 4 đức là Nhân Lễ Nghĩa Trí, Trời có 4 phương là Đông Nam Tây Bắc. Bây giờ mới tìm trong loài vật, lựa con nào thích hợp để đặt vào, theo thứ tự xoay vòng 1, 2, 3, 4 của mỗi hành.

Số 1: Hành Thủy khởi nguyên nơi hướng Bắc (Trời), việc đồng áng lệ thuộc vào thời tiết mùa màng, nhưng không có bác nông dân nào lại không phàn nàn về sự phá hoại của các chú chuột, nên anh Tý dính tên. Sau này khi giặc Bắc phương cướp phá, người ta mới đem hình ảnh chú chuột ra mà ám chỉ giặc Bắc phương, nhưng đó là chuyện về sau, chứ khởi đầu chỉ đơn thuần về chuyện canh tác.

Số 2: Mùa Xuân (Đất) là mùa của sự gieo, không có gì trước nó, nên con Trâu được quàng cày vào cổ mà ra sức kéo cày.

Số 3: Hướng Tây (Trời) là nơi mặt trời đi ngủ, lại là đỉnh điểm cho chúa tể sơn lâm thức dậy “quắc mắt thần”. Và ông Ba Mươi được trân trọng mời vào danh sách!

Số 4: Đối nghịch hướng Bắc là hướng Nam. Để trị chú Tý, còn ai hơn chị Mẹo? Sau này mấy chú Ba đánh hơi, biết người ta ám chỉ mình là chuột phá hoại mùa màng, mấy chú cũng bẽ bàng nhưng không sao phủ nhận sự thật được, mấy chú bèn chơi trò “dã lã” đỡ đạn, vờ bỏ chị Mẹo ra và thể cô Thổ vào! Mấy chú luôn tự hào là chuyên viên làm đồ giả và đồ nhái, mấy chú tưởng mình khôn (liền), không những đã vô hiệu hóa chị Mẹo, còn định chửi khéo các anh đây “nhát như thỏ đế”? Các chú không biết rằng làm như thế, các chú đã tự trét... chấu vô mặt mình, tự tố giác cho thiên hạ biết, rằng mấy chú em đây đã “chôm chĩa” nhưng không tiêu hóa nổi “đồ chôm”. Hỡi ôi!!!

Round 2: (1) Mùa Đông (Đất) đánh dấu sự thành công của sự việc với thực lý đầy đặn, có ai dám đứng ra tranh chỗ với cha Ròng? (2) Đức Nhân (Người) là trùm trưởng của các điều thiện, muốn được như vậy, mình phải luôn canh tân mà thích ứng với những đổi thay. Thấy hành động “lột da” nhấc nhờ con người cần thay đổi, thế nên mới cho Tý vào, đứng ngay sau cha Thìn. (3) Mùa Thu (Đất) là mùa của sự gặt, sự thỏa thuê của các vật, chú Ngọ được vinh dự rong ruổi, chuyên chở sở nghi. (4) Không hiểu vì sao, ngay từ lúc con người biết điều lễ nghĩa, sự phụ tôi đã được chọn làm vật tế thần, nếu căn cứ theo khái niệm trong sách vở, Lễ là chỗ hội tụ những điều hay, vậy những việc nổi tiếng của sự phụ tôi đây, quả phải hay lắm lắm?

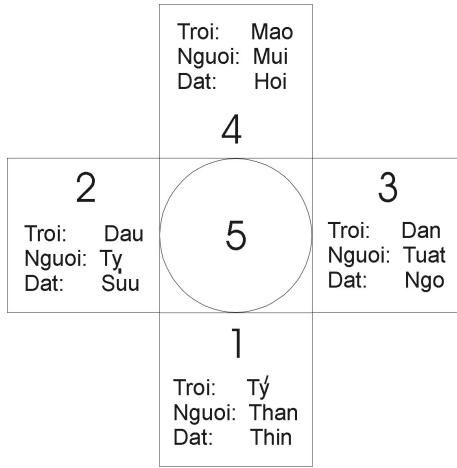
Round 3: (1) Kể về Trí thì không đâu bằng Khỉ, nhưng đối với những “trò khỉ” thì cộng thêm chữ “trá” vào. (2) Báo hiệu một ngày mới (hừng Đông) thì không ai khéo bằng cu Dậu. Mặc dù “gà khóa thân” xuất hiện thường xuyên trên bàn thờ, nhưng chắc vì chuyện kia gà thua dê xa lơ xa lác, nên cho tới nay gà vẫn chưa được chọn làm vật tế thần. Xin hỏi quý thần, liệu cái dâm có dâm chết cái đẹp? (3) Nghĩa khí ngất trời phải kể tên chú Tuất. Ông bạn tôi hóm hỉnh bảo rằng, “Muốn biết giữa vợ mày và chú Tuất, ai có nghĩa hơn ai, hãy bỏ cả hai vào cốp xe khóa lại, chừng hai tiếng sau mở ra xem ai vẫn mừng mày?” (4) Ăn no ủn ỉn nằm xoài, nhưng hễ “rờn đực” lại phá chuồng không ai chịu thấu, chắc vì vậy mà người ta mới gọi loại phim ấy là “phim con heo”. Heo nóng nảy triền miên, suốt ngày dầm mình trong vũng nước bẩn, có người nhầm tưởng heo ở dơ, thật ra heo nóng nực, nên chị Lợn được chọn làm biểu tượng của mùa Hè.

Thế là đã có đủ 12 con giáp làm Địa Chi.

3 Chi trong một hành gọi là “tam hợp” gồm: (Thân – Tý – Thìn), (Tỵ – Dậu – Sửu), (Dần – Ngọ – Tuất), (Hợi – Mẹo – Mùi).

4 Chi ở 4 hành khác nhau gọi là “tứ hành xung” gồm: (Dần – Thân – Tỵ - Hợi), (Thìn – Tuất – Sửu – Mùi), (Tý – Ngọ – Mẹo – Dậu).

(Hình 8) Cơ cấu Ngũ Hành B:



Truyện Hồng Bàng viết: “... nhưng trăm họ...” Trong trăm họ, ai cũng có năm sinh, tháng đẻ!

Truyện Ngự Tinh viết: “... Lạc Long Quân thương dân bị hại mới làm một con thuyền lớn, ra lệnh cho Thủy Dạ Xoa cấm thần biển không được làm sóng gió, chèo thuyền đến núi Ngự Tinh, giả đem một người đến cho Ngự Tinh ăn; Ngự Tinh há miệng toan nuốt...” Miệng Ngự Tinh hả to chành bành, lòi cái lưỡi gà trông như con số năm phát khiếp!

Tiểu Tượng: Sơ cữu ngu cát, chí vị biến dã.

Dịch Nghĩa: Chín đầu lo tốt, chí chưa đổi vậy.

Rồi “chí chưa đổi vậy”, người ta lại đặt thêm 10 cái tên không mang một ý nghĩa gì hết, gọi là Thập Can, tượng trưng cho 2 lần(con số 5) = 10 nơi trung cung hành Thổ, nhưng lại chia làm 2 nhóm Dương Âm xen kẽ nhau theo thứ tự: (+)Giáp – (-)Ất – (+)Bính – (-)Đinh – (+)Mậu – (-)Kỷ – (+)Canh – (-)Tân – (+)Nhâm – (-)Quý, đặt trước Địa Chi để phân biệt các năm. Thí dụ: Năm 2000 là năm Canh Thìn, 2001 là Tân Ty, 2002 là Nhâm Ngọ, 2003 là Quý Mùi, 2004 là Giáp Thân, 2005 là Ất Dậu, 2006 là Bính Tuất, 2007 là Đinh Hợi, 2008 là Mậu Tý, 2009 là Kỷ Sửu, 2010 là Canh Dần, 2011 là Tân Mão, 2012 là Nhâm Thìn. Hễ sinh vào Can Dương thì gọi là Dương Nam, Dương Nữ; bằng sinh vào Can Âm thì gọi là Âm Nữ, Âm Nam.

Nếu quan sát kỹ tổ thứ ba trên mặt trống đồng Ngọc Lũ (Hình 10), quý vị sẽ nhận ra một điều thú vị, 2 cặp 10 nai xen kẽ giữa 6 và 8 chim đuôi ngắn mỏ ngắn đương bay này, theo chiều kim đồng hồ, cứ một con đực rồi một con cái, liên tục như thế...

Lưu ý những con số trên tổ 3 này: Ngũ Hành do 2 Nghi tạo nên, mỗi Nghi gồm 3 Tài là (Trời – Người – Đất), thành tổng cộng 2(Trời – Người – Đất), mà Trời = 3, Đất = 4, Người = 5 đôi vì gồm Nam và Nữ. Cho nên, 3 Trời = 6 chim, xen kẽ 5 đôi Người = 10 nai, xen kẽ 2 Đất = 8 chim, xen kẽ 5 đôi Người = 10 nai.

(Hình 9) Cơ cấu Ngũ Hành C:

	Mao Mùi Hối	
Dau Tỵ Suu	+ Giáp - Ất + Bính - Đinh + Mậu - Kỷ + Canh - Tân + Nhâm - Quý	Dan Tuất Ngọ
	Tý Thân Thìn	

Truyện Hồng Bàng viết: “... vẫn được yên ổn...”

Truyện Ngư Tinh viết: “... Long Quân liền lấy một khối sắt nung đỏ liệng vào miệng cá; Ngư Tinh vùng vẫy nhảy đến đánh thuyền; Long Quân chém được khúc đuôi, lột da treo lên trên núi, nay gọi là Bạch Long Vỹ; khúc đầu trôi ra ngoài biển, hóa ra chó mà chạy mất; Long Quân lấy đá lấp biển thì chém được, nó bèn hóa ra đầu chó, nay gọi là Cầu Đầu; khúc mình trôi vào Man Cầu, nay gọi là Cầu Man Cầu là bởi đó vậy”. Khối nung đỏ đó là Thập Can vậy.

60. Quẻ Tiết

KHẪM TRÊN – ĐOÀI DƯỚI

Đại Tượng: Trạch thượng hữu thủy, Tiết, quân tử dĩ chế số độ, nghị đức hạnh.

Dịch nghĩa: Trên chằm có nước, là quẻ Tiết, đáng quân tử coi đó mà chế số độ, bàn đức nét.

Tượng hình nước chứa trong chằm, thì nước lệ thuộc vào dung tích và hình thể của chằm.

Toàn quẻ chỉ có một hào trên cùng thay đổi. “Chế số độ, bàn đức nét” nghĩa là rút ra những hệ luận từ cơ cấu Ngũ Hành.

-oOo-

Tiểu Tượng: Khổ tiết trinh hung, kỳ đạo cùng dã.

Dịch Nghĩa: Dè dặt khổ, chính bền hung, thừa đạo cùng vậy.

Việc mà có tiết độ thì có thể đem đến sự hanh thông. Tiết chế chủ ở chỗ chừng mực, chứ còn đã bắt cập hoặc thái quá, sẽ không còn quân bình; đã mất quân bình thì “chính bền hung”.

“Kỳ đạo” ám chỉ Tài đầu trong vị trí Tam Tài (Đất – Người – Trời): Trời sinh nên Trời ở trên mà che, Đất dưỡng nên Đất chở, Người ở giữa mà giữ thể hòa. “Thừa đạo cùng vậy” là chỉ Tài dưới, Địa Dưỡng, nên truyện Hồng Bàng viết: “... Lạc Long Quân dạy dân ăn mặc...” Ăn mặc là đạo Đất.

Con người là vật thể thiêng liêng trong vũ trụ, là cái đức của Đất Trời, mà cái đức lớn nhất trong trời đất là sự sinh, nên con người phải có quyền sống. Để sống thì phải có ăn, và cái ăn để nuôi sống con người phải là cái ăn tự tạo, không bị lệ thuộc làm mất tự do, bởi tự do là yếu tố cơ bản để phát triển mọi khả năng và những tiềm ẩn nơi mỗi người. Muốn tự tạo lấy cái ăn để khỏi lệ thuộc, tức là phải có tư liệu sản xuất, và để duy trì được sự bình đẳng bình quyền, thể hiện chân chính sự tự do của con người, thì sự phân chia tư liệu sản xuất phải dựa trên một số độ đồng đều.

Căn cứ trên đồ hình tổng hợp (Hình 3), khung trống ở vị trí trung cung, là khung chung do 8 khung kia tạo thành, Tổ Tiên ta mới phát huy để phân chia ruộng đất theo một số độ đồng đều, lập nên thể chế Bình sản: Cứ mỗi lô đất được phân chia thành 9 khung bằng nhau như hình 3. 8 khung chung quanh được chia cho 8 người hoặc 8 gia đình làm của riêng để tự lực canh tác, còn khung giữa, tức khung chung là để 8 gia đình cùng làm chung mà xung vào công quỹ, nghĩa là đóng thuế. Ruộng đất là của chung trong làng chứ cá nhân thì không có, nhưng vì định kỳ phân quân nên ai ai cũng có như nhau. Và những định kỳ phân quân đó, dùng để thay đổi về

diện tích, tùy theo số nhân đinh thêm bớt, hoặc có ai qua đời thì phần ruộng đó lại trở về của làng để chia cho những người tiến lên sau, tạo sự bình sản trong tư liệu sản xuất giữa mọi người.

Sự phân chia tư liệu sản xuất theo thể chế Bình sản, khiến ai cũng có sự tư hữu như nhau, đã không những chỉ bảo đảm quyền tự do, duy trì sự bình đẳng bình quyền giữa mọi người, mà còn là động lực để phát huy những quyền tự do khác, bảo đảm phẩm giá của con người, phát triển những đức tính tốt để làm nên con người toàn diện, khai thác được mọi khả năng tiềm ẩn nơi mỗi người, là một bước tiến quan trọng trên con đường kiến tạo toàn nhân tính, để con người thực sự là con người, có khả năng phát huy được đầy đủ những chức năng cao cả, linh thiêng của mình.

Truyện Hồ Tinh viết: “Thành Thăng Long ngày xưa gọi là đất Long Biên, đời thượng cổ chưa có người ở.

Buổi đầu, chỗ đất này về phía Tây có một ngọn núi đá, dưới núi có một cái hang, có một con hồ chín đuôi sống hơn một nghìn năm thành ra yêu quái, biến hóa vạn trạng, có lúc hóa người, lúc hóa khỉ, đi khắp cả nhân gian...”

Phía Tây là nơi được sự hòa hợp của từng phần, tượng của Kim, ở Người là Nghĩa nên mang sắc trắng; ở Đất là mùa Thu, mùa của sự gặt, sự thỏa thuê của các vật, vật nào thì được cái sở nghi của vật nấy. Hang ở dưới núi nói lên sự chênh lệch, hang thì rỗng trong khi núi lại đầy. “Hồ chín đuôi” là chỉ chín khung trong hình 3, một khuôn mẫu để phân chia ruộng đất theo thể chế Bình sản, nên mới nói là “biến hóa vạn trạng”.

Trải qua hàng nghìn năm, không phải nơi nào cũng may mắn có được ý thức nhân bản của nền văn minh ruộng nước như ở Việt tộc, nhiều nơi người ta chưa biết đến sản xuất, vẫn còn săn bắt, lượm hái mà sống, nên mới nói là “có lúc hóa người, lúc hóa khỉ, đi khắp cả nhân gian”.

Tiểu Tượng: Cam tiết chi cát, cư vị trung dã.

Dịch Nghĩa: Cái tốt của sự dè dặt, ngọt ở ngôi giữa vậy.

Tiết chế quý ở sự vừa phải. Vừa phải thì cân đối không bị cực đoan. Không cực đoan sẽ không biến đổi, luôn giữ được sự chính bền, là “cái tốt của sự dè dặt”.

Ngôi giữa là ngôi Người. Người là phần giao của Trời Đất, ở giữa Trời Đất để cùng Trời Đất phát dục nên vạn vật, tạo cảnh Thái Hòa cho vũ trụ, nên “ngọt ở ngôi giữa vậy”. Để được như thế, con người phải có đầy đủ mọi quyền tư hữu và tự do như Trời và Đất, nghĩa là không

những chỉ có quyền làm chủ những vật dụng cần thiết, mà trước hết, và trên hết, con người phải có đủ khả năng mà làm chủ ngay chính tâm hồn mình, vận hệ mình, gọi là Nhân chủ.

Thể hiện của tính Nhân chủ là giá trị con người. Giá trị con người thể hiện qua tình người, mà tình người thì không đâu nồng thắm cho bằng tình cha con, nghĩa vợ chồng, cho nên truyện Hồng Bàng viết: "... có luân thường về phụ tử, phụ phụ..."

Truyện Hồ Tinh viết: "... Lúc bấy giờ ở dưới chân núi Tản Viên có giống người mọi gác cây cỏ mà ở..." Cây cao là tượng của Trời, cỏ thấp biểu tượng cho Đất. Đạo Đất khởi đầu bằng "ăn mặc", thì đạo Người bắt đầu bằng sự "ở". Ở như thế nào? "Gác cây kết cỏ mà ở", ở sao cho to bằng Đất, cho cao bằng Trời!

Tiểu Tượng: An tiết chi hanh, thừa thượng đạo dã.

Dịch Nghĩa: Yêu dè dặt mà hanh, vâng đạo trên vậy.

Vỗ về, yêu chuộng sự tiết chế thì hanh thông, là sự thể hiện của đạo Trên, tức đạo Trời vậy. Trên Hỏa dưới Thủy, Người ở giữa: Đầu đội Trời, chân đạp Đất, có tôn ty trên dưới rõ ràng, cho nên truyện Hồng Bàng viết: "... bắt đầu có trật tự về quân thần, tôn ty..." Tiết chế đặt ra, trên thì vỗ về, dưới lại yêu chuộng, đó là thể hiện của chính sách Lễ trị vậy.

Đạo Đất cho con người sự sống (ăn mặc), thì đạo Trời phải giáo hóa con người. Nuôi sống và giáo hóa là hai việc quan trọng trong kiếp nhân sinh (khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục), vừa liệu cho người dân có ăn có mặc để nuôi sống, đồng thời còn phải giáo dục, cải hóa người dân vươn lên trên mọi khía cạnh, từ văn hóa cho tới khoa học kỹ thuật. Hai yếu tố đó không ngừng bổ xung cho nhau mà cải thiện mức sống của người dân, ngày một thêm hay, thêm giàu, thêm đẹp.

Thể chế Bình sản là một ưu việt để phát huy nhân tính, thực thi vững chắc nền Nhân chủ, thì chính sách cai trị dựa trên cơ sở Lễ trị cũng phải được gắn liền để duy trì nền Nhân chủ. Cơ cấu Bình sản – Nhân chủ – Lễ trị là thể hiện cao đẹp của vị thế Tam Tài là Đất – Người – Trời vậy.

Trong khi những nơi khác giết người vì quan niệm thiên lệch, thì Việt tộc lại thờ người, quý trọng đời sống con người. Hai đức Hiếu – Đễ là lối cụ thể biểu lộ đức Nhân Sinh: Hiếu là kính trọng cái nguồn gốc của sự sống, những người đã truyền sinh và nuôi dưỡng nên mình; Đễ là trọng kính sự sống nơi người nào đã bảo toàn được sự sống lâu hơn mình, để học hỏi và thấu thập kinh nghiệm sống.

Truyện Hồ Tinh viết: “... trên núi có một vị thần được mọi người phụng thờ. Vị thần ấy dạy cho mọi người cày ruộng, dệt vải, may áo trắng mà mặc, nhân ấy gọi là Bạch y man...”

“Trên núi” ý chỉ đạo Trời. Vị thần ở đây chỉ người lãnh đạo. Người lãnh đạo này không “chăn dân”, không “nuôi dân”, không xem dân như súc vật, mà lại dạy người dân tự cày ruộng mà tạo ra cái ăn, tự dệt vải mà làm nên cái mặc, để sống một cuộc sống tự tại, hoàn toàn tự do, không bị lệ thuộc, hầu phát huy được Nhân chủ tính của mình. Vị lãnh đạo đó còn dạy dân may áo trắng mà mặc, tức là dạy dân điều Nghĩa Tiết.

Tiểu Tượng: Bất tiết chi ta, hựu thù cứu dã?

Dịch Nghĩa: Lời than của kẻ chẳng tự dè dặt, lại còn đổ lỗi cho ai?

Kẻ chẳng tự dè dặt dễ gây nên lỗi, phải bị trói, bị buộc. Đã vậy còn chưa thức ngộ, lại còn ngược ngạo mà đổ lỗi cho người khác nữa chứ! Đây chính là thể hiện của tục Tả Nhậm, qua việc cài áo bên trái: Bên trái yếu hơn bên phải (nội đặt tên đã biết ai trái ai phải rồi), nên được quý trọng mà cài áo sang phía trái, Trái đã không hiểu cơ sự thì chớ, lại suy nghĩ vẩn vơ mà cho rằng, bởi mình yếu đuối mới bị thiên hạ trói buộc, để rồi than thân, trách phận, và đổ lỗi cho Phải. Phải đã không giận thì chớ, lại còn xuống giọng dỗ dành bằng câu hỏi đầy thương yêu, triu mến: “Lại còn đổ lỗi cho ai?”

Truyện Hồng Bàng viết: “... Bỏ đi đường nào, không đến mà cứu chúng ta...”

Truyện Hồ Tinh viết: “... Hồ chín đuôi hóa ra người áo trắng nhập vào trong bọn mọi, cùng lũ mọi ca hát, dụ dỗ được người con trai, con gái nào thì đem về nhốt ở hang đá; người mọi lấy làm khổ sở về việc ấy...”

Lễ ký viết: “Thị dĩ Thiên Tử chi lập dã: Tả Thánh, hướng nhân, hữu nghĩa, bội tàng dã”, nghĩa là, “cái vị thế của người lãnh đạo là phải biết sáng suốt để thấu triệt ý nghĩa nét ngang trong vị thế Tam Tả là Đất – Người – Trời, để bắt đầu từ bên trái mà “dạy dân ăn mặc”, hướng vào giữa để “có luân thường về phu tử, phu phụ”, rồi đi qua phải mà “có trật tự về quân thần, tôn ty”, bội tàng dã”.

Tả Thánh – Hướng Nhân – Hữu Nghĩa là thể hiện của nét ngang đã đành, thế còn “bội tàng” là sao? Sao lại tàng trữ những mối nhân đức nữa?

Xin thưa, những mối nhân đức ở đây là mức “an sinh xã hội” mà “hồ chín đuôi” đã gây dựng nên mới “cùng lũ mọi ca hát” vậy. Mọi người không phân biệt nam nữ, đều có ruộng đất để tự canh tác mà nuôi sống mình trong thể chế Bình sản. Những người yếu đuối, tàn tật, không thể

tự mình canh tác, thì đã có của công trợ cấp. Cửa công là khung trung cung, do 8 gia đình ở 8 khung xung quanh cùng ra sức làm chung đóng góp thành. Truyện Hồ Tinh ví khung này như cái hang để nhốt những người con trai, con gái. Đây là hình thức tái phân chia lợi tức để bảo đảm mức an sinh xã hội. Mọi người có năng lực và khả năng, đều có bổn phận và nghĩa vụ đóng góp vào để nuôi dưỡng những người gặp khó khăn, thiếu khả năng sản xuất, thể hiện tinh thần tương thân tương trợ, chị ngã em nâng, nghĩa đồng bào...

Tiểu Tượng: Bất xuất môn đình, hung thất thì cực dã.

Dịch Nghĩa: Chẳng ra sân cổng, hung, lỗi thì đến tội bậc vậy.

Không được ra ngoài sân cổng nhà, vì ngoài sân cổng rất hung hãn, nếu không nghe lời mà cứ tự tiện bước ra, thì họa hoàn đến ngay tức khắc. Ghê gớm quá! Như vậy ai mà dám lò dò ra ngoài sân cổng làm chi, chả lẽ cứ ru rú ở mãi trong nhà hay sao? Đừng hiểu lầm, dặn là đừng bước ra sân cổng nguy hiểm, chứ đâu có nói phải ở miết trong nhà đâu? Chỉ nên bước tới cửa nhà thôi, rồi neo theo thang mà xuống dưới, rồi muốn đi đâu thì đi, đất nước tự do không ai cấm cản, chỉ vì ở nhà sàn nên lưu ý mọi người, đừng bước ra sân cổng sẽ té vì nhà sàn không có sân cổng, thế thôi!

Truyện Hồng Bàng viết: "... Dân lúc nào có việc cần thời kêu Lạc Long Quân, thì Lạc Long Quân lập tức đến ngay..." Nhà sàn là hệ luận rút ra từ nét dọc của cơ cấu Ngũ Hành, nên lúc nào Long Quân cũng bên cạnh.

Truyện Hồ Tinh viết: "... Long Quân mới sai bộ hạ Thủy Phủ dâng nước lên đánh phá núi Tiểu Thạch Sơn, đào thành một cái đầm lớn, chính giữa thành có một cái vực sâu, gọi là Thi Hồ Trạch (nay là Hồ Tây) rồi lập chùa quán để trấn yểm nữa (nay là Thiên Niên Quán)..." Đoạn truyện Hồ Tinh này diễn tả cái nét dọc của cơ cấu Ngũ Hành.

Tiểu Tượng: Bất xuất hộ đình, trí thông tắc dã.

Dịch Nghĩa: Chẳng ra sân cửa, biết thông tắc vậy.

Không cần phải ra ngoài cửa để trông ngó, cứ việc ngồi ở bên trong mà biết rõ sự thông tắc rồi. Cây nổi trên mặt nước, gió thổi, nước trôi cũng chưa đủ, cần có người ở trên cây mà chèo, mà lái miến cây trôi theo ý mình. Để khúc cây cân bằng lướt trôi trên mặt nước, thì người phải ở vào chỗ giữa. Đây là nói về việc đi thuyền. Dùng thuyền làm phương tiện di chuyển là hệ luận rút ra từ nét ngang trong cơ cấu Ngũ Hành. Lúc đi thuyền, người không cần phải ra ngoài sân

cửa, cứ việc ngồi trong khoang mà vẫn biết đến sự thông tắc của dòng sông, nên truyện Hồng Bàng viết: "... uy linh cảm ứng không ai có thể trắc lượng được..."

Truyện Hồ Tinh viết: "... bờ phía tây bên đầm thì đồng nội bằng phẳng, ruộng ao cày cấy, gọi là Lỗ Hồ Động. Chỗ nào cao ráo thì đều có dân cư, tục gọi là Hồ Thôn. Còn cái hang nay gọi là Lỗ Hồ Đàm vậy". "Động" là chỉ sự di chuyển. Đoạn văn này diễn tả cảm tưởng của người đi thuyền trên sông, thuyền lướt trên nước, ngồi trông lên bờ, người ta có cảm tưởng như những cảnh vật ở trên bờ, từ cánh đồng nội, ruộng ao, cho chí những thôn xóm, như đang di chuyển vậy.

59. Quẻ Hoán

TỒN TRÊN – KHẢM DƯỚI

Đại Tượng: Phong hành thủy thượng, Hoán, tiên vương dĩ hưởng vu đế, lập miếu.

Dịch nghĩa: Gió đi trên nước, là quẻ Hoán, đáng tiên vương coi đó mà cúng chưng trời, dựng miếu.

Lấy cái tô, cái chậu, úp xuống đất để giữ nước là chuyện làm vô vọng.

Vả lại, Tồn cũng có nghĩa là Mộc. Hình quẻ Hoán là tượng của khúc cây nổi trên mặt nước, dẫn đến kết quả là khúc cây sẽ bị trôi đi mất. Có mất nên mới dựng miếu mà cúng chưng trời.

-oOo-

Tiểu Tượng: Hoán kỳ huyết, viễn hại dã.

Dịch Nghĩa: Tan thừa máu, xa hại vậy.

“Tan thừa máu”, máu bị mất là nói đến sự nguy hại, mất mạng.

“Viễn” là xa, và thường đi đôi với chữ “Lai”, cho nên truyện Hồng Bàng viết: “... Đế Nghi truyền ngôi cho Đế Lai...”

Xin tóm tắt câu chuyện Hồng Bàng tới chỗ này:

Đế Minh sinh ra Đế Nghi rồi đi Nam tuần, phát hiện ra cái giếng, đặt tên là Lộc Tục. Đế Minh phong Lộc Tục làm Kinh Dương Vương cai trị phương Nam, và Đế Nghi làm tự quân cai trị phương Bắc. Sau lại phát hiện ra cơ cấu Ngũ Hành, tên Sùng Lãm, lấy hiệu là Lạc Long Quân, thay Kinh Dương Vương cai trị phương Nam. Như vậy, Đế Nghi là Đất, Kinh Dương Vương là Giếng, và Lạc Long Quân là cơ cấu Ngũ Hành.

Mất Đế Nghi nghĩa là mất Đất. Và mất Đất vào tay người phương xa, nói nôm na là Việt tộc đã mất đất vào tay giặc Tàu.

Thời điểm mất đất này xảy ra trước xa thời Xuân Thu Chiến Quốc, bằng có là theo truyền thuyết, những quẻ Dịch này đã có từ đời Phục Hy, mãi đến Văn Vương (đầu nhà Chu, trước Tây lịch khoảng 1000 năm) mới đem những quẻ này đặt tên và diễn thêm lời dưới mỗi quẻ, nói về sự lành dữ của từng quẻ (Kinh Dịch, Ngô Tất Tố, trang 9).

Độc Đông Châu Liệt Quốc, chúng ta đã lạnh gáy trước cuộc chiến bạo tàn giành đất giết người, tưởng tượng, cuộc chiến diệt chủng này đã xảy ra từ trên ngàn năm trước Đông Châu Chiến Quốc, phải dã man, tàn bạo đến mức độ nào?

Tiểu Tượng: Vương cư vô cữu, chính vị dã.

Dịch Nghĩa: Chỗ ở của vua ở không lỗi, ngôi chính vậy.

“Chỗ ở của vua ở” là nói đến danh phận. Quân Tàu lúc đó còn ăn lông ở lỗ, sống lang thang du thủ du thực, nay đây mai đó theo nghề săn bắn và lượm hái, chứ chưa biết định cư lập nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt làm ra cái ăn như Việt tộc. Khi thú rừng khan hiếm dần và nguồn cây trái cạn kiệt, họ tụ tập thành đàn lũ ô hợp, chủ yếu là đánh phá cướp của giết người một cách man rợ làm phương cách sinh nhai, nên họ giỏi cỡi ngựa bắn cung, thành thủ việc chém giết cướp của và chiến thắng Việt tộc là một điều đương nhiên khó chối cãi. Lịch sử đã chứng minh, nền văn minh nhân loại khởi nguồn từ miền Nam, lại bị du mục phương Bắc tiêu diệt.

Bởi họ giỏi cỡi ngựa bắn cung, di chuyển bằng ngựa nên người ta gọi là “người Tàu” chăng, hay do cách sống đàn lũ? Dù gì chăng nữa cũng bắt nguồn từ “tàu ngựa” mà ra.

Truyện Hồng Bàng viết: “... cai trị phương Bắc...”

Tiểu Tượng: Hoán kỳ quần, nguyên cát, quang đại dã.

Dịch Nghĩa: Tan thừa đàn, cả tốt, sáng lớn vậy.

Cướp được đất đai của Việt Tộc rồi, nghiêm nhiên quân Tàu trở thành chủ nhân ông chính thức, không những chỉ sở hữu đất đai trù mật, mà còn làm chủ luôn sự trù phú của nền văn minh ruộng nước, do Việt tộc đổ mồ hôi nước mắt gầy dựng nên trong suốt bao đời. Họ định cư lại đây, học nghề cày cấy, chăn nuôi... Thế mới nói là “tan thừa đàn”, có nghĩa là già từ đàn lũ, nên “cả tốt”, từ đó dựng lên nước Tàu, “sáng lớn vậy”?

Truyện Hồng Bàng viết: “... nhân khi thiên hạ vô sự...”

Tiểu Tượng: Hoán kỳ cung, chí tại ngoại dã.

Dịch Nghĩa: Tan thừa mình, chí ở ngoài vậy.

“Tan thừa mình” có nghĩa là mất chính mình, tức là mất lòng “tự trọng”, thành người “vô liêm sỉ”, nên “chỉ ở ngoài vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... sức nhớ đến ông nội là Đế Minh...”

Chiếm hữu đất đai và nền văn minh ruộng nước không chưa đủ, họ còn trơ trẽn nhận rằng chính họ là người sáng lập ra! Chẳng cần tưởng tượng đâu cho xa, cứ nhìn thái độ trịch thượng mà họ hành xử đối với những tranh chấp trên biển Đông hôm nay, là thấy ngay lòng tự trọng của họ bao lớn?

Tiểu Tượng: Hoán bốn kỳ ngọt, đắc nguyện đã.

Dịch Nghĩa: Tan chạy thừa ghế, được ý muốn vậy.

Ghế là cái để cúi xuống tựa cho yên. “Tan chạy thừa ghế” nghĩa là mất mà chạy tới cái ghế, tức là vội vàng làm chuyện thấp kém, chỉ cốt sao đạt được sự ham muốn nơi mình, “được ý muốn vậy”. Những việc làm tồi bại này ngày xưa khó chứng minh, chứ bây giờ đã lộ tẩy, cứ nhìn cái họa đồ chín điểm họ vạch ra trên biển Đông, cũng đủ thấu tam can của họ.

Truyện Hồng Bàng viết: “... nam tuần gặp được tiên nữ...”

Họ đang mơ tưởng, quyết chiếm đoạt luôn nền văn hóa của Việt tộc đấy!

Cách đây không lâu, lúc Nasa công bố nguồn năng lượng của tương lai đầy dẫy trên mặt trăng, tôi đã giỡn rằng, “Không khéo Tàu lại vạch ra họa đồ 10 điểm trên không gian bao trùm cả mặt trăng?” Dám lắm, chờ xem? Ông cha ta đã có kinh nghiệm đầy mình khi nói rằng, “Nước Tàu dệt gấm thêu hoa”, mà diễn nghĩa nôm na ra là “Vẽ Văn Chẽ”.

Tiểu Tượng: Sơ lục chi cát, thuận đã.

Dịch Nghĩa: Cái tốt của hào sáu đầu, thuận vậy.

Lòng đang tơ tưởng mờ ám, những muốn đạt được sự ham muốn, không cần biết đến công đạo loài người, lại gặp được người mẫn cán dưới trướng để ủy thác, nên đắc ý, “thuận vậy”.

Hào sáu đầu là gốc của quẻ Hoán, là khởi đầu của sự mất, lại còn là hào đầu của quẻ Khảm, gốc của sự hiểm độc, hỏi sao chẳng “thuận” lợi cho mưu đồ của Đế Lai.

Truyện Hồng Bàng viết: “... Đế Lai bèn khiến Xi Vưu tác chủ quốc sự...” Tức là họ rắp tâm thực hiện mưu đồ đen tối.

Trong “Văn Lang Vũ Bộ” của Kim Định, trang 33: Xi Vưu là người có bốn mặt, sáu tay, với hai phụ tá là thần gió và thần mưa. “Bốn mặt” ám chỉ sự hiểm độc, “sáu tay” ám chỉ sự cứng mạnh, mưa gió là quỷ Hoán.

58. Quẻ Đoái

ĐOÀI TRÊN – ĐOÀI DƯỚI

Đại Tượng: Lệ trạch Đoái, quân tử dĩ bằng hữu giảng tập

Dịch nghĩa: Bám chăm là quẻ Đoái, đáng quân tử coi đó mà bè bạn giảng tập.

Nhìn hình tượng quẻ Đoái, quý vị có liên tưởng tới cái Video Game mà các cô cậu nhỏ ưa chơi: Vòng tròn màu vàng hả rộng miệng táp gọn những gì trước mặt?

Hai chằm chồng lên nhau, chằm trên sẽ lọt vào chằm dưới, đó là tượng của sự nuốt, tức chiếm đoạt.

-oOo-

Tiểu Tượng: Thượng lục dẫn đoái, vị quang dã.

Dịch Nghĩa: Sáu trên dầu đẹp lòng, chưa sáng vậy.

Dầu bị nuốt, phần miệng của chằm trên vẫn hở lên, không bị nuốt trọn, nên “chưa sáng vậy”.

Người ta lấy câu, “Người tính không bằng trời định”, để tự an ủi cho những trục trặc kỹ thuật trong việc làm. Nhưng ý chính của câu này là “không thoát khỏi công đạo”, gian manh đến đâu cũng không thể nào dấu hết cái đuôi.

Truyện Hồng Bàng viết: “... mà nam tuần qua nước Xích Quỷ...”

Như đã dẫn dẫn, Xích là phần tinh hoa nhất, cực phách nhất. Quỷ được hiểu là lớn lao và thường đi với chữ chủ để chỉ người có quyền thế lớn lao ở miền Nam. Xích Quỷ là làm chủ chốt cái tinh hoa ở miền Nam, có thể nói là miền xích đạo, miền nông nghiệp lúa Mễ.

Tiểu Tượng: Phu vu bác, vị chính dương dã.

Dịch Nghĩa: Tin chưng đồ, ngôi chính nên vậy.

Hào giữa của quẻ trên dương, làm chủ của chằm bị nuốt, “ngôi chính nên vậy”. Chủ đích của sự nuốt là phải “đẻo” bỏ cho được hào này.

Như đã dẫn chứng ngay từ đầu, nền tảng của văn hóa nông nghiệp Việt tộc là nước, là những nét văn vẻ sáng sủa của Cha Rồng, là cái chu kỳ vòng tròn của nước, được kể là vật khởi nguyên, biểu tượng bằng gạch liền (—).

Có một thời cờ Việt Nam màu vàng với duy nhất 1 gạch đỏ ở giữa, là lấy ý từ gạch liền khởi nguyên này. Sau này lại thay bằng quẻ Ly (☲), rồi sau mới thay bằng ba gạch đỏ. Tất cả đều mang những ý nghĩa rất lớn lao, hy vọng tôi sẽ có duyên để phát họa ý kiến về ý nghĩa to lớn của những lá cờ vàng của dân tộc.

Truyện Hồng Bàng viết: “... thấy Long Quân đã về Thủy Phủ...”

Tiểu Tượng: Cửu tứ chi hỷ, hữu khánh dã.

Dịch Nghĩa: Cái mừng của chín tư, có phúc vậy.

Cái biểu tượng của vòng tròn ấy (☲) được thể hiện bằng nhiều câu truyện trong dân gian như Vợ chồng Táo, sự tích Trầu Cau..., nhưng quan trọng nhất vẫn là biểu tượng của bộ ba Phục Hy – Nữ Oa – Thần Nông.

Truyện Hồng Bàng viết: “... trong nước không vua...”

Tiểu Tượng: Lai đoái chi hung, vị bất đáng dã.

Dịch Nghĩa: Lại đẹp lòng mà hung, ngôi chẳng đáng vậy.

Quân Tàu không hiểu gì ráo về những nét văn hóa tiêu biểu của nền nông nghiệp, tuy chiếm được của Việt tộc đấy, nhưng chỉ chiếm được cái xác, chứ phần hồn vẫn lẫn khuất ở phương Nam, như trong truyện Lý Ông Trọng.

Ấy thế mà họ lại kiêu ngạo, trơ trẽn cạo sửa lịch sử hầu chiếm đoạt chủ quyền văn hóa của Việt tộc, nên đã loại bỏ Nữ Oa ra, mà thế Hoàng Đế vào để đề cao vai trò của sức mạnh tay chân. Dốt thế mới chết, nên mới nói là “lại đẹp lòng mà hung, ngôi chẳng đáng vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... mới lưu ái thê là Âu Cơ...”

Tiểu Tượng: Phu đoái chi cát, tín chí dã.

Dịch Nghĩa: Tin đẹp lòng mà tốt, tín chí vậy.

Tin “bị nuốt” mà thành ra tốt, “tin đẹp lòng mà tốt”, bởi đó là một trong những mấu chốt để chúng ta lật mặt kẻ gian manh, bọn người vô liêm sỉ. “Tín chí vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... cùng với bộ chúng thị thiếp ở lại hành tại...”

Tiểu Tượng: Hòa đoái chi cát, hành vị nghi dã.

Dịch Nghĩa: Cái tốt của sự hòa đẹp lòng, đi chưa ngờ vậy.

Và quân Tàu không ngờ được “đi chưa ngờ vậy”, lại đánh trống khua chiêng, khoe rùm beng trong thiên hạ, thành ra “cái tốt của sự hòa đẹp lòng”. Hahaha!

Truyện Hồng Bàng viết: “... Đế Lai chu du khắp thiên hạ...”

57. Quẻ Tốn

TỐN TRÊN – TỐN DƯỚI

Đại Tượng: Tùy phong Tốn, quân tử dĩ thân mệnh hành sự.

Dịch nghĩa: Theo gió là quẻ Tốn, đáng quân tử coi đó mà nhắc lại mệnh lệnh, làm việc.

Mộc đề mộc: Quẻ Tốn là tượng của sự chồng chất, tiếp tục. Đáng quân tử coi đó mà nhắc lại mệnh lệnh để làm việc.

-oOo-

Tiểu Tượng: Tốn tại sàng hạ, thượng cùng dã; táng kỳ tư phủ, chính hồ hung dã.

Dịch Nghĩa: Nhún ở dưới giường, trên cùng vậy; mất thừa của búa, chính chừng hung vậy.

“Nhún ở dưới giường” nghĩa là chồng chất quá nhiều, nhiều đến nỗi nơi thấp hèn là gầm giường cũng chất. Nghĩa bóng câu này là chất chứa những hành vi hèn hạ, dễ tiện.

“Mất thừa của búa” nghĩa là mất cái để chặt, tức là mất đối tượng. Mất đối tượng nên phải xúc đảo tìm kiếm. Sự tìm kiếm lại quá quắt, xúc đảo tận cùng, không chừa một góc, chẳng bỏ một khe, nên càng chất chứa thêm tội ác. Đã xúc đảo tìm kiếm một cách chi li như thế, trước sau gì Đế Lai chẳng bắt gặp đối tượng mình tìm tòi, nguy hại thay! Thế mới biết “chính chừng hung vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... trải xem tất cả hình thể...”

Tiểu Tượng: Cửu ngũ chi cát, vị chính trung dã.

Dịch Nghĩa: Cái tốt của chín năm, ngôi chính giữa vậy.

Hào giữa của quẻ trên làm chủ quẻ Tốn, “ngôi chính giữa vậy”. Hào này bị kẹt cứng không di chuyển được nữa, ý rằng tội ác của quân Tàu đã chồng chất đến tột cùng.

Hãy nhớ lại những gì CS Bắc Việt đã làm đối với miền Nam sau 30/04/75: Đốt sách; cướp của bằng 2 đợt đồ tiên, cải tạo công thương nghiệp; cướp nhà bằng cách lừa dân đi kinh tế mới; giết người bằng chính sách cải tạo quân nhân cán chính... Đây là giữa người Việt với người Việt mà tội ác còn dã man như vậy, huống chi là quân Tàu đối với Việt tộc, lại xảy ra từ hơn

3000 năm trước??? Với dã tâm cạo xóa lịch sử, tiêu diệt để đồng hóa, họ giết người như ngóe, thu vét tài sản, hủy hoại sách vở, tài liệu, từ thư vàng hạ cám, không chừa bất cứ thứ nào...

Truyện Hồng Bàng viết: "... trông thấy kỳ hoa, dị thảo, trân cầm dị thú, tê tượng, đồi mồi, kim ngân, châu ngọc, hồ tiêu, nhũ hương, trầm đàn, các loại sơn hào hải vị không thứ nào là không có..." Điều này không những chúng tôi chỉ thâm cảm mà còn cảm thông vì đã chứng kiến qua, một điều chúng tôi biết chắc, rằng thời ấy giặc Bắc phương không có tuyên truyền rằng miền Nam bị bóc lột dã man, đói ăn, đói mặc, đói thông tin, đói tự do..., đang khao khát ngóng trông người miền Bắc vô giải phóng họ, đến nỗi Dương Thu Hương vô đến Saigon, phải đau lòng ngồi trên lề đường Lê Lợi ôm mặt khóc. Huhu! (Đây là tôi khóc!)

Tiểu Tượng: Điền hoạch tam phẩm, hữu công dã.

Dịch Nghĩa: Sản được ba phẩm, có công vậy.

... Trong sổ ngồn ngang tài sản họ "tiếp thu", dĩ nhiên có cả những bức đồ hình vẽ vòng tròn chu kỳ của nước, hình vuông của thế đất, và đầy đủ các đồ hình về cơ cấu Ngũ Hành...

Truyện Hồng Bàng viết: "... khí hậu bốn mùa lại không nóng không lạnh..." Bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông đều nằm trong 4 hành trên miếng da thú, hay miếng vỏ cây, hỏi sao chẳng "không nóng không lạnh"?

Tiểu Tượng: Tàn tổn chi lân, chí cùng dã.

Dịch Nghĩa: Liền nhún mà đáng tiếc, chí cùng vậy.

Trong nỗi đau mất mát và sự thất vọng tận cùng của Việt tộc, "chí cùng vậy".

Truyện Hồng Bàng viết: "... Đế Lai ái mộ quá, quên cả ngày về..."

Tiểu Tượng: Phân nhược chi cát, đắc trung dã.

Dịch Nghĩa: Dường hời hợt vậy mà tốt, được giữa vậy.

Nhưng không hẳn đã tuyệt vọng hoàn toàn...

Hào giữa đã không còn đi được nữa, mà toàn quả lại tới chỗ tốt cùng, ắt phải biến đổi.

Truyện Hồng Bàng viết: "... nhân dân nước Nam khổ sở về sự phiền nhiễu, không yên ổn như xưa..."

Tiểu Tượng: Tiến thoái, chí nghi đã; lợi vũ nhân chi trình, chí trị đã.

Dịch Nghĩa: Tiến lui, chí ngờ vậy; lợi về nước chính bền của người võ, chí trị vậy.

"Thắng không kiêu, bại không nản", biết lẽ tiến lui, còn mất, mới là "nước chính bền của người võ". "chí ngờ vậy, chí trị vậy".

Truyện Hồng Bàng viết: "... đêm ngày mong đợi Long Quân về..."

56. Quẻ Lữ



LY TRÊN – CĂN DƯỚI

Đại Tượng: Sơn thượng hữu hỏa, Lữ, quân tử dĩ minh thận dụng hình nhi bất lưu ngục.

Dịch nghĩa: Trên núi có lửa, là quẻ Lữ, đáng quân tử coi đó mà sáng ghín dùng hình, mà chẳng để ngục động lại.

Quan sát hình quẻ Lữ: Mây ở trên núi → Núi tưởng mình cao, núi không biết rằng, trên đầu núi còn có mây cao hơn.

-oOo-

Tiểu Tượng: Dĩ lữ tại thượng, kỳ nghĩa phần dã; tang ngư vu dị, chung mạc chi vân dã.

Dịch Nghĩa: Lấy kẻ hành lữ ở trên, thừa nghĩa cháy vậy; mất trâu chươg dễ dàng, trọn chẳng nghe vậy.

“Lấy kẻ hành lữ ở trên” là chỉ vào Đế Lai. Thấy việc làm đòi bại của Đế Lai, những tưởng đầu sự thành tựu của Việt tộc đã bị cháy tàn, “thừa nghĩa cháy vậy”.

Thế nhưng, đất là của cải vật chất, mất đất cũng như mất trâu, dễ dàng tậu lại được, “mất trâu chươg dễ dàng”, chứ đừng nên để mất Nước. Nền văn hóa của Việt tộc, là gia sản tinh thần, mất rồi thì không tìm lại được, “trọn chẳng nghe vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... nên mới đem nhau kêu rằng: – Bỏ ở phương nào, nên mau về cứu nhân dân...”

Tiểu Tượng: Chung dĩ dự mệnh, thương đãi dã.

Dịch Nghĩa: Trọn lấy khen mệnh, trên kịp vậy.

“Khen” là tiếng tốt, “mệnh” là phúc lộc. “Trọn lấy khen mệnh” ám chỉ phúc lộc lâu dài.

Truyện Hồng Bàng viết: “... Lạc Long Quân bỗng nhiên lại về...” Lạc Long Quân là cơ cấu Ngũ Hành, là tổng hợp những nét văn vẻ sáng sủa của nền văn hóa nông nghiệp của Việt tộc. “Lạc Long Quân bỗng nhiên lại về”, nghĩa là phát huy cái sức mạnh của nền văn hóa nông nghiệp một lần nữa.

Hồi nhỏ mỗi lần đi xem chiếu bóng trong rạp, mỗi khi phe thiện bị phe ác vây khốn, tính mạng sắp lâm nguy, tôi nắm chặt đôi bàn tay ướt đẫm mồ hôi mà hồi hộp nguyện cầu, đến chừng vị cứu tinh xuất hiện, không phải mình tôi hân hoan, mà cả rạp vang rền tiếng vỗ tay dạt dào sung sướng...

Tôi đã thai nghén đề tài này suốt 20 năm trường, từng đọc đi đọc lại để suy gẫm không biết bao nhiêu lần, vậy mà mỗi lần đọc đến đoạn này, câu “Lạc Long Quân bỗng nhiên lại về” vẫn khiến tôi vui mừng rưng rưng nước mắt. Xin thú thật rằng, suốt từ quẻ Hoán tới đây, tôi bị chia trí vì cái biến cố 30/04/75 ám ảnh. Lịch sử lặp lại thêm một lần, những người Việt Nam vượt biên tỵ nạn cộng sản cũng chỉ đem theo cái di sản văn hóa dân tộc héo mòn, cố bảo vệ để mong ngày phục hoạt, bởi họ ý thức được rằng, mất trâu để tậu, chứ mất cái giá trị tinh thần là văn hóa dân tộc rồi là kẻ như tiêu!

Tiểu Tượng: Lữ vu xử, vị đắc vị dã; đắc kỳ tư phủ, tâm vị khoái dã.

Dịch Nghĩa: Hành lữ chưng ở, chưa được ngôi vậy; được thừa của búa, lòng chưa sướng vậy.

Hào dưới quẻ trên dương nên phải bốc lên chứ không thể ở yên một chỗ được, “chưa được ngôi vậy”. Câu này hàm ý, mặc dù quân Tàu đã chiếm đất, “tiếp thu” và làm chủ mọi tài sản của Việt tộc, nhưng không phải là hành vi đúng đắn, “chưa được ngôi vậy”. Đã cướp được đối tượng rồi, “được thừa của búa”, mà lòng dạ vẫn chưa nguôi, “vẫn chưa sướng vậy”...

Truyện Hồng Bàng viết: “... thấy nàng Âu Cơ ở một mình, dung mạo đẹp lạ thường, yêu quá...”

Tiểu Tượng: Lữ phần kỳ thứ, diệc dĩ thượng hỹ; dĩ lữ dĩ hạ, kỳ nghĩa tang dã.

Dịch Nghĩa: Hành lữ cháy thừa nơi nhà trọ, cũng đã hại vậy; lấy thì hành lữ cùng với kẻ dưới, thừa nghĩa mất vậy.

“Cháy thừa nơi nhà trọ” có nghĩa là mất chỗ ở yên. Việc quân Tàu dùng sức mạnh để cướp đoạt tài sản, sự nghiệp của dân tộc khác, gây thảm họa điều linh cho cả một dân tộc, tưởng đã di hại lắm rồi, “cũng đã hại vậy”.

Đằng này lại còn muốn tàn sát cho bằng hết để lấp nguồn sự thật, thì quá dã man tàn bạo, “lấy thì hành lữ cùng với kẻ dưới, thừa nghĩa mất vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: "... mới hóa ra một chàng nhi lang phong tú mỹ lệ, tả hữu thị tùng đông đảo, tiếng đàn ca vang đến hành tại..."

Tiểu Tượng: Đắc đồng bọc trinh, chung vô vưu dã.

Dịch Nghĩa: Được thắng nhờ đầy tớ chính bền, trọn không lỗi vậy.

Cái quân Tàu mất, là cái được của Việt tộc.

Việt tộc đã thua te tua còn chiếm được gì ở quân Tàu? Và nhất là, liệu quân Tàu có gì đáng cho Việt tộc chiếm? Không phải tôi giữ bí mật, mà vì cái thể của quẻ này như vậy. Muốn biết điều Việt tộc chiếm được của quân Tàu, xin tiếp tục đọc, qua khỏi quẻ Tiệm rồi sẽ rõ!

Truyện Hồng Bàng viết: "... Âu Cơ trông thấy mà lòng cũng ưng theo..."

Tiểu Tượng: Lữ tỏa tỏa, chí cùng tại dã.

Dịch Nghĩa: Hành lữ nhỏ mọn, chí cùng hại vậy.

Hạng người bụng dạ hèn kém "hành lữ nhỏ mọn", lại đang dương dương tự đắc, "chí cùng", thì đâu có từ một hành vi bỉ ổi nào mà chẳng làm. Đó là lối để đưa sự hối nhục đến mà tự chuốc lấy vạ vào thân, "hại vậy".

Truyện Hồng Bàng viết: "... Long Quân bèn rước nàng về núi Long Trang..." Long Trang nói lái thành Lang Trong, nghĩa là lòng lang dạ sói.

Hồi học trung học, một người thầy (quên không nhớ người nào) phản đối một số sách giáo khoa sửa rằng "Âu Cơ là con gái Đế Nghi" để cho rằng Lạc Long Quân là người toàn bích. Ông thầy tôi quan niệm rằng, "Lịch sử là lịch sử! Hơn nữa vào thời đó, đàn bà cũng là hiện vật chiếm được từ tay người thua". Bây giờ hiểu được đến đây mới xuất mồ hôi hột, nghĩ nếu cạo sửa tùy tiện như vậy, sẽ không giải thích được những hành vi hèn kém, bỉ ổi... của giặc Tàu?

55. Quẻ Phong

CHẤN TRÊN – LY DƯỚI

Đại Tượng: Lôi điện giai chí, Phong, quân tử dĩ triệt ngục trí hình.

Dịch nghĩa: Sấm chớp đều đến, là quẻ Phong, đáng quân tử coi mà bẻ ngục đến hình.

Nhìn hình quẻ Phong: Kim nằm trong hổ, đó là tượng của sự “giấu”.

-oOo-

Tiểu Tượng: Phong kỳ ốc, thiên tế tường dã; khuy kỳ hộ, khuých kỳ vô nhân, tự tang dã.

Dịch Nghĩa: Thịnh thừa mái nhà, giữa trời lượn vậy; nhòm thừa cửa hiu quạnh, thừa không người, tự giấu vậy.

Sở dĩ con chim nó lượn vòng vòng trên trời, là bởi nó thấy cái mái phía dưới, nó hy vọng có con mồi ẩn nấp nên đảo tìm, “thịnh thừa mái nhà, giữa trời lượn vậy”. Chứ cảnh đồng không hiu quạnh, không một dấu vết thì nó lượn làm gì cho tốn công.

Thế thì, những chỗ trống trải mới là chỗ giấu kín nhất, “nhòm thừa cửa hiu quạnh, thừa không người, tự giấu vậy”. Giấu ở đây là giấu cái hồn của Lý Ông Trọng, chứ xác thân ông đã nằm gọn trong tay Tàu.

Truyện Hồng Bàng viết: “... Đế Lai về không thấy Âu Cơ bèn sai quần thần tìm khắp thiên hạ...”

Tiểu Tượng: Lục ngũ chi cát, hữu khánh dã.

Dịch Nghĩa: Cái tốt của sáu năm, có phúc vậy.

2 Nghi có 6 ô, giao nhau ở giữa thành ra 5 khung. “Sáu năm” là cơ cấu Ngũ Hành, tên Sùng Lãm, tức Lạc Long Quân.

Chiếm được những đồ hình này, quân Tàu nhìn nhau ngỡ ngác, chứ làm gì hiểu nổi ý nghĩa thâm kín bên trong? Âu cũng là điểm tốt của Ngũ Hành, “Cái tốt của sáu năm, có phúc vậy”. Một chuyện đơn giản hơn để so sánh, hồi 30/04/75, khi chiếm đóng những building ở Saigon, mấy anh bộ đội cũng từng vo gạo trong bồn cầu! Thế mới biết cái tai hại của sự biết: Biết mình không biết để hỏi han mới là biết!

Truyện Hồng Bàng viết: “... Long Quân có thần thuật, biến hiện trăm cách...” Những hệ luận của cơ cấu Ngũ Hành đã được trình bày ở trên, đã cho thấy thần thuật của Long Quân siêu việt đến mức nào! Nhưng chưa hết, dưới đây mới là thần thuật “tự giấu” của Long Quân...

Tiểu Tượng: Phong kỳ bộ, vị bất đáng đã.

Dịch Nghĩa: Thịnh thừa trướng, ngôi chẳng đáng vậy.

Trướng là thứ đồ vây quanh che lấp, “thịnh thừa trướng” nghĩa là giấu trong chỗ bị che lấp, chỗ tối. Bói toán không khác nào đã bỏ chỗ sáng, tìm vào chỗ tối để mò mẫm chuyện tương lai. Người Tàu nghĩ những đồ hình này là những chiêm tinh, nghiệm số. Nên nhớ bói toán thời đó là một nghề được trọng dụng, thời Tần Thủy Hoàng bói toán còn được phong tới tước Hầu.

Truyện Hồng Bàng viết: “... nào là yêu tinh quỷ mị...”

Tiểu Tượng: Phong kỳ bá, bất khả đại sự đã; triết kỳ hữu quăng, chung bất khả dụng đã.

Dịch Nghĩa: Thịnh thừa màn, chẳng khá làm việc lớn vậy; gãy thừa cánh tay phải, trọn chẳng khá dùng vậy.

Màn che còn tối hơn trướng. Bỏ chỗ sáng để tìm vào chỗ tối, nơi trướng phủ quanh che lấp, để mò mẫm bói toán đã là điều bất trí rồi, huống chi lại còn đi cầu khẩn, van xin, tức là còn đi sâu vào chỗ tối tăm hơn nữa. Người tối tăm thì làm sao có thể làm được việc lớn, “thịnh thừa màn, chẳng khá làm việc lớn vậy”.

Con người có 2 tay hăn hoi, sao không biết dùng đôi bàn tay mà làm việc, tự tạo ra miếng ăn mà nuôi sống bản thân? Người không biết tự tạo, lại cúi đầu van lạy sự cứu giúp ở thần linh, có khác nào người đã mất cánh tay phải, không còn năng lực để lao tác, liệu người đó có đáng dùng chẳng, “gãy thừa cánh tay phải, trọn chẳng khá dùng vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... nào là long xà hổ tượng...”, nghe mang máng như “tổ hường là xong”. Những đồ hình Ngũ Hành bây giờ còn được xem là những lá bùa huyền bí...

Tiểu Tượng: Hữu phu phát nhược, tín dĩ phát chi đã.

Dịch Nghĩa: Có tin đường mở ra vậy, là dùng sự tin để mở trí vậy.

Chê bai sự tin vào bói toán, đả kích sự tin vào bọn đồng cốt nhảm nhí, đề cao sự tự chủ, tự lập, tự tin của con người, không có nghĩa là kiêu căng “duy ngã độc tôn”, mà người ta vẫn tin vào một sức huyền diệu siêu vượt, được gọi là Mệnh Trời. Nhưng con người vẫn có thể tham dự vào để hướng dẫn cái Mệnh của Trời theo ý mình muốn, đó là đi theo lối tích cực “đức năng thắng số”, hăng say, tự chủ, tự tin mà làm, làm cho hết sức, làm đến chỗ tận cùng, đến khi không thể làm được nữa, mới chấp nhận đó là Thiên Mệnh, “tận năng lực nhi qui thiên số”. Đó là thái độ sáng suốt và thực tế nhất, không những có lợi là duy trì chủ lực để dành cho những tình tiết sắp tới, tránh sự phung phí tâm sức vào những sầu khổ, ai oán, mà còn gây dựng nên một thái độ bình tĩnh, cao thượng, làm những cái gì cần thiết có thể làm được, rồi nhẫn nhục chịu đựng những chuyện xảy đến không thể tránh, không oán trách, không than van, vì biết rằng, ngoài cái vòng tiểu diễn của cá thể, còn có cái vòng đại diễn tâm linh mà bao giờ mình cũng có thể tham dự và ơn ích cho mình, vượt xa hẳn những cái rủi ro vụn mảnh tầm thường. Vì thế mới nói rằng, “có tin đường mở ra vậy, là dùng sự tin để mở trí vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... kẻ đi tìm úy cụ...”

Tiểu Tượng: Tuy tuần vô cữu, quá tuần tai đã.

Dịch Nghĩa: Dẫu đều không lỗi, quá đều hại vậy.

Nói tóm lại, biết dùng sự tin để mở cái trí của mình, tạo dựng cho mình một thái độ bình tĩnh cao thượng. Nếu không biết dùng sự tin để mở cái trí cho mình, chỉ biết tin vào sự huyền diệu cao vượt, chỉ để mà tin, để noi theo điều lành, tránh điều dữ, thì vẫn tốt, không lỗi gì cả, “dẫu đều không lỗi”.

Nhưng cần ghi nhớ, chớ để cho lòng tin đến chỗ cực đoan. Mọi việc khi đã cực đoan sẽ không chính bền mà phải biến đổi, lòng tin cũng vậy, lòng tin mà cực đoan sẽ trở nên mù quáng, sự mù quáng trong tôn giáo cũng là một di hại của loài người vậy, “quá đều hại vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... không dám lục đảo tận cùng...” Tận cùng sẽ biến đổi.

53. Quẻ Tiệm

TÔN TRÊN – CẦN DƯỚI

Đại Tượng: Sơn thượng hữu mộc, Tiệm, quân tử dĩ cư hiền đức, thiện tục.

Dịch nghĩa: Trên núi có cây, là quẻ Tiệm, đáng quân tử coi đó mà chứa đức hiền, làm hay thói tục.

Cây mọc trên núi. Núi dù nghiêng nhưng cây vẫn mọc thẳng đứng → Bản chất sự việc không hề thay đổi.

-oOo-

Tiểu Tượng: Kỳ vũ khả dụng vi nghi, cát, bất khả loạn dã.

Dịch Nghĩa: Thửa lông khả dùng làm miều cờ, tốt, chẳng khá loạn vậy.

“Miếu” là thứ trang sức của cờ mao, cờ tinh, hay cờ đạo (Lời bàn của Chu Hy, Kinh Dịch, Ngô Tất Tố, trang 663).

Theo sách “Trúc Thư Kỷ Niên” thì Hoàng Đế có tên là Hữu Hùng và Hiên Viên, ngoài ra còn có tên là Phong Long (Hùng Việt Sử Ca, Kim Định, trang 70, 71). (Theo GS Kim Định, tục “đốt phong long” là một lối chiến tranh tâm lý. Chúng tôi thiết nghĩ, chuyện dân miền Tây cho rằng, con gái ra sông tắm hờ hênh bị Hà Bá đớp bóng gây ra bệnh “mắc đầng dưới”, cũng là một loại chiến tranh tâm lý, nhằm sỉ vả Hà Bá vì Hà Bá là vật tổ của người Tàu).

Hữu Hùng: Chữ hùng là con gấu → cờ mao.

Phong Long: Phong là gió. Hiên Viên: vừa chỉ xe, vừa là tên núi. Trên núi có gió là quẻ Tiệm.

Nhận diện rõ bản chất của Bắc phương là tham tàn, bạo ngược, hiếu chiến, kiêu ngạo, họ dựa vào sức mạnh võ biên phô trương danh dự, coi chiến trường là nơi giải quyết tranh chấp, bất đồng, nên cái cường của họ là dám xả thân liều chết nơi chiến trường..., thế thì “chẳng khá loạn vậy”

Truyện Hồng Bàng viết: “... Đế Lai...”

Tiểu Tượng: Chung mạc chi thắng, cát, đắc sở nguyện dã.

Dịch Nghĩa: Trọn chẳng gì được, tốt, được thừa muốn vậy.

Họ chủ trương “mạnh được yếu thua” theo tinh thần “cá lớn đớp cá bé” một cách công khai, nên mới thờ cá làm vật tổ, trên cơ sở cướp bóc, chiếm đoạt...

Truyện Hồng Bàng viết: “... trở về Bắc lại...”

Tiểu Tượng: Hoặc đắc kỳ giốc, thuận dĩ tồn dã.

Dịch Nghĩa: Hoặc được thừa cảnh ngang, thuận và nhún vậy.

Mũi tên (cảnh ngang), cắm sâu vào lòng ngực (thuận), còn sẵn trớn nên rung rinh rung rinh (nhún).

Cho nên họ giết chóc, cướp đoạt, và tiêu diệt lẫn nhau...

Truyện Hồng Bàng viết: “... truyền ngôi cho Đế Du Vãng...”

Tiểu Tượng: Phu chinh bất phục, ly quần sũ dã; phụ dựng bất dục, thất kỳ đạo dã; lợi dụng ngữ khẩu, thuận tương bảo dã.

Dịch Nghĩa: Chồng đi chẳng lại, lìa đàn loài vậy; vợ chữa chẳng nuôi, lổi thừa đạo vậy; lợi dùng chống giặc, thuận cùng giữ vậy.

Và gây cảnh tang thương cùng khắp:

Họ là kẻ bất nhân (chồng đi chẳng lại),

Là phường bất nghĩa (vợ chữa chẳng nuôi),

Là lũ bất trung (lợi dùng chống giặc, thuận cùng giữ vậy).

Đã bất nhân, bất nghĩa, bất trung, không tiểu nhân thì gọi bằng gì?

Truyện Hồng Bàng viết: “... Du Vãng truyền lại cho Xi Vưu...”

Tiểu Tượng: Ẩm thực hần hẩn, bắt tổ bão dã.

Dịch Nghĩa: Uống ăn hơn hớn, chẳng nó không vậy.

“Uống ăn hơn hớn” nghĩa là giành giật miếng ăn, chỉ có quân Tàu bạo ngược là làm được vậy, “chẳng nó không vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... cùng với Hoàng Đế đánh nhau ở Bản Tuyền và Trác Lộc...”

Tổ Tiên ta ý thức trước nạn diệt chủng của cuộc chiến bạo tàn giành đất giết người này...

Tiểu Tượng: Tiểu tử chi lệ, nghĩa vô cữu dã.

Dịch Nghĩa: Trẻ nó chưng nguy, nghĩa không lỗi vậy.

“Trẻ nó chưng nguy”, nghĩa là tương lai nguy khốn...

Truyện Hồng Bàng viết: “... không hơn nên tử trận. Họ Thần Nông bèn mất...”

Nên đành bỏ xứ ra đi, dắt díu nhau dùng thuyền vượt biển xuôi Nam, tìm đến vùng đất hiểm trở, lập ra nước Lạc Việt làm cứ địa mà duy trì nòi giống.

02. Quẻ Khôn



KHÔN TRÊN – KHÔN DƯỚI

Văn Ngôn: Âm nghi ư dương, tất chiến, vị kỳ hiềm ư vô dương đã cố xưng long yên; do vị lý kỳ loại dã, cố xưng huyết yên. Phù huyền hoàng giả thiên địa chi tạp dã, thiên huyền nhi địa hoàng.

Dịch nghĩa: Âm ngờ với dương, ắt phải đánh nhau, vì nó hiềm rằng không có dương, cho nên gọi là rồng; vì nó còn chưa lìa loài của nó, cho nên gọi là máu. Ôi vàng xanh là sự lẫn lộn của trời đất vậy, trời xanh mà đất vàng.

Âm và dương là hai yếu tố đối kháng nhau, nên khi gặp nhau thì phải quán quít, bám chặt lấy nhau, như thể cực nam và bắc của cực nam châm vậy, chứ làm gì có chuyện đánh nhau. Chuyện đánh nhau này lại do âm ngờ với dương. Âm luôn thù mị đoan trang, chỉ vì “ngờ” mà nổi đóa tam bành lên? Ngoại trừ chuyện ngờ rằng dương ngoại tình mà ra nông nổi, chứ không có chuyện gì đến nỗi khiến âm nổi đóa lên được. Thì ra là vậy, chuyện đánh nhau này giữa âm và dương, là có dính dáng đến chuyện tình thường!

Truyện Hồng Bàng viết: “... Âu Cơ ở với Lạc Long Quân giáp một năm, sinh ra một bọc trứng, cho là điềm không hay nên đem bỏ ra ngoài đồng nội; hơn bảy ngày...”

Âu Cơ là điều quân Tàu đánh mất và Việt tộc chiếm đoạt (Xem quẻ Lữ).

Quân Tàu khởi từ đoàn lũ du mục, không cửa không nhà, bây giờ cướp đất của Việt tộc mà định cư lập nghiệp. Trong khi Việt tộc lại trắng tay và thành kẻ lữ hành. Có phải quân Tàu đã mất cái “hành lữ”, và Việt tộc ta chiếm đoạt không? Hiểu được điều này mới thấm thía lời than “vì nó hiềm rằng không có dương, cho nên gọi là rồng; vì nó còn chưa lìa loài của nó, cho nên gọi là máu. Ôi vàng xanh là sự lẫn lộn của trời đất vậy, trời xanh mà đất vàng!”

Cũng nơi quẻ Lữ, Việt tộc đã ý thức được rằng, mất Đất cũng như mất trâu còn tậu lại được, chứ mất Nước rồi là kể như tiêu. Thế nhưng cái giếng nước là nền tảng của nền văn hóa nông nghiệp, bây giờ làm hành lữ, vượt biển xuôi Nam ty nạn, làm sao mang giếng theo choặng?

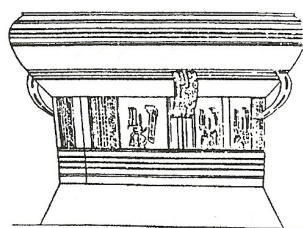
Vì thế cho nên hành lữ là Âu Cơ mới kết hợp với cơ cấu Ngũ Hành là Lạc Long Quân, phát minh ra cái giếng “di động” gọi là Trống Đồng (Âu Cơ ở với Lạc Long Quân giáp một năm, sinh ra một bọc trứng). Từ đây Việt tộc phiêu du đến đâu, cũng mang theo cái di sản văn hóa, cái hồn thiêng của họ, thế mới nói rằng “đổi làng không đổi giếng”.

Văn Ngôn: Quân tử hoàng trung, thông lý, chính vị cư thể. Mỹ tại kỳ trung nhi xướng ư tứ chi, phát ư sự nghiệp, mỹ chi chí đã.

Dịch nghĩa: Đấng quân tử vàng trong, thông lẽ, chính ngôi ở thể. Cái tốt đẹp ở thừa trong mà khắp tới bốn chi, phát ra sự nghiệp, là tốt đẹp đến cùng tột vậy.

Trống Đồng: Trống không mà sáng (☰), đủ thông lẽ là hiện vật của phương Nam.

Trống hình trụ rỗng bằng đồng, được bịt kín một mặt gọi là mặt trống, hình trụ rỗng thẳng đứng gọi là thành trống.



Trống đồng Ngọc Lũ được chọn để phân tích vì được coi là đẹp nhất, phong phú nhất trong 4 chiếc thời danh, có kích thước lớn hơn 3 chiếc kia một chút:

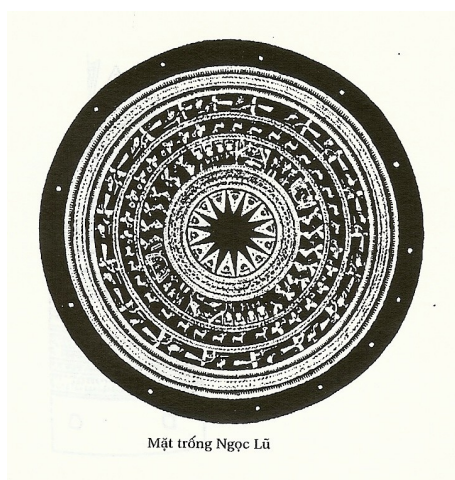
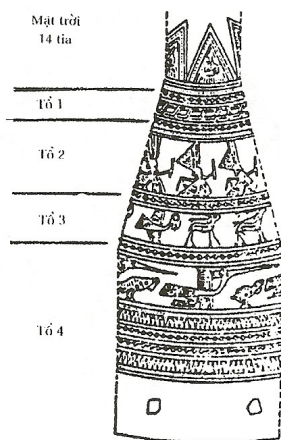
Mặt trống 79 cm

Cao 63 cm

Tang trống 86 cm

I . Mặt trống: Ở giữa là mặt trời nổi cao có 14 tia, giữa các tia sáng là các hình tam giác gốc. Liền đó đi ra có 16 vòng hoa văn, chia thành 4 tổ, tượng trưng cho 4 hành của cơ cấu Ngũ Hành. Giữa các tổ có lồng 2 đường chỉ chạy song song với những vòng tròn có chấm ở giữa.

(Hình 10) 4 tổ trên mặt trống đồng:



Tổ 1: Gồm chuỗi hình chữ S gãy khúc, ở giữa những chữ S kép.



Tổ 2: Chia ra 2 nửa thành 2 vòng bán nguyệt.

A . Vòng bán nguyệt thứ nhất gồm:

1. Sáu người hóa trang chim, tay cầm lao, dao, giáo, kèn...
2. Tiếp theo là một người đứng trước cửa nhà với tư thế như đang mở cửa, trên mỗi cửa có bảy vòng tròn xếp theo hình tam giác với góc nhọn hướng lên trên, và hình vuông bên dưới.
3. Rồi đến ba người và một chim, trong đó thì hai người đang giã gạo bằng chày đứng, người khác thì đang đùa giỡn với chim. Điều đáng chú ý chỗ này, là cả ba người đều có tóc dài, và trên mình không có vẽ.
4. Kế tiếp là căn nhà có hai chim đậu trên nóc, trong nhà có hai người đang ngồi đan tay đan chân, và một người khác thì ngồi ngay đó mà làm trống.
5. Rồi sau hết là bốn cái trống với bốn người đang đánh.

B . Vòng bán nguyệt thứ hai gồm:

1. Sáu người lớn và một đứa bé theo sau, tất cả đều hóa trang chim, tay cầm lao, dao, giáo, kèn...
2. Tiếp đến cũng vẫn là một người đứng trước cửa nhà, với bảy vòng tròn xếp theo hình tam giác trông lên hình vuông như cũ, nhưng lại với tư thế như đang đóng cửa.
3. Rồi vẫn hai người đang giã gạo bằng chày đứng, và một người đang đùa giỡn với chim, nhưng cả ba người đã cắt tóc ngắn, và vẽ trên mình.
4. Kế đến vẫn với căn nhà, nhưng chỉ còn một chim đậu trên nóc, phía dưới vẫn hai người ngồi đan tay đan chân, nhưng người làm trống nay đã vào ẩn nấp phía kín.
5. Sau hết, cũng với bốn cái trống với bốn người đánh, nhưng trên nóc chót thấy xuất hiện một lá cờ.



Trên nóc nhà, 1 chim & 2 chim đậu

Tổ 3: Gồm sáu chim mỏ ngắn đuôi ngắn đang bay theo hàng, rồi đến mười con nai xen kẽ nhau, cứ một cái rồi một đực, rồi lại tám chim mỏ ngắn đuôi ngắn bay theo hàng, và lại mười nai, một cái, một đực xen kẽ theo hàng, nối tiếp với sáu chim lúc đầu.

Tổ 4: Gồm 18 con chim mỏ dài đuôi dài đang bay, xen kẽ với 18 con chim mỏ ngắn đuôi ngắn đang đậu. Chót hết là các vòng kỷ hà, với một vòng hình tam giác đối đầu, hai vòng những vòng tròn có chấm ở giữa, rồi lại một vòng những tam giác đối đầu.

II. Thành trống: Gồm ba phần (Tam Tài) là tang trống giữ vai trò chứa đựng âm thanh, thân trống giữ vai trò cộng hưởng, và chân trống giữ vai trò truyền âm.

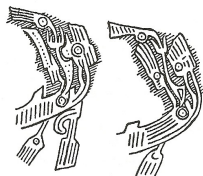
1. Tang trống: Gồm mười vòng hoa văn, vòng thứ bảy là hình 6 thuyền con hình rồng, trên thuyền chở từ 4 đến 5 người, miệng rồng thì há rộng để đón nhận cái hôn sâu thẳm của chim. Dưới giàn thuyền để một hoặc hai trống, bên trên có người cầm một cái nỏ bự.



Hình thuyền trên tang trống Ngọc Lũ



2 . Thân trống: Chia thành 6 khung, mỗi khung có 2 người hóa trang chim, tay cầm rìu và mộc.



3 . Chân trống: Không có trang trí.

“Chính ngôi ở thể”, là nói về thể chất làm nên trống. Ngoài sắc sáng đỏ của đồng biểu hiện cho hành Hỏa ở phương Nam. Đồng còn là kim loại rắn, bền, nên có nhiều công dụng. Thứ nhất là không sợ vỡ khi di chuyển, thứ hai là dễ dàng khắc những hình ảnh cùng hoa văn, thứ ba là lưu giữ lâu dài vì hình khắc khó hư mòn, thứ tư là có thể cất giữ, chôn dấu an toàn dưới lòng đất.

Truyện Hồng Bàng viết: “... trong bọc nở ra một trăm trứng, mỗi trứng là một con trai, bà đem về nuôi nấng, không phải cho ăn, cho bú mà tự nhiên trường đại, trí dũng song toàn, ai cũng úy phục, bảo nhau đó là những anh em phi thường...” Trống đồng mà cần chi ăn uống.

34. Quẻ Đại Tráng



CHẤN TRÊN – CÀN DƯỚI

Đại Tượng: Lôi tại thiên thượng, Đại tráng, quân tử dĩ phi lễ vật lý.

Dịch nghĩa: Sấm ở trên trời, là quẻ Đại tráng, đáng quân tử coi đó mà không phải lễ chớ xéo vào.

Hình quẻ Đại Tráng trông như cái búa đập xuống cái đe. Đe cứng búa mạnh → Quyết liệt.

-oOo-

Tiểu Tượng: Bất năng thoái, bất năng toại, bất tường dã; gian tắc cát, hữu bất trường dã.

Dịch Nghĩa: Chẳng hay lui, chẳng hay toại, là chẳng tường vậy; khó thì tốt, là lỗi chẳng dài vậy.

Con dê đực hay húc là nó ỷ vào cái sừng cứng mạnh của nó. Giậu phen yếu đuối nhưng bắt được dê. Dê húc giậu phen, tiến lên thì vướng mình, lùi lại thì kẹt sừng, tiến lui đều không được, “chẳng hay lui, chẳng hay toại, là chẳng tường vậy”. Đã kẹt đầu vào phen giậu, rất khó cho dê thoát ra, “khó thì tốt”, là Tổ Tiên ta nghĩ đến việc bắt con dê Tầu, nó mãi hung hăng húc giậu “là lỗi chẳng dài vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... Long Quân ở lâu dưới thủy phủ...”

Tiểu Tượng: Tăng dương vu dị, vị bất đáng dã.

Dịch Nghĩa: Mất dê ở sự dễ, ngôi không đáng vậy.

Quan sát ra thì quân Tầu giống như bầy dê vậy, cũng sống theo đàn và ưa húc càn, nên chuyện bắt dê không còn là khó, “mất dê ở sự dễ”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... mẹ con ở một mình...”

Tiểu Tượng: Phiên quyết bất doanh, thượng vãng dã.

Dịch Nghĩa: Giậu bứt chẳng mắc, còn đi vậy.

Và Tổ Tiên ta đã lên kế hoạch giăng giậu bứt bắt dê, “giậu bứt chẳng mắc, còn đi vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... nhớ về Bắc quốc liền đi lên biên cảnh...”

Tiểu Tượng: Tiểu nhân dụng tráng, quân tử võng dã.

Dịch Nghĩa: Tiểu nhân dùng mạnh, đáng quân tử chẳng vậy.

Mỗi vật đều có cái công dụng của nó: Răng cứng nên răng cắn. Lưỡi mềm mà đua độ cứng với răng thì lưỡi đứt, nên lưỡi không đại gì tranh cứng với răng, mà lưỡi lừa đồ ăn cho răng nhai. Răng ỷ cứng cắn miết rồi răng rụng, lưỡi biết phận mềm nhưng ở lại với miệng cho tới lúc cùng.

Truyện Hồng Bàng viết: “... Hoàng Đế nghe tin lấy làm sợ hãi mới phân binh trấn ngự quan tái; mẹ con không về Bắc được...”

Tiểu nhân ỷ mạnh húc giậu phen. Đáng quân tử giăng giậu phen cho tiểu nhân tha hồ húc.

Tiểu Tượng: Cửu nhị trinh cát, dĩ trung dã.

Dịch Nghĩa: Chín hai chính tốt, vì giữa vậy.

Chín hai = 18. Mười tám chim đậu xen kẽ 18 chim bay, một lần nữa cần phân biệt giữa cái cùng và khác. Đây cũng là bản chất khác biệt giữa Tĩnh và Động, giữa Nhân giả và Trí giả vậy: Trí giả động nên Trí giả dùng sức, Nhân giả mềm nên Nhân giả dùng chí. Cũng như răng và lưỡi, sức sẽ cùng nhưng chí không nhụt, gặp lúc khốn đốn, Nhân giả lấy nghĩa mệnh mà tự yên, còn Trí giả gặp điều bậy bạ nào cũng làm, “Quân tử cố cùng, tiểu nhân cùng tư lạm hỹ: Quân tử cố giữ lúc khốn cùng, tiểu nhân phải lúc khốn cùng thì làm bậy” (Luận ngữ: Vệ Linh công, XV).

Truyện Hồng Bàng viết: “... đêm ngày gọi Long Quân: – Bố ở phương nào làm cho mẹ con ta thương nhớ...”

Tiểu Tượng: Tráng vu chỉ, kỳ nhu cùng dã.

Dịch Nghĩa: Mạnh ở ngón chân, thừa tin cùng vậy.

Khi đứng, gót chân hứng chịu sức mạnh của thân mình, nhưng một khi đã cất bước đi, thì ngón chân là bàn đạp tạo nên di chuyển, đưa thân mình đi theo. Ngón chân dù mềm yếu mà lại có năng lực lớn lao như vậy, thế mới biết uy lực của đạo Nhu to lớn đến dường nào?

Hơn nữa, ngón chân là cái bàn đạp tạo ra sự chuyển mình, muốn chuyển được mình thì tiên quyết phải giữ cho bằng được cái bàn đạp, bởi mất ngón chân thì sự chuyển mình cũng không còn. Để đánh đuổi giặc Tàu, giành lại chủ quyền cho Việt tộc cũng vậy, mình phải còn người mà ninh nẫu ý chí, còn đất để rèn luyện sĩ tốt, chờ cơ hội thuận lợi vùng lên, khôi phục lại cơ đồ. Chớ cứ cương cường đem sức mạnh ra đánh nhau, có khác nào như lấy trứng chọi đá, là thiếu sáng suốt, bất trí vậy. Bởi vậy, việc giữ vững phần đất còn lại này làm căn cứ để ninh nẫu ý chí, nuôi dưỡng lòng bất khuất, rèn luyện sĩ tốt, làm bàn đạp vững chắc cho sự chuyển mình, nhằm đánh đuổi giặc Tàu, giành lại chủ quyền cho Việt tộc, là điều kiện tiên quyết hàng đầu.

Truyện Hồng Bàng viết: "... Long Quân hốt nhiên lại đến, gặp mẹ con ở Tương Dã. Âu Cơ nói: – Thiếp vốn người Bắc, cùng ở một nơi với quân, sinh được một trăm trai mà không có gì cúc dưỡng, xin cùng theo nhau chớ nên xa bỏ, khiến cho ta là người không chồng không vợ, một mình võ võ..."

33. Quẻ Độn

CÀN TRÊN – CẢN DƯỚI

Đại Tượng: Thiên hạ hữu sơn, Độn, quân tử dĩ viễn tiểu nhân, bất ác nhi nghiêm.

Dịch nghĩa: Dưới trời có núi, là quẻ Độn, đáng quân tử coi đó mà xa kẻ tiểu nhân, không ác mà nghiêm.

Hình tượng của quẻ Độn là cánh cửa chờ xập bít cửa chuồng → Gài bẫy, giăng bẫy.

-oOo-

Tiểu Tượng: Phì độn vô bất lợi, vô sở nghi dã.

Dịch Nghĩa: Béo trồn không gì không lợi, là không thừa ngờ vậy.

Lấy béo mà bẫy, lấy lợi mà nhử, “không gì không lợi, là không thừa ngờ vậy”.

Trong kế hoạch giăng mắc giậu bứt cho dê vương mắc, ông cha ta thiết lập nên những thói tục mới, nhằm xác định chủ quyền của Trống Đồng đặt câu quân Tàu vô tròng.

Truyện Hồng Bàng viết: “... Long Quân bảo: – Ta là loài rồng, sinh trưởng ở thủy tộc; nàng là giống tiên, người ở trên đất, vốn chẳng như nhau...” Làm sao giống nhau cho được, khi loài thủy tộc thờ Hà Bá làm vật tổ, lấy sức mạnh biểu dương công lý, theo tinh thần “cá lớn đớp cá bé” một cách công khai, nên coi rẻ sự sống của con người... Trong khi nhân giả chúng tôi lại thờ người, coi con người là vật thể linh thiêng của vũ trụ, là cái đức của trời đất.

Tiểu Tượng: Gia độn trinh cát, dĩ chính chi dã.

Dịch Nghĩa: Tốt trồn chính tốt, vì chính chí vậy.

Những thói tục mới này chính đáng và tốt đẹp, “tốt trồn chính tốt”, vì cũng nhằm phân biệt sự khác nhau giữa Việt tộc và quân Tàu, “vì chính chí vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... tuy rằng khí âm dương hợp lại mà có con...”

Tiểu Tượng: Quân tử hiếu độn, tiểu nhân phủ dã.

Dịch Nghĩa: Quân tử yên trốn, kẻ tiểu nhân thì không vậy.

Đây cũng là một sự khác biệt về cơ bản giữa Việt tộc và người Tàu. Nhân giả hiểu sâu việc nghĩa, dốc lòng làm việc nghĩa nên khó bấy, chứ Trí giả hiểu sâu việc lợi, dốc lòng vì lợi mà làm, nên dễ bấy, “Quân tử dụ ư nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi: Quân tử hiểu rõ chừng nghĩa, tiểu nhân hiểu rõ chừng lợi” (Luận ngữ: Lý nhân, IV).

Truyện Hồng Bàng viết: “... nhưng phương viên bất đồng, thủy hỏa tương khắc, khó mà ở cùng nhau trường cửu...”

Tiểu Tượng: Hệ độn chi lệ, hữu tật bại dã; xúc thần thiếp cái, bất khả đại sự dã.

Dịch Nghĩa: Vương trốn mà dữ, là có tật mệt vậy; nuôi đầy tớ nàng hầu tốt, là không thể làm việc lớn vậy.

Để dài mà bấy thì vương vịu, “là có tật mệt vậy”. Thế thì hãy cắt ngắn đầu tóc đi cho khỏi vương bận → Tục cắt tóc ngắn.

“Nuôi đầy tớ nàng hầu” là nói tới việc “nâng khăn sửa dép”. Có khăn có dép lại “không làm việc lớn” được thì bỏ quách cho xong → Tục để đầu trần và đi chân không.

Để mở màn cho công cuộc đấu tranh văn hóa, Lạc Long Quân phát động nên tục cắt tóc ngắn, tục để đầu trần, và tục đi chân không. Ý nghĩa và mục đích của những thói tục mới này, trước hết là để phân biệt sự khác nhau giữa Việt tộc và quân Tàu một cách rõ ràng, cụ thể. Thứ hai là khuyến cáo mọi người, hãy tạm bỏ đi những vương bận, sống đơn giản và tiết kiệm, nhẫn nại hy sinh vì sự nghiệp giống nòi. Thứ ba là xác nhận chủ quyền, cùng nhắc nhở mọi người luôn bảo vệ hiện vật quan trọng là Trống Đồng (thu gọn, đầu không có tóc, chân không trang trí).

Truyện Hồng Bàng viết: “... Bây giờ phải ly biệt, ta đem năm mươi trai về Thủy Phủ phân trị các xứ, năm mươi trai theo nàng ở trên đất, chia nước mà cai trị...”

Tiểu Tượng: Chấp dụng hoàng ngư, cổ chi dã.

Dịch Nghĩa: Giữ dùng trâu vàng, bền chí vậy.

Trâu là một trong 12 Địa Chi của vòng con giáp. Trâu kéo cày, vết cày hằn sâu trong lòng đất, nhắc đến tục vẽ mình, với cùng mục đích và ý nghĩa như ba thói tục trên.

“Về mình để làm hình rồng, khi lặn lội dưới nước thì giao long không dám phạm đến”, thế nên truyện Hồng Bàng viết: “... dù lên núi xuống nước nhưng có việc thì cùng nghe...”

Tiểu Tượng: Độn vĩ chi lệ, bất vãng hà lai dã.

Dịch Nghĩa: Cái nguy của sự trốn đuôi, không đi hại gì vậy.

“Trầu này trầu tính trầu tình,
Trầu nhân, trầu nghĩa, trầu mình, trầu ta.
Trầu này tằm tối hôm qua,
Giấu cha, giấu mẹ, đem ra mời chàng.
Trầu này không phải trầu hàng,
Không bùa, không thuốc, sao chàng không ăn?
Hay là chê khó, chê khăn,
Xin chàng đứng lại mà ăn miếng trầu”.

Khi tằm miếng trầu, người ta phết vôi vào giữa lá trầu không, xếp hai bìa lá lại trước, rồi cuộn từ ngọn lá đến cuống lá, dùng cái cuống lá mà ghim vào cuốn trầu để giữ cho miếng trầu gọn, đẹp. “Cái nguy của sự trốn đuôi” là vậy: Dấu được cái đuôi, tức cái ngọn lá, lại lòi cái đầu, tức cuống lá ra. “Không đi”, xin chàng ở lại mà ăn miếng trầu, “hại gì vậy”.

Ăn trầu “để trừ ô uế và làm cho răng đen”. Cau – trầu – vôi quyện lấy nhau mà thành màu đỏ, tượng của sự sáng nơi hành Hỏa phương Nam. Việc dùng trầu cau làm đầu trong những việc giá thú, hội đồng lớn nhỏ, đã được Lạc Long Quân xướng lên, được quần chúng nhiệt tình ủng hộ, và cùng dấy lên để trở thành một thói tục ngàn đời.

Truyện Hồng Bàng viết: “... không được bỏ nhau...”

32. Quẻ Hằng



CHẤN TRÊN – TỐN DƯỚI

Đại Tượng: Lôi phong, Hằng, quân tử dĩ lập bất dịch phương.

Dịch nghĩa: Sấm gió là quẻ Hằng, đáng quân tử coi đó mà đứng chẳng đổi phương.

Quẻ Hằng: Kim ở trên mộc. Tượng hình đỉnh đóng vào cột, “chắc như đỉnh đóng cột” → Bền vững, lâu dài.

-oOo-

Tiểu Tượng: Chấn hằng tại thượng, đại vô công dã.

Dịch Nghĩa: Xóc thường ở trên, cả không công vậy.

Những dụng tâm sâu xa đã nêu trên, nếu không tinh tế, cẩn thận mà thi hành một cách khinh xuất, xóc thường, sẽ làm hại đến sự nghiệp phục quốc, phá vỡ bức tiền đồ dân tộc, làm tổn thương đến dụng tâm bao la của cha ông.

Truyện Hồng Bàng viết: “... Trăm trai đều nghe mệnh, rồi mới từ giã ra đi...”

Tiểu Tượng: Phụ nhân cát, tòng nhất nhi chung dã; phu tử chế nghĩa, tòng phụ hung dã.

Dịch Nghĩa: Đàn bà tốt, theo một bề đến trọn đời vậy; đàn ông đặt ra nghĩa, theo đàn bà thì hung.

Truyện Hồng Bàng viết: “... Âu Cơ cùng với năm mươi người con trai...”

Âu Cơ là hành lữ mà Việt tộc chiếm được từ quân Tàu. Thì hành lữ đó bây giờ cùng đàn con dựng nghiệp trên miền đất mới, là nói về cuộc sống lưu vong trên nước Lạc Việt.

Tiểu Tượng: Cửu phi kỳ vị, an đắc cầm dã.

Dịch Nghĩa: Ở lâu không phải ngôi, sao được con cầm vậy.

“Ở lâu không phải ngôi” → Kinh đô

“Sao được con cầm vậy” → Bạch Hạc

Truyện Hồng Bàng viết: “... ở tại Phong Châu (bây giờ là huyện Bạch Hạc)...”

Phong là gió, Châu thì sáng, tượng của sấm. Sấm gió nổi lên là quẻ Hằng. Vậy Phong Châu nghĩa là trường cửu.

Tiểu Tượng: Bất hằng kỳ đức, vô sở dung dã.

Dịch Nghĩa: Chẳng thường thừa đức, không có chỗ dung vậy.

“Chẳng thường thừa đức”, dễ thường thừa văn? Văn đức thường đi chung với nhau vậy.

Không ai đi dung chứa loài lang, loài sói bao giờ, “không có chỗ dung vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... quốc hiệu là Văn Lang...”

Tiểu Tượng: Cửu nhị hồi vong, năng cửu trung dã.

Dịch Nghĩa: Chín hai ăn năn mất, vì giữ được đức giữa vậy.

Chín hai thành mười tám. 18 là con số quen thuộc được nhắc nhở rất nhiều: Từ 18 đời vua Hùng Vương trong truyện Hồng Bàng, đến con ngựa của Phù Đổng Thiên Vương cao 18 thước, rồi 18 chim bay xen kẽ 18 chim đậu ở tổ thứ tư trên mặt trống đồng Ngọc Lũ, trống Khai Hóa có 18 chim..., thậm chí cho tới cái quạt cũng có 18 chi nan:

“Cái quạt mười tám chi nan,
Ở giữa phết giấy, hai nan hai đầu.
Quạt này anh để che đầu,
Đêm đêm đi ngủ chung nhau quạt này.
Ước gì chung mẹ, chung thầy,
Để em giữ lấy quạt này làm thân.
Rồi ta chung chiếu, chung chăn,
Chung quần, chung áo, chung khăn đội đầu.
Nằm thời chung cái giường Tàu,
Dậy thời chung cả cối trầu, ống vôi.
Ăn cơm chung cả một nồi,
Gội đầu chung cả dầu hời, nước hoa.

Chải đầu chung cái lược ngà,
Soi gương chung cả bông hoa giắt đầu”.

Đồng là kim loại “giữ được”. Trống là “đức giữa vậy” (Trung cung hành Thổ là khung trống, khung chung, khung giữa).

Truyện Hồng Bàng viết: “... tự suy tôn người hùng trưởng lên làm vua, hiệu là Hùng Vương...”

Hùng Vương có nghĩa là người thủ lãnh văn đức siêu việt, tạm gọi là anh hùng văn hóa. Hùng Vương được biểu hiện bằng mặt trời nổi có tia ở trung cung mặt trống, tức hành Thổ, hành trống, hành chung, hành giữa.

Vì Trống nên Hùng Vương trở thành vị anh hùng văn hóa của nước Văn Lang.

Vì Chung nên Hùng Vương trở thành Tỵ Tổ của giống dân Bách Việt, và ngày 10 tháng 3 là ngày Giỗ Tổ. Hai nét dọc, ngang, cũng như tổng số 4 hành xung quanh đều bằng 10: (1 + 5 + 4 = 10), (2 + 5 + 3 = 10), (1 + 2 + 3 + 4 = 10).

Vì Giữa nên Hùng Vương trở thành trung tâm chỉ đạo công cuộc đấu tranh văn hóa, nhằm đánh đuổi giặc Tàu, giành lại chủ quyền về cho Việt tộc.

Tiểu Tượng: Tuấn hăng chi hung, thủy cầu thâm dã.

Dịch Nghĩa: Đào sâu sự thường mà hung, mới cầu sâu vậy.

Đào giếng “mới cầu sâu vậy”, chứ gieo hạt trồng cây mà chôn sâu quá sẽ làm ung thối hạt, “đào sâu sự thường mà hung”. Đây là nói về sự gieo, tổ thứ nhất trên mặt trống đồng. Thể hiện của sự gieo là hành Mộc, hướng Đông, cho nên truyện Hồng Bàng viết: “... về bờ cõi của nước thì Đông giáp Nam Hải...”

Mùa Xuân là mùa của sự gieo, không có gì trước nó, muôn vật từ đó sinh ra. Nhưng vì nó chưa hiện hình, chưa thành ra sự việc cụ thể, thành thử chưa chỉ ra được, buộc phải lấy chữ S gãy khúc, xen giữa chuỗi hình chữ S kép để biểu thị.

31. Quả Hàm



ĐOÀI TRÊN – CÁN DƯỚI

Đại Tượng: Sơn thượng hữu trạch, Hàm, quân tử dĩ hư thụ nhân.

Dịch nghĩa: Trên núi có chằm, là quả Hàm, đáng quân tử coi đó mà trống rỗng lòng mình để nhận người ta.

Lúc đầu chúng tôi không nhìn ra tượng hình quả Hàm. Nhưng căn cứ vào câu Đại Tượng, “... trống rỗng lòng mình để nhận người ta”, nghĩa là mang thai, tượng của sự hàm dưỡng. Với ý nghĩa đó, tằm hình trên trông ra như cái bụng bầu làm căng lỗ rốn ở trên??

-oOo-

Tiểu Tượng: Hàm kỳ phụ, giáp, thiết, đằng khẩu thuyết dã.

Dịch Nghĩa: Cảm thừa xương má, mép, lưỡi, là ruỗi miệng nói vậy.

“Cảm thừa xương má, mép, lưỡi”, ám chỉ sự thỏa thuê của các vật, vật nào thì có cái sở nghi của vật nấy, biểu thị cho mùa Thu, hướng Tây, thuộc tổ thứ hai trên mặt trống đồng. Tổ này chia ra thành 2 nửa vòng bán nguyệt, la liệt người hóa trang chim, nói lên những thói tục, “là ruỗi miệng nói vậy”:

1 . Nửa vòng bán nguyệt có 2 chim đậu trên nóc nhà (cảm thừa mép), là lúc trước khi Việt tộc bị mất Đất về tay quân Tàu, vẫn còn trọn vẹn cả 2 gia sản là Đất và Nước:

Sáu người hóa trang chim, tay cầm nào là dao, nào giáo, nào kèn..., diễn tả nếp sinh hoạt hàng ngày như cày, như cấy, như săn bắn, như múa hội...

Nhà mở rộng cửa là nói thời thái bình, an lạc. Bảy chấm tròn trên cửa nhà xếp thành hình tam giác với đỉnh quay lên trên, và hình vuông bên dưới, là số của vòng tròn và hình vuông.

Ba người và một chim, trong khi hai người đang giã cối bằng chày đứng, là nếp sinh hoạt nông thôn, còn người thứ 3 lại đang đùa giỡn với chim, vì chim là Mẹ nên gần gũi với con.

2 . Nửa vòng bán nguyệt có một chim đậu trên mái nhà (cảm thừa lưỡi), tức là từ sau khi Việt tộc đã mất Đất về tay giặc Tàu, còn lại có nửa gia tài là Nước.

Ở đây, vẫn với những sinh hoạt bình thường của đời sống nông nghiệp, tức là vẫn người cày, kẻ cấy, con trâu ra đồng..., nhưng đã thiếu bóng khúc hoan ca thời thái lạc. Mọi nỗ lực bây giờ nhắm tới tương lai, qua hình tượng đưa bé đi sau đoàn người, với người đi trước trong tay cầm nỏ.

Nhà không còn mở rộng cửa như xưa, mà đóng khép lại để đề cao cảnh giác.

Việc làm trống phải bảo mật, giấu diếm.

Hàng trống 4 chiếc với 4 người đánh đã được gắn thêm một lá cờ, tức là trống từ nay được dùng làm hiệu lệnh.

Thể chế nông nghiệp dù vẫn y nguyên, người và chim vẫn gần gũi và đùa giỡn, nhưng nay người đã cắt tóc ngắn và vẽ mình, nhằm phân biệt giữa cái “cùng và khác”, để tiến hành công cuộc đấu tranh văn hóa lâu dài.

Truyện Hồng Bàng viết: “... Tây đến Ba Thục...”

Tiểu Tượng: Hàm kỳ môi, chí mật dã.

Dịch Nghĩa: Cảm thừa thăn thịt, chí ngọn vậy.

Thăn thịt ở sau lưng, làm nhiệm vụ nâng đỡ xương sống. “Cảm thừa thăn thịt, chí ngọn vậy”, là nói tới phần trên nét thẳng, là hành Hỏa ở phương Nam. Truyện Hồng Bàng viết: “... Nam đến nước Hồ Tôn Tinh...”

Đây là tổ thứ ba trên mặt trống đồng. Tổ này gồm 8 con chim đuôi ngắn mỏ ngắn đương bay, theo sau là mười nai, cứ một cái rồi một đực xen kẽ nhau, rồi lại 6 chim đuôi ngắn mỏ ngắn, rồi lại 10 nai khác giống xen kẽ nhau, tiếp nối 8 chim ban đầu, thành ra 4 nhóm di chuyển theo chiều ngược kim đồng hồ.

Ngũ Hành do 2 Nghi tạo nên, mỗi Nghi gồm 3 Tài là (Trời – Người – Đất), thành tổng cộng 2(Trời – Người – Đất), mà Trời = 3, Đất = 4, Người = 5 đôi vì gồm Nam và Nữ. Cho nên, 3 Trời = 6 chim, xen kẽ 5 đôi Người = 10 nai, xen kẽ 2 Đất = 8 chim, xen kẽ 5 đôi Người = 10 nai.

Tiểu Tượng: Trinh cát, hối vong, vị cảm hại dã; đồng đồng vắng lai, vị quang đại dã.

Dịch Nghĩa: Chính tốt, sự ăn năn mất, chưa cảm hại vậy; sáng sắc đi lại, chưa sáng lớn vậy.

“Đất lành chim đậu”. 18 chim đang đậu, vậy vùng đất này lành, “chưa cảm hại vậy”, nên “chính tốt, sự ăn năn mất”. Thế nhưng 18 chim khác vẫn tiếp tục bay, vẫn “sáng sắc đi lại”, nên “chưa sáng lớn vậy”.

Tổ thứ tư trên mặt trống đồng gồm 18 chim mỏ dài đuôi dài đang bay, xen kẽ với 18 chim mỏ ngắn đuôi ngắn đang đậu. Bay là tượng của “động”, đậu là tượng của “tĩnh”. Tổ này phân biệt sự khác nhau về hình thể và bản chất của 2 loài chim, nhắc nhở sự “cùng và khác” giữa loài Trí giả thủy tộc (giặc Tàu), và Nhân giả (Việt tộc): “Trí giả nhạo thủy, nhân giả nhạo sơn, trí giả động, nhân giả tĩnh” (Luận ngữ: Ung giả, VI).

Truyện Hồng Bàng viết: “... Bắc đến Động Đình Hồ...”

“Đông giáp Nam Hải, Tây đến Ba Thục, Nam đến nước Hồ Tôn Tinh, Bắc đến Động Đình Hồ”, phải chăng đây là ranh giới của Lạc Việt trước khi bị quân Tàu thôn tính?

Tiểu Tượng: Hàm kỳ cổ, diệc bất xử dã; chí tại tùy nhân, sở chấp hạ dã.

Dịch Nghĩa: Cảm thừa đuôi, cũng chẳng ở vậy; chí ở theo người, thừa giữ thấp vậy.

Thành trống đồng gồm 3 phần là thành trống, thân trống và tang trống.

Tang trống có mười vòng hoa văn, vòng thứ bảy là hình 6 thuyền cong hình rồng, trên thuyền chở từ 4 đến 5 người, miệng rồng thì há rộng để đón nhận cái hôn sâu thắm từ chim, dưới giàn thuyền để một hoặc hai trống, bên trên có người cầm một cái nỏ bự.

Truyện Hồng Bàng viết: “... chia trong nước ra làm mười lăm bộ là: Giao Chỉ, Chu Diên, Ninh Sơn, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Tuyên, Quế Dương, Vụ Ninh, Hoài Hoan, Cử Chân, Nhật Nam, Quế Lâm, Tượng Quận...” 15 là tổng số của các đường ngang, dọc và chéo trong Magic Square (Hình 2, Lạc Thư).

“Cảm thừa đuôi” là ví với tang trống. “Cũng chẳng ở vậy”: Thuyền thì không thể ở vậy, thuyền phải trôi, thuyền phải chở. Sáu thuyền rồng đang âu yếm với chim, đang che chở và diu dắt lũ con trên quãng đường vượt biển tìm tự do.

Tục vẽ mình mà Lạc Long Quân đã phát động trong dân gian, không những chỉ để khắc ghi cái hoài vọng cao cả vào thân mình, để ngày ngày trông thấy mà nung nấu ý chí, “chí ở theo người”, mà còn để xác định cái chủ quyền của trống, “thừa giữ thấp vậy”.

Tiểu Tượng: Tuy hung, cư cát, thuận bất hại dã.

Dịch Nghĩa: Dẫu hung, ở yên tốt, thuận thì không hại vậy.

Thân trống đồng gồm 6 khung (6 ô của Ngũ Hành), mỗi khung có 2 người hóa trang chim, tay cầm rìu và mộc.

Đừng thấy người ta vẽ mình rồng rắn, tóc cắt ngắn, để đầu trần, chân đi không, răng nhuộm đen, miệng nhai nhóp nhép đồ lõm, tay cầm rìu và mộc mà hoảng sợ. “Dẫu hung” như thế đấy, nhưng họ không cầm vũ khí đi cướp của giết người như loài thủy tộc, họ là dân miền núi đôn hậu, họ cầm vũ khí bảo vệ quê hương họ đấy thôi, cho nên “ở yên tốt”, đừng tỏ thái độ thù nghịch toan đánh họ, “thuận thì không hại vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... sai các em phân trị...”

Tiểu Tượng: Hàm kỳ mẫu, chí tại ngoại dã.

Dịch Nghĩa: Cảm thừa ngón chân cái, chí ở ngoài vậy.

Chân trống đồng không có trang trí, nên mới nói rằng “cảm thừa ngón chân cái, chí ở ngoài vậy”. Tục đi chân không cũng vì ý này.

Truyện Hồng Bàng viết: “... đặt em thứ làm tướng võ, tướng văn...”

30. Quẻ Ly



LY TRÊN – LY DƯỚI

Đại Tượng: Minh lưỡng tác, Ly, đại nhân dĩ kế minh chiếu hồ tứ phương.

Dịch nghĩa: Sự sáng hai lần đầy, là quẻ Ly, bậc người lớn coi đó mà kế tiếp sáng soi ở bốn phương.

Quẻ Ly là tượng của sự “trống mà sáng”, “vàng và sáng” → Trống Đồng. Bậc quân tử theo đó mà tiếp nối sáng soi.

-oOo-

Tiểu Tượng: Vương dụng xuất chinh, dĩ chính bang dã.

Dịch Nghĩa: Vua dùng ra đánh, để chính nước vậy.

“Vua dùng ra đánh”, tức là người vua ủy thác trách nhiệm, thay vua cầm quân đánh giặc, là tướng soái.

“Để chính nước” thì phải có quân pháp, những phép tắc qui định rõ ràng cho mọi người biết mà thi hành.

Nhận chân Trách Nhiệm và Danh Dự công dân, tức là triệt để tuân hành tôn chỉ của Hùng Vương (hiệu lệnh của trống đồng), trong công cuộc đấu tranh đánh đuổi giặc Tàu, giành lại chủ quyền cho Việt tộc, là phát huy chính nghĩa, là biểu dương đức Lễ, hành Hỏa, tổ thứ ba trên mặt trống đồng.

Truyện Hồng Bàng viết: “... tướng võ gọi là các Lạc tướng...”

Tiểu Tượng: Lục ngũ chi cát, ly vương công dã.

Dịch Nghĩa: Sự tốt của sáu năm, là được bám vào tước vương tước hầu vậy.

Sáu năm là nói về 6 khung 5 hành của cơ cấu Ngũ Hành.

Vững chắc vận dụng những nét văn vẻ sáng sủa của nền văn hóa nông nghiệp của Việt tộc, trong công cuộc đấu tranh giành lại chủ quyền, là thể hiện của đức Nhân, hành Mộc, tổ thứ nhất trên mặt trống đồng.

Truyện Hồng Bàng viết: "... tướng văn gọi là Lạc hầu..."

Tiểu Tượng: Đột như kỳ lai như, vô sở dung dã.

Dịch Nghĩa: Đột nhiên thừa lại, là không có chỗ dung vậy.

"Đột nhiên trở lại" là ngẫu nhiên. Mọi sự việc xảy ra, không phải do ngẫu nhiên mà có, sở dĩ nó có đó, là do cái nguyên nhân đã tạo ra nó. Nguyên nhân là gốc đã tạo ra, cái ngọn của sự việc là hậu quả. Mọi ngọn ngành đều có gốc rễ sinh ra, và từ cái nguyên nhân đưa tới hậu quả, nhiều khi không phải nhất thời, mà dài dằng dặc, khiến người ta không nhận ra, hay đã quên đi cái nguyên nhân làm ra nó, để rồi chỉ xét tới mỗi cái hậu quả đơn thuần, tức là chỉ chú ý tới ngọn ngành mà quên gốc rễ.

Việc cứu xét để quy cái hậu quả của sự việc về lại với nguyên nhân đã tạo ra nó, cũng không phải dễ dàng và ngắn ngủi, mà là một trọng trách khó khăn, đòi hỏi nhiều nỗ lực nghiên cứu liên tục, để dần dần từng bước phân biệt ra, rồi quy cái hậu quả của sự việc nào thì về với nguyên nhân đã tạo ra nó, sự việc nào thì theo gốc của nó mà quy tụ trở về, loài nào thì theo về với loài nấy.

Sự phân biệt giữa điểm ngọn và điểm gốc, giữa hậu quả và nguyên nhân, là một bước quan trọng trong quá trình thực hiện công cuộc đấu tranh văn hóa. Soi xét tinh tường để phân biệt giữa cái cùng và khác, là thể hiện của đức Trí, hành Thủy, tổ thứ tư trên mặt trống đồng.

Truyện Hồng Bàng viết: "... con trai vua gọi là Quan Lang, con gái gọi là My Nương..."

Tiểu Tượng: Nhật trắc chi lý, hà khả cứu dã?

Dịch Nghĩa: Sự sáng của mặt trời dế, sao khá lâu vậy?

"Mặt trời dế" là chỉ phương Tây. Cùng ninh nấu ý chí, quyết hy sinh cho sự nghiệp lâu dài, là thể hiện của đức Nghĩa, hành Kim, tổ thứ hai trên mặt trống đồng.

Truyện Hồng Bàng viết: "... quan hữu ty gọi là Bô Chính, thần bộc nô lệ gọi là nô tỳ, xưng thần là khôi, đời đời cha truyền con nối gọi là phụ đạo..."

Tiểu Tượng: Hoàng ly nguyên cát, đắc trung đạo dã.

Dịch Nghĩa: Vàng sáng cả tốt, được đạo giữa vậy.

“Vàng sáng” là Trống Đồng, là quẻ Ly (☲), đáng quân tử theo đó mà tiếp tục phát huy sự nghiệp.

Truyện Hồng Bàng viết: “... thay đời truyền cho nhau đều hiệu là Hùng Vương không đổi...”

Tiểu Tượng: Lý thác chi kính, dĩ tỵ cứu dã.

Dịch Nghĩa: Sự kính của kẻ xéo bừa, để tránh lỗi vậy.

Kẻ xéo bừa thường đạp vào chân, hay dẫm lên vật người khác. “Sự kính của kẻ xéo bừa” là phải mở miệng phân bua và xin lỗi.

Kinh nghiệm sống mỗi ngày một thêm nhiều, những dữ kiện lịch sử một ngày một thêm chồng chất, trong khi trí nhớ của người ta có giới hạn, sợ rằng phương pháp truyền đạt bằng đài “vô tuyến truyền tai” sẽ gặp lắm gian nan, và nhất là sợ thời gian mai một làm “phai lạt mấy màu”, Tổ Tiên ta mới đặt trọng tâm nghiên cứu ra chữ viết, hầu có thể ghi chép được đầy đủ mọi dữ kiện lịch sử đã xảy ra mà lưu truyền, để con cháu những đời sau, có sẵn cơ sở nghiên cứu mà am tường, hầu tiếp tục kế thừa và phát huy sự nghiệp oai hùng của tiền nhân, đó cũng là “để tránh lỗi vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... Dân ở rừng núi xuống sông ngòi đánh cá, thường bị giao long làm hại nên bạch với vua...” Cá (Hà Bá) là vật tổ của thủy tộc (giặc Tàu). Luật của cá là con lớn đớp con bé một cách công khai, nên cá biểu thị cho chính quyền độc tài, trái hẳn tinh thần Nhân chủ của xã hội Lễ trị. Bởi thế mà Việt tộc ta bắt cá rất nhiệt tình, từ những tên của vật tổ như Vụ Tiên là vịt trời, Âu Cơ là Hải Âu..., đều là loài chim bắt cá.

29. Quẻ Tập Khảm



KHẨM TRÊN – KHẨM DƯỚI

Đại Tượng: Thủy tấn chi, Tập Khảm, quân tử dĩ thường đức hạnh, tập giáo sự.

Dịch nghĩa: Nước lại tới, là quẻ Tập Khảm, đáng quân tử coi đó mà giữ cho đức hạnh có thường, tập cho giáo sự được quen.

-oOo-

Tiểu Tượng: Thượng lục thất đạo, hung tam tuế dã.

Dịch Nghĩa: Hào sáu trên lỗi đạo, hung ba năm vậy.

Hào trên của quẻ trên âm. Âm mà ở trên là “lỗi đạo”.

3 năm = 36 tháng. 36 con chim, 18 con mỏ dài đuôi dài đang bay, xen kẽ giữa 18 con mỏ ngắn đuôi ngắn đang đậu, là phân biệt giữa cái cùng và khác của 2 loài chim. Một bên mạnh (to lớn, mỏ dài đuôi dài) động (bay), một bên nhu (nhỏ bé, mỏ ngắn đuôi ngắn) tĩnh (đậu). Động và tĩnh là 2 yếu tố đối kháng nhau.

Khởi đầu, Tổ Tiên ta phát họa ra một gạch liền (—), gọi là vạch lẻ làm yếu tố dương, và một gạch đứt (—) gọi là vạch chẵn, tượng hình cho yếu tố âm, đối kháng với yếu tố dương. Đó là 2 nét tượng ý đầu tiên trong hệ thống chữ viết của Việt tộc.

Truyện Hồng Bàng viết: “... Vua bảo rằng: – Ở núi là loài rồng cùng với thủy tộc có khác...”

Tiểu Tượng: Khảm bắt doanh, trung vị đại dã.

Dịch Nghĩa: Chỗ chũng chằng đầy, vì đức giữa chưa lớn vậy.

Vị thế Tam Tài có 3 ngôi là Đất – Người – Trời. Chính ba ngôi này khiến vị thế Tam Tài trở nên quan trọng, bởi hệ thống triết lý quân bình năng động, trong đó, yếu tố Người ở giữa lãnh phần tích cực để tham dự vào việc giao thoa giữa Đất và Trời, để con người chính thức là một tác nhân uyển chuyển, duy trì sự quân bình của vũ trụ, giữa đôi bờ đối cực là Đất và Trời. Ngôi Người ở giữa còn lên xuống được nên không biến đổi, “chỗ chũng chằng đầy, vì đức giữa chưa lớn vậy”.

Trong khi 2 ngôi Trời và Đất đã cùng cực nên phải biến đổi, và sự biến đổi này làm đảo nghịch cơ cấu lúc ban đầu. Như lên đến cùng cực rồi phải đi xuống, xuống đến chỗ không còn xuống được sẽ ngoi lên, âm biến thành dương, dương biến thành âm...

Truyện Hồng Bàng viết: "... bọn chúng ưa đồng mà ghét dị cho nên mới xâm hại..."

Tiểu Tượng: Tôn tửu quĩ nhị, cương nhu tể dã.

Dịch Nghĩa: Chén rượu rá đồ ăn, cứng mềm giúp nhau vậy.

Rượu tính dương, đồ ăn tính âm, ăn đồ ăn và uống rượu là nhào trộn lẫn lộn âm dương.

Hai gạch liền và đứt này nhào lộn với nhau, "cứng mềm giúp nhau", quấn quít nhau, đảo điên, xáo trộn để thành ra 8 quẻ:

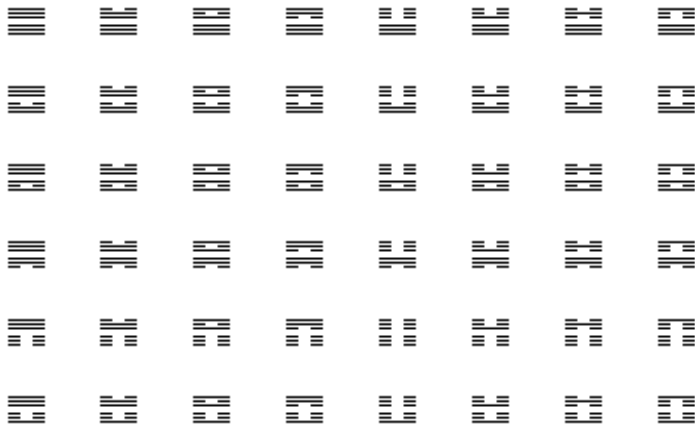


Truyện Hồng Bàng viết: "... Bèn khiến lấy mực chấm hình trạng thủy quái ở thân thể..." Khỏi cần giải thích, ai chưa biết Dịch, nhìn vào 8 quẻ trên đều nghĩ là hình trạng quỷ quái.

Tiểu Tượng: Lai chi khảm khảm, chung vô công dã.

Dịch Nghĩa: Lại đi hiểm hiểm, rút lại không công vậy.

Rồi 8 quẻ này lại trồng lẫn lên nhau, "lại đi hiểm hiểm" mà thể hiện 2 Nghi trong cơ cấu Ngũ Hành, hình thành 64 quẻ, viết lên trang sử oai hùng của Việt tộc, để đời sau có cơ sở mà truy cứu. Việc lấy quẻ này trồng lên quẻ khác thật đơn giản, dễ làm, nên "rút lại không công vậy":





Truyện Hồng Bàng viết: “... từ đó tránh được nạn giao long cắn hại...”

Tiểu Tượng: Cầu tiểu đắc, vị xuất trung dã.

Dịch Nghĩa: Tìm hơi được, là chưa ra khỏi bên trong vậy.

64 quẻ này dùng hình tượng để tượng ý, được hình thành từ cơ cấu Ngũ Hành, dựa trên tinh thần của sự biến đổi, nên phải tuân theo một ước lệ đằng hoàng:

6 gạch liền đứt chia thành 2 Nghi, mỗi Nghi có 3 Ngôi: Trời trên, Đất dưới, giữa Người. Bởi Người là tác nhân uyển chuyển duy trì sự quân bình năng động cho vũ trụ, giữa đôi bờ đối cực là Đất và Trời, nên Ngôi giữa giữ vai trò chủ yếu trong sự biến đổi nơi mỗi Nghi, thể hiện tính ưu việt của đạo Giữa.

Một khi Ngôi giữa còn hoán chuyển được, “tìm hơi được”, nghĩa là còn có thể đi lên hay đi xuống, tùy theo Ngôi giữa âm hay dương, thì dù Ngôi trên hay Ngôi dưới có cùng cực đi chăng nữa, cũng chưa biến đổi, mà ưu tiên cho Ngôi giữa hoán chuyển trước, “là chưa ra khỏi bên trong vậy”, cho đến khi nào Ngôi giữa không còn hoán chuyển được nữa, bấy giờ Ngôi trên hay Ngôi dưới mới biến đổi theo thứ tự ưu tiên “tới trước phục vụ trước” (First come first serve).

Thí dụ: Trong quẻ Ly (☲), hào trên đã cùng cực nhưng vẫn chưa biến đổi, vì hào âm giữa còn có thể đi xuống cho hào dương dưới đi lên, quẻ Ly trở thành quẻ Tốn (☴). Ở quẻ Tốn, hào trên và giữa cùng dương, không còn phương hoán chuyển, cả hào trên lẫn hào dưới bây giờ đều cùng cực, nhưng hào trên đã cùng cực trước nên biến đổi trước, quẻ Tốn thành quẻ Khảm (☵).

Thí dụ tương tự cho quẻ Càn ☰, biến đổi lần đầu thành Đoài ☱, biến đổi lần hai ra Ly ☲, biến đổi lần ba sinh ra Tốn ☴.

Thí dụ tương tự cho quẻ Khôn ☷, biến đổi lần đầu thành Chấn ☳, biến đổi lần hai ra Khảm ☵, biến đổi lần ba sinh ra Cấn ☶.

Truyện Hồng Bàng viết: “... cái tục văn thân của Bách Việt...”

Tiểu Tượng: Tập khảm, nhập khảm, thất đạo hung dã.

Dịch Nghĩa: Từ chỗ hiểm kếp vào chỗ hiểm, lạc đường hung vậy.

Cũng như tất cả mọi việc trên đời, quá trình biến đổi cũng phải có giới hạn. Và ước lệ khác cho sự giới hạn: Trong một quẻ kếp, không phân biệt trên hay dưới, “từ chỗ hiểm kếp” mà biến đổi. Sự biến đổi sẽ tiếp tục cho đến khi nào, có ít nhất một quẻ (trên hay dưới), trở thành quẻ Khảm, “vào chỗ hiểm”, thì sự biến đổi kết thúc. Nếu còn tiếp tục, dĩ nhiên sẽ lạc đường và nguy hiểm, “lạc đường hung vậy”.

Thí dụ:

 →  →  (Quẻ trên thành Khảm nên kết thúc)
Vị Tể Tiệm Ký Tể

Từ quẻ Vị Tể, hào giữa trên âm nên đi xuống, Ly biến thành Phong. Hào giữa dưới dương nên đi lên, Khảm trở thành Sơn. Toàn quẻ kếp, cây mọc trên núi là quẻ Tiệm.

Từ quẻ Tiệm, hào đầu trên cùng cực trước biến sang âm, Phong thành Khảm. Hào chót dưới cùng cực đổi thành dương, Sơn thành Ly. Toàn quẻ kếp, nước trên lửa là quẻ Ký Tể.

Quẻ Ký Tể với Thủy trên Hỏa dưới, đã xuất hiện quẻ Khảm ở trên, nên quá trình biến đổi kết thúc.

Truyện Hồng Bàng viết: “... thực khởi thủy từ đây...”

20. Quẻ Quán



TÔN TRÊN – KHÔN DƯỚI

Đại Tượng: Phong hành địa thượng, Quán, Tiên vương dĩ tỉnh phương, quan dân, thiết giáo.
Dịch nghĩa: Gió đi trên đất, là quẻ Quán, đấng Tiên vương coi đó mà xét các phương, xem tục dân, đặt sự dạy.

Hình tượng quẻ Quán: Cây mọc trên đất, rễ cắm sâu xuống đất nên dễ phân biệt, nhưng cành lá xum xuê quá quít, đan lẫn vào những cây khác, rất khó phân biệt thuộc cây nào. Muốn biết xem chiếc lá ấy thuộc cây nào, phải chịu khó lần theo từ lá tới nhánh, tới cành, tới thân, mới mong biết được chiếc lá đó thuộc gốc cây nào. Quẻ Quán biểu tượng cho sự phân loại để đưa ngọn về với gốc, để việc nào thì về với gốc rễ của việc đó, vật nào thì về với loài đã tạo ra nó. Đó chính là mục đích của công cuộc đấu tranh văn hoá vậy.

-oOo-

Tiểu Tượng: Quan kỳ sinh, chi vị bình dã.

Dịch Nghĩa: Xem thừa sinh, chí chưa bình vậy.

Mọi người lúc sinh ra đều bình đẳng như nhau, chỉ vì “chí chưa bình” mà tạo thành chênh lệch. Đây là nói về ý nghĩa của tổ thứ nhất trên mặt trống đồng, những chuỗi hình chữ S gãy khúc, xen ở giữa chuỗi chữ S kép.

Khởi từ hành Mộc, cái ưu việt của nền văn hóa nông nghiệp Việt tộc là sự phân chia ruộng đất canh tác dựa theo một số độ đồng đều, gọi là thể chế Bình sản.

Kể đến, con người phải có đầy đủ mọi quyền tự hữu và tự do như Trời và Đất, nghĩa là không những chỉ có quyền làm chủ những vật dụng cần thiết, mà trước hết, và trên hết, con người phải có đủ khả năng mà làm chủ ngay chính tâm hồn mình, vận hệ mình, gọi là Nhân chủ.

Thể chế Bình sản là một ưu việt để phát huy nhân tính, thực thi vững chắc nền Nhân chủ, thì chính sách cai trị dựa trên cơ sở Lễ trị cũng phải được gắn liền để duy trì nền Nhân chủ. Cơ cấu Bình sản – Nhân chủ – Lễ trị là thể hiện cao đẹp của vị thế Tam Tài là Đất – Người – Trời vậy.

Sự khác nhau cơ bản ở chỗ này: Trong khi người Tàu giết nhau vì quan niệm thiên lệch, thì Việt tộc lại thờ người, quý trọng đời sống con người. Hai đức Hiếu – Đễ là lối cụ thể biểu lộ đức Nhân Sinh: Hiếu là kính trọng cái nguồn gốc của sự sống, những người đã truyền sinh và nuôi

dưỡng nên mình; Để là trọng kính sự sống nơi người nào đã bảo toàn được sự sống lâu hơn mình, để học hỏi và thu thập kinh nghiệm sống.

Từ sự khác biệt cơ bản đó, mới sinh ra nhiều khác biệt điển hình:

Trong khi cơ chế xã hội của Việt tộc được xây dựng theo chế độ Lễ trị, nghĩa là dựa trên những nét văn vẻ sáng sủa của nền văn hóa nông nghiệp; thì ở Tàu, lại dựa vào sức mạnh của nền văn minh du mục.

Trong khi thể chế xã hội Việt tộc được xây dựng dựa trên cơ sở bình đẳng bình quyền, theo tinh thần của sự gieo và gặt; thì ở Tàu, lại được xây dựng trên yếu tố độc chiếm, độc quyền, theo tinh thần của sự cướp bóc, chiếm đoạt.

Trong khi pháp chế của Việt tộc được xây dựng dựa trên cơ sở tình người, đức cường của Việt tộc ở chỗ khoan nhu, lấy đức Nhân Nghĩa Lễ Trí làm đầu mà chỉ đạo cuộc sống, nhớ gốc, không quên loài nên chọn chim và rồng làm vật tổ (nhị nguyên), và khi ca múa lại đeo lông chim; thì ở Tàu, pháp chế được xây dựng trên cơ chế luật hình, nhằm củng cố uy quyền của kẻ độc tôn, họ lấy sức mạnh võ biên để biểu sủng vinh quang, lấy chiến thắng làm đầu xây danh dự, cho nên cái cường của họ là ở chỗ dám xả thân liều chết nơi chiến trường, họ thờ thần cá và nhận Hà Bá làm vật tổ (nhất thể), thừa nhận luật của cá là “con lớn đớp con bé” một cách công khai.

Trong khi Việt tộc kính người già và trọng phái yếu theo tục tả nhậm, thì ở Tàu lại khinh thường người già và rẻ túng phái yếu. Ta ở nhà sàn, họ ở nhà hang. Ta dùng thuyền làm phương tiện di chuyển, họ lấy ngựa thay chân...

Truyện Hồng Bàng viết: “... Ban đầu quốc dân ăn mặc chưa đủ...”

Tiểu Tượng: Quan ngã sinh, quan dân dã.

Dịch Nghĩa: Xem ta sinh, là xem dân vậy.

Đây là nói về ý nghĩa của tổ thứ hai trên mặt trống đồng, tức là những sinh hoạt của đoàn người đeo lông chim, mô tả những sinh hoạt hàng ngày trong dân gian, gọi là thói tục, nghĩa là bước qua hành Kim, sự hòa hợp của từng phần.

Nhìn vào sinh hoạt hàng ngày, người ta có thể xác định được bản chất dân tộc đó. Cũng như quan sát những thói tục được thể hiện, cũng dễ dàng sắp xếp họ thuộc dân tộc nào, “xem mặt mà bắt hình dung”, hay “xem ta sinh, là xem dân vậy”.

Thật vậy, thói tục là biểu tượng riêng biệt của từng dân tộc, vì được cấu thành bởi những hoàn cảnh lịch sử khác nhau, những điều kiện văn hóa khác biệt, nên không lẫn lộn được. Vận dụng ngay những thói tục trong dân gian để chứng minh chủ quyền đất đai và văn hóa, là một việc làm chính đính và hoàn hảo, khiến mọi người đều có thể khách quan nhận định sự việc một cách rõ ràng, rồi làm trọng tài sắp xếp những thói tục của dân gian nào thì về với dân tộc đó, để từ đó mà quy định ranh giới đất đai, cũng như chủ quyền văn hóa của dân tộc có những thói tục trên.

Xin kể ra những thói tục của Việt tộc: Tục đeo lông chim, tục nhảy múa điệu rồng, điệu Hàm Trì, tục lễ Gia Tiên, tục tả nhậm, tục hát trống quân, tục ở nhà sàn, tục đi thuyền, tục để đầu trần, tục cắt tóc ngắn, tục đi chân không, tục vẽ mình, tục ăn trầu, tục nhuộm răng...

Truyện Hồng Bàng viết: "... phải lấy vỏ cây làm áo mặc, dẹt cổ ống làm chiếu nằm..."

Tiểu Tượng: Quan quốc chi quang, thượng tân đã.

Dịch Nghĩa: Xem sự sáng của nước, chuộng làm khách vậy.

"Sự sáng của nước", lại "chuộng làm khách", tức ở trên (䷋), là hành Hỏa vậy, Đây là nói về tổ thứ ba trên mặt trống đồng, tức 8 chim mỏ ngắn đuôi ngắn, tiếp theo là 5 đôi nai xen kẽ một cái một đực, tới 6 chim mỏ ngắn đuôi ngắn, và sau cùng là 5 đôi nai xen kẽ một cái một đực, thể hiện sự thông đạt nơi hành Hỏa, là cơ sở dựng thành Thập Can và 12 Địa Chi, tức là Lịch xem ngày của Việt tộc..

Truyện Hồng Bàng viết: "... lấy cốt gạo làm rượu..."

Tiểu Tượng: Quan ngã sinh tiền thoái, vị thất đạo đã.

Dịch Nghĩa: Xem ta sinh tiền lui cho thuận với sự nên phải, cho nên chưa đến mất đạo.

"Tiền lui" là đi thụt lùi. Đi lui, đi nghịch mà lại "cho thuận với sự nên phải" ư?

"Sự nên phải" là đi từ trên xuống dưới, từ ngọn trở về gốc, nghĩa là theo chiều nghịch, để cho sự việc nào lại về với gốc sự việc ấy, vật nào thì lại theo về với loài của vật nấy, cho sự sáng lại về chói chang trên Đất Việt, cho chính nghĩa muôn đời bất diệt, cho công đạo loài người sáng tỏ khắp muôn nơi. "Dịch tức là cách tính ngược" (Thuyết Quái: Kinh Dịch, Ngô Tất Tố, trang

27), cái ngược của đạo Dịch, cũng như cái chiều nghịch của những sinh hoạt trên trống đồng Ngọc Lũ, và các cổ vật khác đã được tìm thấy, cũng là “cho thuận với sự nên phải” vậy.

Đây là 18 con chim mỏ dài đuôi dài đang bay, tượng của động, xen kẽ với 18 chim mỏ ngắn đuôi ngắn đang đậu, tượng của tĩnh, ở tổ thứ tư trên mặt trống đồng, nhằm phân biệt những điểm khác nhau cơ bản giữa Việt tộc và người Tàu, giữa loài thủy tộc là Trí giả (giặc Tàu), và Nhân giả (Việt tộc): “Trí giả nhạo thủy, nhân giả nhạo sơn, trí giả động, nhân giả tĩnh” (Luận ngữ: Ung giả, VI). Xin kể ra ít thí dụ điển hình:

“Quân tử dụ u nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi: Quân tử hiểu rõ chừng nghĩa, tiểu nhân hiểu rõ chừng lợi” (Luận ngữ: Lý nhân, IV).

“Quân tử thành nhân chí mỹ, bất thành nhân chi ác; tiểu nhân phản thị: Quân tử gây thành cái hay cho người ta, không gây thành cái ác cho người ta; tiểu nhân không thế” (Luận ngữ: Nhan uyên, XII).

“Quân tử thượng đạt, tiểu nhân hạ đạt: Quân tử đạt về cái lý cao minh, tiểu nhân đạt về cái lý đê hạ” (Luận ngữ: Hiến vấn, XIV).

“Quân tử bất khả tiểu tri, nhi khả đại thụ dã; tiểu nhân bất khả đại thụ, nhi khả tiểu tri dã: Quân tử không thể biết được cái nhỏ, mà có thể chịu được cái lớn; tiểu nhân không có thể chịu được cái lớn, mà có thể biết được cái nhỏ vậy” (Luận ngữ: Vệ Linh công, XV).

“Quân tử nhi bất nhân dã, hữu hỹ phù? Vị hữu tiểu nhân nhi nhân giả dã: Quân tử mà bất nhân, có vậy chăng? Chưa có tiểu nhân mà là người có nhân vậy” (Luận ngữ: Hiến vấn, XIV).

Truyện Hồng Bàng viết: “... lấy cây quang lang, cây soa đồng làm bánh...”

Tiểu Tượng: Khuy quan, nữ trinh, diệc khả xú dã.

Dịch Nghĩa: Nhòm xem, sự trinh của con gái, cũng đáng xấu vậy.

Tất cả hãy ra đây mà trông, mà “nhòm xem”, ai đòi “cọc lại tìm trâu”, phận đàn bà con gái mà nét na chẳng giữ, ở trên lao xuống mà hôn lấy hôn để đàn ông trước mắt mọi người kia kìa. Thật chẳng biết hổ thẹn, còn đâu là “sự trinh của con gái” nữa chứ? “Cũng đáng xấu vậy”!

Đâu có gì mà xấu, đó chính là mẹ Chim Xanh đang âu yếm hôn cha Rồng Vàng trước lũ con của người, chứ có ai xa lạ chi đâu cả! Mẹ hôn cha để tưởng thưởng, để tỏ sự cảm thông, cùng cha chia sẻ nỗi đắng cay, khổ cực, đang dắt díu đám con Việt thân yêu của người vượt biển,

thoát cơn nguy hiểm mà vươn mình vượt lên trong sự nghiệp tương lai. Cha Ròng Mẹ Chim, một cơ cấu song trùng, một phạm trù đặc sắc và linh động, duy nhất có được nơi giòng Việt tộc, nên Cha Ròng Mẹ Chim cũng là một yếu tố cụ thể để phân biệt sự khác nhau giữa Việt tộc và người Tàu.

Đây là những hình khắc nơi tang trống, bao gồm mười vòng kỷ hà, ở vòng thứ bảy có 6 thuyền cong hình rồng, miệng rồng thì há rộng mà đón nhận cái hôn sâu thắm từ chim, trên thuyền chở từ 4 đến 5 người, dưới giàn thuyền có một hoặc hai trống, có người cầm nỏ bự đứng trên canh giữ. Như thế, trống đồng là một tang chứng không thể chối cãi.

Truyện Hồng Bàng viết: "... lấy cầm thú, cá tôm làm nước mắm..."

Tiểu Tượng: Sơ lục đồng quan, tiểu nhân đạo dã.

Dịch Nghĩa: Sáu đầu trẻ xem, đạo kẻ tiểu nhân vậy.

Đây là nói đến thân trống đồng. Thân trống đồng có 6 khung, mỗi khung có hai người hóa trang chim, tay cầm rìu và mộc.

"Sáu đầu" có nghĩa là quẻ thứ 6. Nói thứ 6 có thể hiểu từ dưới lên trên lẫn từ trên xuống dưới. Để xác định rõ, quẻ này mang tính náo nhiệt, vừa hợp với sở thích ưa náo nhiệt của trẻ em, lại còn hợp với "đạo kẻ tiểu nhân" nữa, như thế là quẻ Tụng, số 6.

Lời Thoán: Tụng, thượng cương hạ hiểm, hiểm nhi kiện, tụng.

Dịch nghĩa: Quẻ Tụng, trên cứng dưới hiểm, hiểm mà mạnh là kiện tụng.

Đại Tượng: Thiên dữ thủy vi hành, Tụng, quân tử dĩ tác sự mưu thủy.

Dịch nghĩa: Trời với nước đi trái nhau, là quẻ Tụng, đáng quân tử coi đó mà dấy việc mưu tính lúc đầu.

Sự biến đổi của quẻ Tụng:

				
Tụng	Hàm	Ly	Tốn	Tập Khảm

Tụng: Kiện tụng; Hàm: Hàm dưỡng; Ly: Trống đồng; Tốn: Tiếp nối; Tập Khảm: Văn tự.

Như vậy, 64 quẻ Dịch là một nhân tố quan trọng trong việc kiện tụng này.

Truyện Hồng Bàng viết: "... lấy rẽ gừng làm muối..."

19. Quẻ Lâm

KHÔN TRÊN – ĐOÀI DƯỚI

Đại Tượng: Trạch thượng hữu địa, Lâm, quân tử dĩ giáo tư vô cùng, dung bảo dân vô cương.
Dịch nghĩa: Trên chằm có đất, là quẻ Lâm, đáng quân tử coi đó mà tứ dục không cùng, dung giữ dân không bờ.

Hình tượng quẻ Lâm: Trên chằm có đất là tượng của sự đắp đổi, thêm lên.

-oOo-

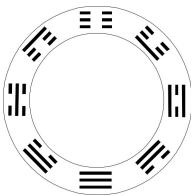
Tiểu Tượng: Đôn lâm chi cát, chí tại nội dã.
Dịch Nghĩa: Dầy tới mà tốt, chí ở trong vậy.

Hình thành thêm được càng nhiều dữ kiện, để tấn công kẻ thù trên mọi bình diện, tức là đã tạo thêm điều kiện để kết thúc cuộc chiến nhanh chóng, thần kỳ hơn, “dầy tới mà tốt”, miễn sao vẫn phù hợp với tôn chỉ của Hùng Vương, “chí ở trong vậy”.

Truyện Hồng Bàng viết: “... lấy dao cày, lấy nước cấy...”

Tiểu Tượng: Đại quân chi nghi, hành trung chi vị dã.
Dịch Nghĩa: Sự nên của vua cả, nghĩa là làm theo đức giữa vậy.

“Sự nên của vua cả”, ý nói đến những liệu định của người có tài chính trị. 8 quẻ cơ bản là Càn , Đoài , Ly , Tốn , Khôn , Chấn , Khảm , Cấn , bây giờ được khắc trên miệng ống tre, tạo thành vòng tròn, gọi là vòng Tiên Thiên bát quái.



Truyện Hồng Bàng viết: “... Đất trồng nhiều gạo nếp, lấy ống tre thổi cơm...” Trông vòng Tiên Thiên bát quái, quả giống như những hạt cơm nếp dính trên miệng ống tre vậy.

Tiểu Tượng: Chí lâm vô cửu, vị đáng dã.

Dịch Nghĩa: Rất tới không lỗi, ngôi đáng vậy.

Nhằm phổ biến sâu rộng vòng Tiên Thiên bát quái đến mọi gia đình, chiến dịch tâm lý chiến được tung ra. Trước tiên, người ta đổi vòng tròn thành hình bát giác cho lạ mắt, lại đính hình âm dương vào giữa cho ra vẻ huyền bí âm u, rồi tuyên truyền rằng treo vòng Tiên Thiên bát quái trước cửa nhà sẽ ngăn được tà ma, quỷ đạo khuấy phá, làm trở ngại cuộc làm ăn sinh sống của gia đình. Từ đó, mọi người đều dùng vòng Tiên Thiên bát quái này mà treo trước cửa nhà, tố cáo tội ác của giặc Tàu một cách công khai. “Được vòng Tiên Thiên bát quái thì gọi là tiểu thành rồi: Bát quái nhi tiểu thành) (Hệ từ thượng, Chương IX).

Vì vòng Tiên Thiên bát quái chỉ gồm vốn vẹn 8 quẻ cơ bản, cho nên nhỏ, gọn, việc chế tạo giản dị, chi phí thấp, nên dễ dàng phổ biến sâu rộng.



Truyện Hồng Bàng viết: “... gác cây làm nhà để tránh nạn hổ lang...”

Tiểu Tượng: Cam lâm, vị bất đáng dã; kỳ ưu chi, cửu bất trường dã.

Dịch Nghĩa: Ngọt tới, ngôi không đáng vậy; đã lo đó, lỗi không dài vậy.

Nhập 2 quẻ đơn đối diện qua tâm vòng tròn thì được quẻ kép, tức một chữ gồm 2 Nghi. Dùng một vật trong suốt có chiều dài tối thiểu bằng đường kính vòng tròn, cây thước trong chẳng hạn, tâm thước cố định trùng với tâm vòng tròn. Thước có thể xoay, “ngọt tới”, theo cả hai chiều, “ngôi không đáng vậy”, xoay cùng chiều kim đồng hồ được kể là thuận, xoay trái chiều kim đồng hồ coi là nghịch, “đã lo đó”. Sự xoay này ghi nhận được 8 chữ theo chiều thuận, và 8 chữ theo chiều nghịch, “lỗi không dài vậy”.

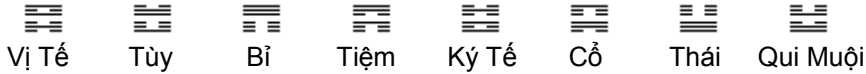
“Trời đất định ngôi, núi chằm thông khí, sấm gió sát nhau, nước lửa không bắn nhau, tám quẻ mài nhau. Kể cái đi rồi là thuận, biết cái sắp tới là nghịch” (Thuyết Quái, Kinh Dịch, Ngô Tất Tố, trang 29). Như vậy, 8 chữ theo chiều thuận là kể chuyện đã qua, 8 chữ theo chiều nghịch là bàn chuyện sắp tới.

Truyện Hồng Bàng viết: “... cắt ngắn đầu tóc để tiện vào rừng núi...”

Tiểu Tượng: Hàm lâm, cát, vô bất lợi, vị thuận mệnh dã.

Dịch Nghĩa: Đều tới, tốt, không gì không lợi, chưa thuận mệnh vậy.

8 chữ theo chiều thuận, kể chuyện đã qua:



Vị Tế: Khởi từ việc quan sát áng mây tròn lơ lửng soi mình trên bóng nước, Tổ Tiên ta phát hiện ra sự biến đổi của nước theo chu kỳ của một vòng tròn.

Tùy: Rồi tự cường không nghĩ,

Bĩ: Tổ Tiên ta xây dựng nên một xã hội Nhân chủ, qua thể chế Bình sản trong việc phân chia ruộng đất, dưới chế độ cai trị dựa trên Văn Lễ gọi là Lễ trị.

Tiệm: Từ đó mà chứa đức hiền, làm hay thói tục.

Ký Tế: Rồi phát hiện ra giếng nước, thiết lập nền văn hóa ruộng nước của Việt tộc.

Cổ: Để từng bước hoàn thành cái ước vọng bao la của ông cha.

Thái: Là xây dựng thành công một xã hội thái hòa, thịnh trị.

Qui Muội: Nghĩa là vẽ nên bức họa sống Chân – Thiện – Mỹ, hoàn thành chức năng cao cả của con người, cùng trời đất phát dục nên vạn vật.

Câu chuyện đã qua, nghe như người ta kể về thời Nghiêu Thuấn?

Truyện Hồng Bàng viết: "... con đẻ ra lót lá chuối cho nằm..."

Tiểu Tượng: Hàm lâm trinh cát, chí hành chính dã.

Dịch Nghĩa: Đều tới chính tốt, chí ở làm sự chính đính vậy.

8 chữ theo chiều nghịch, bàn chuyện sắp tới:



Tùy



Vị Tế



Qui Muội



Thái



Cổ



Ký Tế



Tiệm



Bì

Tùy: Thể hiện của đạo Tùy, Tổ Tiên ta đã phát động nên cuộc đấu tranh văn hóa lâu dài, nhằm đánh đuổi giặc Tàu, giành lại chủ quyền cho Việt tộc.

Vị Tế: Trước tiên, Tổ Tiên ta dựa trên những nét văn vẻ, sáng sủa sẵn có của nền văn hóa nông nghiệp.

Qui Muội: Mà phát động sâu rộng trong quần chúng.

Thái: Nhằm phân biệt giữa cái cùng và khác.

Cổ: Để cùng nhau ninh nấu ý chí.

Ký Tế: Dựng ra trống đồng và văn tự, cùng thêm nhiều thói tục mới,...

Tiệm: Rồi căn cứ vào bản chất từng sự việc.

Bì: Mà đưa việc nào thì về với gốc của sự việc nấy, loài nào thì về với loài nấy, đất về với đất, trời về với trời.

Truyện Hồng Bàng viết: "... nhà có người chết thì giã cối gạo để cho hàng xóm nghe mà chạy đến cứu giúp..."

18. Quẻ CỎ

CẤN TRÊN – TỐN DƯỚI

Đại Tượng: Sơn hạ hữu phong, Cỏ, quân tử dĩ chấn dân dục đức.

Dịch nghĩa: Dưới núi có gió, là quẻ Cỏ, đáng quân tử coi đó mà nhức dân nuôi đức.

Hình tượng quẻ Cỏ: Mọc dưới núi, là hình ảnh cây đút dưới lò, tượng của sự “ninh nấu”.

-oOo-

Tiểu Tượng: Bất sự vương hầu, chí khả tắc dã.

Dịch Nghĩa: Chẳng thờ tước vương, tước hầu, chí đáng làm phép vậy.

Nước là nhu cầu cơ bản, tối cần cho sự sống của muôn loài. Vậy mà đã mấy ai biết đến cái công đức to lớn của nước mà tỏ lòng biết ơn. Thế nhưng nước vẫn đứng đưng không buồn không giận, mà cho dù người đời có nhận biết cái công đức to lớn ấy mà ca ngợi, tung hô đi nữa, nước cũng không lấy thế làm vui, mặc thiên hạ ngợi khen hay chê trách, nước vẫn lặng lẽ và vững chắc trôi dạt đến mọi nơi, len lỏi đến mọi chốn, đem ơn ích của mình ra vẩy giải khắp cùng mà cứu giúp cho đời, “chẳng thờ tước vương tước hầu”, nước thấy chuyện đáng làm thì làm, hăng say mà làm, làm cho tới nơi tới chốn. Nước thấy chuyện không đáng làm thì lặng lẽ bỏ đi, vững chắc không hề lay chuyển, “chí đáng làm phép vậy”.

Công cuộc đấu tranh đánh đuổi giặc Tàu, nhằm đòi lại đất, lấy lại trời, giành lại chủ quyền cho Việt tộc, cũng chỉ là thể hiện công đạo của loài người. Cho nên, đã sinh ra trong trời đất, mình phải góp phần xây dựng sự nghiệp chung đó cho tới chót, tới nơi.

Truyện Hồng Bàng viết: “... trai gái cưới nhau...” Trai gái đã đẹp lòng nhau, phải để cho sự đẹp tới chỗ tận cùng, nghĩa đơn thuần là thế.

Tiểu Tượng: Cán phụ dưỡng tự, thừa dĩ đức dã.

Dịch Nghĩa: Cán đáng cho cha, dùng vâng lấy đức vậy.

Để có thể “cán đáng cho cha”, trước tiên phải thấu rõ cái mục đích của cha, nghĩa là phải “để chí vào cái đạo” của cha, từ đó mới tuân theo cái tôn chỉ hành động của cha, mà thay cha thực hiện.

Mục đích của cha là đánh đuổi giặc Tàu, nhằm lấy lại Đất, thu lại Trời, giành lại chủ quyền về cho Việt tộc, bằng cách phát huy đạo Nhu, dùng ngay những nét văn vẻ sáng sủa của nền văn hóa nông nghiệp, kiên cường đập tan cái hung tàn, bạo ngược của loài thủy tộc, thể hiện qua truyện “Thần núi Tản Viên”.

Tôn chỉ hành động của cha là, khởi từ hành Mộc, khung số 2 của cơ cấu Ngũ Hành, tổ thứ nhất trên mặt trống đồng, mà “tựa vào cái nhân”, nghĩa là căn cứ vào đạo Nhân để nhận rõ sự khác biệt về văn hóa giữa Việt tộc và người Tàu, thể hiện qua truyện “Bánh dày bánh chưng”, mà bước qua khung số 3.

Từ khung số 3, hành Kim, tổ thứ hai trên mặt trống đồng, nhằm gom góp những thói tục trong dân gian, được thể hiện qua truyện “Trầu cau”, mà “ưu du ở nghệ thuật”, để rồi tiếp tục nhảy lên khung số 4.

Từ khung số 4, hành Hỏa, “giữ lấy cái đức” của tám lịch, gồm 10 Can và 12 Chi, nơi tổ 3 trên mặt trống đồng, làm bằng chứng mà tuột xuống khung số 1, thể hiện qua truyện “Lý Ông Trọng”.

Ở khung số 1, hành Thủy, “để chí vào cái đạo”, nghĩa là “cái cùng và khác” ở tổ thứ tư trên mặt trống đồng, mà sắp xếp cho việc nào thì về với gốc của việc đó, cho vật nào thì về với loài của vật ấy, thể hiện qua truyện “Phù Đổng Thiên Vương”.

Tóm lại, “cán đáng cho cha, dùng vâng lấy đức” nghĩa là, “Chí ư đạo, cú ư đức, y ư nhân, dư ư nghệ: Để chí vào cái đạo, giữ lấy cái đức, tựa vào cái nhân, ưu du ở nghệ thuật” (Luận ngữ: Thuật nhi, VII).

Truyện Hồng Bàng viết: “... trước hết lấy muối làm lễ hỏi...”

Tiểu Tượng: Dụ phụ chi cổ, vãng vị đắc dã.

Dịch Nghĩa: Rộng rãi với sự cổ của cha, đi chưa được vậy.

“Rộng rãi với sự cổ của cha” được thể hiện qua phương pháp giáo hóa của Khổng Tử như sau:

Trước hết là lấy Thư mà mở mang sự tri thức, cho có trí mà để chí đến cái đạo; lấy Thi mà nuôi tính tình để có nhân mà tựa. Rồi lấy Hiếu để dựng lòng ái và lòng kính; lấy điều trung mà dựng nhân, dùng điều tín mà phát nghĩa; dùng lễ nhạc mà sửa tâm tính cho ngay chính, lễ để khiến cái chí mà giữ lấy cái đức, nhạc để hòa cái thanh mà ưu du ở nghệ thuật. Sau chót mới lấy văn chương đạo đức mà trang sức cho thành vẻ tôn quý. “Khổng Tử chi thi giáo dã, tiên chi dĩ Thi

Thư, nhi đạo chi dĩ hiếu ễ, thuyết chi dĩ nhân nghĩa, quan chi dĩ lễ nhạc, nhiên hậu thành chi dĩ văn đức: Cách dạy người của Khổng Tử, trước hết dùng Thi, Thư mà dạy, rồi lấy hiếu ễ mà đạo dẫn người ta, lấy nhân nghĩa mà giảng dụ, lấy lễ nhạc mà khiến người ta xem xét, sau cùng mới lấy văn lấy đức mà làm cho nên người” (Khổng Tử gia ngữ, thiên Đệ tử hạnh, XII).

Dạy “vâng lấy đức” rồi, “sau chót mới lấy văn chương đạo đức mà trang sức cho thành vẻ tôn quý”. Như vậy, “rộng rãi với sự cổ của cha” là chỉ 64 quẻ Dịch, thể hiện ở 6 khung, mỗi khung có hai người hóa trang chim, tay cầm rìu và mộc, được khắc trên thân trống đồng.

Truyện Hồng Bàng viết: “... rồi sau mới giết trâu để làm lễ thành hôn...”

Tiểu Tượng: Cán phụ chi cổ, chung vô cữu dã.

Dịch Nghĩa: Cán đáng sự cổ của cha, trọn không lỗi vậy.

“Người là đức của Trời Đất (Nhân giả kỳ thiên địa chi đức)”. Người ở giữa Trời và Đất (Tam Tài), cùng làm chuẩn với Trời Đất mà chỉnh trang, tạo cảnh thái hòa cho vạn vật: “Dịch dữ thiên địa chuẩn, cố năng di luân thiên địa chi đạo” (Hệ từ thượng truyện, chương IV). Bởi vậy mà Trời có 4 hướng là Đông – Tây – Nam – Bắc, Đất có 4 mùa là Xuân – Thu – Hạ – Đông, Người có 4 đức là Nhân – Nghĩa – Lễ – Trí. Cái vị thế của con người quan trọng như thế, cái chức năng của con người cao cả như vậy, nên con người phải là một chủ nhân ông thật sự, không những chỉ làm chủ những đồ đạc cần dùng, mà trước hết, và trên hết, là phải làm chủ chính bản thân mình, tâm hồn mình, vận hệ mình. Vậy thì con người phải có quyền tư hữu, quyền tham dự vào mọi hoạt động và cơ cấu tổ chức xã hội.

Truyện Hồng Bàng viết: “... đem cơm nếp vào trong phòng cùng ăn với nhau cho hết...”

Tiểu Tượng: Cán mẫu chi cổ, đắc trung đạo dã.

Dịch Nghĩa: Cán đáng sự cổ của mẹ, được trung đạo vậy.

Hệ từ hạ truyện viết: “Thiên địa nhân huân, vạn vật hóa thuần, nam nữ cấu tinh, vạn vật hóa sinh: Khí trời hình đất, nhờ ở sự khởi nguyên và sinh ra, mà vật nào thì có cái sở nghi của vật nấy, rồi giống đực và giống cái giao cấu nhau, rồi vạn vật cứ thế mà sinh ra mãi”. Người là sự kết tinh từ sự giao hợp của âm và dương (âm dương chi giao), nên phải theo cái lẽ của tạo hóa (âm dương) mà biến hóa sinh sinh. Như thế, sự sống của con người phải được tuyệt đối tôn trọng. Sự tôn trọng quyền sống của con người được biểu hiện bằng 2 đức Hiếu và Đễ: Hiếu là trọng kính cái nguồn gốc của sự sống, những người đã truyền sinh và nuôi dưỡng nên mình. Đễ là trọng kính sự sống nơi người nào đã bảo toàn sự sống lâu hơn mình để học hỏi và thấu

thập kinh nghiệm sống. Để sống, con người cần ăn và tự do, thiếu ăn thì hết sống, và thiếu tự do thì cái sống không còn của con người nữa mà là cái sống của cây cối, súc vật. Quyền sống và quyền hưởng tự do đó phải được xã hội công khai thừa nhận.

Truyện Hồng Bàng viết: "... rồi sau mới tương thông..."

Tiểu Tượng: Cán phụ chi cổ, ý thư khảo dã.

Dịch Nghĩa: Cán đáng sự cổ của cha, ý vâng cha vậy.

Được thừa nhận không cũng chưa đủ, quyền sống và quyền hưởng tự do phải được xã hội tôn trọng và ra sức bảo vệ. Mà trong con người có đủ các yếu tố thụ tạo và tạo dựng, có vật chất, mảnh vụn, dạt dào, có điên rồ, lộn xộn, mà cũng có những mãnh lực, kiến thiết lôi kéo trái ngược..., bởi người "là chỗ tụ hội của quỷ thần" (quỷ thần chi hội), nên cần phải hướng dẫn hành vi con người theo lối tích cực, nghĩa là vừa phải có Lễ để khuyến khích người ta làm điều ngay, điều phải, vừa có Luật để ngăn cấm và trừng phạt những hành vi cần rở của người đời.

Truyện Hồng Bàng viết: "... lúc bấy giờ chưa có trầu nên phải thế..."

Lưu ý: Cơ cấu Ngũ Hành gồm 5 hành nhưng tới 6 khung, vì thế mà phân chia ra "đêm năm canh, ngày sáu khắc":

"Canh một dọn cửa dọn nhà,
Canh hai dặt củi, canh ba đi nằm.
Canh tư bước sang canh năm,
Trình anh dậy học chớ nằm làm chi.
Lỡ mai chúa mở khoa thi,
Bảng vàng chói lọi có đề tên anh".

Còn 6 khắc là: "Kim khắc Mộc", "Hỏa khắc Kim", "Thủy khắc Hỏa", "Thổ khắc Thủy", "Mộc khắc Thổ", "Kim khắc Mộc". Khắc nghĩa là hoạch (khắc giả hoạch dã), tức là thấu đạt.

Thấu đạt có nghĩa là bắt đầu từ Mộc qua Kim, từ Kim lên Hỏa, từ Hỏa xuống Thủy mà thực hiện công cuộc đấu tranh văn hóa.

Sau đó phải tiếp tục xây dựng, từ Thủy lên Thổ, từ Thổ trông qua bên trái là Mộc gọi là "tả thánh", rồi từ Mộc (hướng nhân) qua Kim (hữu nghĩa) mà tàng trữ nhân đức, "bội tàng dã".

KẾT LUẬN

Hệ từ thượng truyện, chương VI:

1. “Phù dịch quảng hĩ, đại hĩ: dĩ ngôn hồ viễn tắc bất ngự, dĩ ngôn hồ nhĩ tắc tĩnh nhi chính, dĩ ngôn hồ thiên địa chi gian tắc bị hĩ: Đạo dịch rộng lớn thật: nói về xa thì đạo ấy vô cùng, nói về gần thì đạo ấy tĩnh và chính, nói về khoảng trong trời đất thì đạo ấy bao hàm đủ cả”.
2. “Phù Càn kỳ tĩnh dã chuyên, kỳ động dã trực, thị dĩ đại sinh yên. Phù Khôn, kỳ tĩnh dã hấp, kỳ động dã tịch, thị dĩ quảng sinh yên: Đạo Càn lúc tĩnh thì chuyên nhất, lúc động thì tiến thẳng, cho nên sức sinh ra của nó lớn. Đạo Khôn lúc tĩnh thì thu lại, lúc động thì mở ra, cho nên sức sinh ra của nó rộng”.
3. “Quảng đại phối thiên địa, biến thông phối tứ thời, âm dương chi nghĩa phối nhật nguyệt, giản dị chi thiện phối chí đức: Vì rộng lớn nên phối hợp với trời đất, vì biến thông nên phối hợp với bốn mùa, vì lẽ âm dương nên phối hợp với mặt trời mặt trăng, vì nó có cái hay là giản và dị, cho nên phối hợp với cái đức tối cao”.

Hệ từ thượng truyện, chương VII:

1. “Tử viết: Dịch kỳ chí hĩ hồ! Phù dịch thánh nhân sở dĩ sùng đức nhi quảng nghiệp dã; trí sùng lễ ti; sùng hiệu thiện, ti pháp địa: Thầy (Khổng) nói: Đạo Dịch tinh diệu tay! Thánh nhân dùng nó mà đưa đức mình lên cao, mở rộng sự nghiệp của mình; trí thì cao mà lễ thì khiêm hạ; về phần cao là bắt chước trời, về phần khiêm hạ là bắt chước đất”.
2. “Thiên địa thiết vị nhi dịch hành kỳ trung hĩ; thành tính tồn tồn, đạo nghĩa chi môn: Trời đất định ngôi, mà sự biến hóa lưu hành ở khoảng giữa; người ta nắm thụ được cái tính rồi, thì còn, còn mãi, đó là cái cửa của đạo nghĩa vậy”.

Hệ từ thượng truyện, chương XI:

“Thị cổ thi chi đức viên nhi thần, quái chi đức phương dĩ trí, lục hào chi nghĩa dịch dĩ cố. Thánh nhân dĩ thử tẩy tâm, thoái tàng ư mật, cát hung dữ dân đồng hoạn, thần dĩ tri lai, trí dĩ tàng vắng. Kì thực năng dự ư thử? Cổ chi thông minh tuần trí, thần vũ nhi bất sát giả phù?”

Cái đức của cỏ thi tròn trịa mà thần diệu, cái đức của quả bói vuông vức mà sáng suốt, cái nghĩa của sáu hào biến đổi để chỉ bảo chúng ta. Thánh nhân dùng ba đức ấy mà ninh nấu ý chí, lúc bĩ cực thì cất dấu đạo lý sâu tận đáy lòng, khi thái lai thì hiển thấu ngọn ngành mà cùng với người dân dấy lên, là quyết định chiến thắng một cách nhanh chóng như việc thần minh đã sắp đặt, vì lúc đó đã quá rõ ràng không ai chối cãi được, vật nào thì lại về với gốc của vật ấy, sự việc nào thì lại theo về với loài của sự việc ấy. Ai có thể làm được như vậy? Chắc chỉ có những cổ nhân thông minh sáng suốt, biết tiến lui còn mất mà không lỗi với sự ngay thẳng là được vậy thôi.

Truyện Hồng Bàng viết: "... Bách Nam là thủy tổ của Bách Việt vậy".

"Thành nhân chi hạnh, đạt hồ tình tính chi lý, thông hồ vật loại chi biến, tri u minh chi cố, đồ du khí chi nguyên, nhược thử khả tắc vị thành nhân. Ký tri thiên đạo, hành thân dĩ nhân nghĩa, sức thân dĩ lễ nhạc. Phù nhân nghĩa lễ nhạc, thành nhân chi hạnh dã, cùng thần tri hóa, đức chi thịnh dã: Đức hạnh của bậc thánh nhân là đạt cái lý của tình tính, suốt cái biến của vật loại, biết cái có u minh, rõ cái nguồn du khí, như thế gọi là bậc thành nhân. Đã biết đạo Trời, lại đem mình làm những điều nhân nghĩa, trang sức mình bằng lễ nhạc. Nhân nghĩa lễ nhạc là cái hạnh của bậc thành nhân, cùng thần tri hóa, cái đức đến thế thật là thịnh vậy" (Khổng Tử tập ngữ: Sở phật Trần, XVIII).

Phạm Khắc Trung

Tài liệu tham khảo

- Chu Dịch (1&2), Phan Bội Châu, Xuân Thu, California, Hoa Kỳ, không rõ năm tái bản.
- Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Ngô Sĩ Liên, Đại Nam tái bản ở hải ngoại.
- Kinh Dịch, Ngô Tất Tố, H.T. Kelton, California, Hoa Kỳ, không rõ năm tái bản.
- Kinh Dịch, Nguyễn Hiến Lê, Văn Nghệ, California, Hoa Kỳ, 1993?
- Lĩnh Nam Chích Quái, Vũ Quỳnh & Kiều Phú, Văn Học, TP.HCM, 1990.
- Ngũ Kinh Khải Triết, Kim Định, Thanh Niên Quốc Gia, California, Hoa Kỳ, 1994? Gồm:
 - Hùng Việt Sử Ca.
 - Kinh Hùng Khải Triết.
 - Pho tượng đẹp nhất của Việt tộc.
 - Sứ Điệp Trống Đồng.
 - Văn Lang Vũ Bộ.
- Nhân Chủ, Kim Định, An Việt, California, Hoa Kỳ, không rõ năm xuất bản.
- Nho Giáo, Trần Trọng Kim, Tân Việt, Saigon, không rõ năm xuất bản.
- Những ông Trạng trong dân gian, Thiên Phủ, không ghi nhà xuất bản.
- Vân Đài Loại Ngữ, Lê Quý Đôn, Phạm Vũ & Lê Hiền dịch, Đại Nam tái bản ở hải ngoại.
- Việt Nam Sử Lược, Trần Trọng Kim, BGD-Trung Tâm Học Liệu, tái bản tại hải ngoại.